

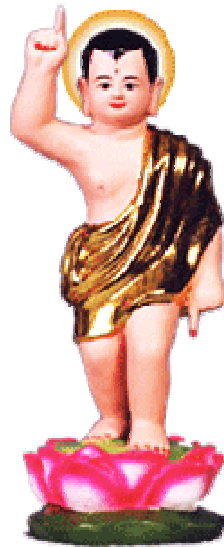
# PHẬT PHÁP

## BOUDDHADHARMA

Số/N. 30-04/2008

*Mùa Phật Đản / La grande Fête de Vesak*

Ta  
Vị  
Một  
Đại  
Sự  
Nhân  
Duyên  
Mà  
Thì  
Hiện  
Ra  
Đời



Đó  
Là  
Chỉ  
Bây  
Cho  
Chúng  
Sinh  
Ngộ  
Nhập  
Tri  
Kiến  
Phật

Khi tâm địa nhãn được  
Chẳng nói không nghĩ bàn  
Thấu rõ vô khả đắc  
Khi đắc chẳng nói biết.

Tây thiên Tổ thứ hai mươi ba Hạc Lạc Na tôn giả

Acquérir la patience d'esprit  
C'est, sans discours ou vaine réflexion  
Pénétrer l'inaccessible  
Ce succès ne se dit pas.

Vingtroisième Patriarche de l'Inde Vénérable Haklenayaas

## Phật pháp/Bouddhadharma 30

- Tờ Phật pháp / La Revue Bouddhadharma phát hành mỗi kỳ ba tháng / Edition Trimestrielle.
- Chủ Nhiệm : Vén. Thích Minh Định.
- Đánh máy : Ngô Trí Tuệ, Trần Xuân Tiến, Giác Lâm ...
- Le correcteur des textes en français : Lý Thị Minh Nguyệt, Phan Ngọc Anh.
- Ban phát hành: Thích Nữ Đàm Như, Anh chị Phạm Tấn Lộc, cô Vi, cô Hồng, cô Giác Hạnh, cô Giác Hiền, cô Diệu Hải, cô Đồng Thu, chú Giác Lâm, cô Giác Xuân, Anh chị Thanh Bạch và Bạch Lê, Cô Giác Thủy, Cô Giác Thanh, Cô Giác Hảo, Cô Giác Hoa, ....
- Các Kinh tiếng Việt và tiếng Pháp dịch ra đăng trên tờ Phật pháp do ban phiên dịch Chùa Kim Quang/Les Sutras publiés dans la revue Bouddhadharma sont traduits par les membres de la Pagode Kim Quang.
- Báo Phật pháp chuyên đăng những Kinh, Chú của Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải và Khai thị, Pháp ngữ của Hoà Thượng.
- La revue Bouddhadharma publie principalement les Sutras, les Mantras expliqués par le Vénérable Maître Hsuan Hua et ses bonnes paroles pour cultiver la voie du Bouddha.
- Hoan nghênh tất cả bài viết về Phật pháp, giáo dục..., của tất cả quý vị, và sự phát tâm đóng góp phiên dịch, đánh máy tiếng Việt/Pháp xin liên lạc về chùa.
- Mọi sự thỉnh báo Phật pháp dài hạn, phát tâm cúng dường ủng hộ, ngân phiếu xin đề Pagode Kim Quang.
- Mọi chi tiết xin liên liên lạc về :

Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois  
France  
Tel./fax : 01.48.69.01.24  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
website: chuakimquang.com

## Trong số này/Sommaire

Kinh hoa niêm giảng giải	3
Kinh pháp hoa giảng giải	5
Chú Lăng niêm giảng giải	8
Kinh bát nhã	10
Đại trí độ luận	12
Pháp ngữ thiên sư hui văn	14
Hăm sơn đại sư từ tuyên	16
Mắt thần người vạn kiếp ...	18
Tứ hoàng thế nguyện	20
Ba mươi hai tướng tốt của Phật	22
Thần thông của Phật	23
Cuộc đời và sự nghiệp ...	23
Tam bộ nhất bái	25
Le Sutra du Dharmya du lotus	27
Le Sutra shurangama	29
Le mantra shurangama	31
Le Sutra du vajra prajna paramita	33
Le bouddha parle le Sutra d'amitayha	35
Le Sutra quarante deux chapitres	37
Le Sutra du sixième fondateur	39
Fils de Bouddha ...	40
Formules magiques miraculeuses	42
Le lotus poussé dans la boue	45
Dieux raisons expliquant	46
Les quatre fils	47
Une prostration tous les trois pas	48
Trente deux splen leurs divines...	51



# Kinh hoa nhiệm đại phương quang Phật

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch: Thập Xoa Nan Đà  
Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Minh Định

## Tiếp theo kỳ trước

2. Ái ngữ: Tức là lời nói thái độ giống như cha mẹ nói với con cái, không những nhu hòa mà còn từ bi, đối với chúng sinh cũng lại như thế, khiến cho chúng sinh có hảo cảm. Do đó:

“Lời hay nửa câu, ấm suốt ba mùa Đông.”

Lời nói là biểu đạt sự cảm tình. Biết dùng người thì kết thiện duyên khắp nơi, không biết dùng người thì kết ác duyên khắp nơi. Cho nên người tu đạo phải rộng kết thiện duyên.

Có câu chuyện như vậy: Lúc Đức Phật còn tại thế, Đức Phật và hai vị tôn giả Ca Diếp và A Nan đi đến xứ nọ thuyết pháp, giáo hóa chúng sinh. Gặp lúc mùa hạ thời tiết nóng bức, mồ hôi chảy nhễ nhại, bèn đến nghỉ dưới gốc cây.

Lúc bấy giờ, Đức Phật thấy một phụ nữ đến giếng gánh nước, bèn sai tôn giả A Nan đi xin nước. A Nan đến bên giếng, thì người thiếu phụ nóng giận lên, không những không cho nước, mà còn mắng chửi tôn giả A Nan. Tôn giả A Nan im lặng cúi đầu trở về chỗ Phật. Phật sai tôn giả Ca Diếp đến xin nước, tôn giả Ca Diếp đến bên giếng, thì người phụ nữ cười hỏi:

- “Thầy đến đây làm gì?” Tôn giả Ca Diếp nói rõ ý của mình đến, thì người phụ nữ đó múc đầy hai bầu nước, một bầu cúng dường Phật, một bầu cúng dường ngài Ca Diếp.

Tôn giả A Nan thấy như vậy, trong tâm nghi vấn, bèn hỏi Đức Phật là nhân duyên gì? Phật bèn nói ra một đoạn nhân duyên trong vô lượng kiếp: Thuở đó người phụ nữ này là con chuột, vì quan hệ nghiệp chướng, con chuột bị xe cán chết ở giữa đường, thân thể đã hôi thối. Tôn giả A Nan là một vị Tỳ Kheo đi ngang qua, ngửi thấy mùi chuột thối muốn mửa ra, tâm nghĩ lão chuột đáng chết, rồi bịt mũi đi qua. Đàng xa cũng có một Tỳ Kheo đi đến, đó là tiền thân tôn giả Ca Diếp, tôn giả Ca Diếp phát tâm từ bi, thấy chuột chết thật đáng thương xót, mới mai táng xác chuột dưới đất, rồi

vì nó mà niệm bảy biến Chú Vãng Sanh, cho nên nó mới có duyên sinh làm người. Đó là nhân quả kết thiện duyên, hoặc kết ác duyên.

3. Lợi hành: Tức là có lợi gì, thì phân chia đồng đều cho mọi người, không thể chiếm làm của riêng. Nên học Bảo Thúc Nha và Quán

Trọng về việc chia vàng. Hai người hợp tác làm ăn, đến khi chia lợi nhuận, thì Quán Trọng lấy phần nhiều, còn Bảo Thúc Nha thì ít hơn. Có người cho rằng không công bằng, mới hỏi Bảo Thúc Nha tại sao lại như thế? Bảo Thúc Nha nói: “Quán Trọng có mẹ già còn sinh tiền, ăn uống phải có dinh dưỡng, cho nên mới lấy phần nhiều.” Quán Trọng nghe được điều này rất cảm động vô cùng, rất cảm kích nói rằng:

“Cha mẹ là người sinh ta,



Tắm Phật nhân ngày Đại Lễ Phật Đản

Người biết ta là Bảo Thúc Nha.”

4. Đồng sự: Bồ Tát nghĩ muốn độ người gì, thì hiện ra thân đó, cho nên Bồ Tát Quán Thế Âm có ba mươi hai thân tướng. Đáng dùng thân người nam độ được, thì hiện thân người nam để độ, đáng dùng thân người nữ độ được, thì hiện ra thân người nữ để độ. Đáng dùng thân sĩ, nông, công, thương, độ được, thì hiện ra thân sĩ, nông, công, thương, để độ. Tóm lại, phải hiện ra cùng thân, cùng thân phận, thì mới độ được dễ dàng. Nếu với chúng sinh đã thành nhất niệm, chẳng có giới hạn, không phân biệt đó đây, như vậy thì bạn với chúng sinh thành một thể, lúc đó thuyết pháp cho chúng sinh nghe, thì hiệu quả trăm phần trăm.

Vị Thiên Vương này, đắc được môn giải thoát bốn pháp niếp, để niếp hóa chúng sinh. Ở trên là môn giải thoát của mười vị Biến Tịnh Thiên Vương. Dưới đây là những bài kệ của các vị đó.

### **Bấy giờ, Thanh Tịnh Huệ Danh Xứng Thiên Vương, nường oai lực của đức Phật, quán sát khắp tất cả Thiên chúng cõi trời Thiếu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh, mà nói kệ rằng.**

Tức là lúc bấy giờ, vị Thanh Tịnh Huệ Danh Xứng Thiên Vương, trời Tam Thiên thuộc về sắc giới, nường đại oai thần lực của chư Phật, quán sát khắp hết tất cả Thiên chúng trời Thiếu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Ở trong ba cõi trời này, lại phân ra vô lượng vô biên trời Thiếu Tịnh, trời Vô Lượng Tịnh, trời Biến Tịnh. Vị Thiên Vương này nói ra mười bài kệ, để tán thán công đức của Phật.

Trời Tam Thiên gọi là Ly Hỷ Diệu Lạc, ở cõi trời này, chẳng cần hoan hỷ cảnh giới nữa, cảnh giới thuần túy rất vi diệu khoái lạc. Trời Tam Thiên này có ba cõi trời:

1. Trời Thiếu Tịnh: Thiên chúng ở cõi trời này, đã thoát khỏi tâm hỷ duyệt, đắc được khoái lạc tịch tĩnh vi diệu. Sự khoái lạc này, là từ nội tâm sinh ra, chẳng phải từ ngoại cảnh mà có.
2. Trời Vô Lượng Tịnh: Thiên chúng ở cõi trời này, thân tâm đắc được khinh an như hư không, là cõi

trời khoái lạc nhất (người tu đạo không nên ở cõi trời này, vì quá khoái lạc mà quên tu hành, rất dễ đọa lạc).

3. Trời Biến Tịnh: Thiên chúng ở cõi trời này, đắc được thuần chân thanh tịnh diệu lạc, tiêu diệt tất cả tâm hoan hỷ.

### **Bậc biết rõ pháp tánh vô ngại Hiện khắp mười phương vô lượng cõi**

### **Nói cảnh giới Phật khó nghĩ bàn Khiến chúng đồng quy biển giải thoát.**

“Bậc biết rõ pháp tánh vô ngại.” Chỉ có Phật mới biết rõ và hiểu được pháp thế gian và pháp xuất thế gian, thấy rõ được tất cả các pháp đều viên dung vô ngại. Phật không những tự mình thấy rõ được đạo lý này mà cũng dạy chúng sinh thấy rõ được đạo lý này.

“Hiện khắp mười phương vô lượng cõi.” Phật hiện khắp hết cõi nước chư Phật trong mười phương để giáo hóa chúng sinh. Phạm phu chúng ta cho rằng Phật chỉ hiện ở thế giới Ta Bà để giáo hóa chúng sinh, thực ra mười phương thế giới đồng thời đều có Phật xuất hiện ra đời, cho nên nói hiện khắp mười phương vô lượng cõi.

“Nói cảnh giới Phật không nghĩ bàn.” Phật ở trong vô lượng vô biên cõi Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, khiến cho chúng sinh hiểu được cảnh giới của Phật là không thể nghĩ bàn, là diệu không thể nói. Tóm lại, tâm phạm phu nghĩ không đến, miệng nói không ra cảnh giới.

“Khiến chúng đồng quy biển giải thoát.” Khiến cho chúng sinh đồng đắc được giác ngộ, Phật đem chân lý của mình đã giác ngộ để giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ đắc được giải thoát hải này. (còn tiếp)

**Thông báo :** Chùa Kim Quang đã chuyển về địa điểm mới. Xin các Chùa, tự viện gửi thư từ, báo, xin gửi về địa chỉ mới. Kể từ tháng 6 tới Bưu điện sẽ không chuyển thư nữa. A Di Đà Phật !

# Kinh Diệu Pháp Liên Hoa

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Hán dịch : Pháp sư Cưu Ma La Thập  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tiếp theo kỳ trước

**N**gài Văn Thù Sư Lợi !  
Các vị Phật tử kia  
Vì cúng dường xá lợi  
Trang nghiêm đẹp chùa tháp.  
Khắp cõi nước tự nhiên  
Đẹp đẽ tốt lạ thường  
Như cây Thiên thụ vương  
Hoa nở khắp hết thảy.  
Phật phóng luồng hào quang  
Tôi và cả chúng hội  
Thấy khắp cõi nước đó  
Đủ thứ sự thù diệu.  
Sức thần thông chư Phật  
Trí huệ rất hi hữu  
Phóng một luồng tịnh quang  
Chiếu khắp vô lượng cõi.  
Chúng ta thấy như vậy  
Thật là chưa từng có  
Mong Phật tử Văn Thù  
Giải quyết nghi của chúng.  
Bốn chúng đều trông mong  
Nhìn Ngài và nhìn tôi  
Thế Tôn vì cớ gì ?  
Phóng luồng quang minh này !  
Phật tử hãy giải đáp  
Dứt nghi cho chúng mừng  
Có những lợi ích gì ?  
Về việc quang minh đó !  
Phật ngồi tại đạo tràng  
Đắc được pháp thâm diệu

Vì muốn nói pháp đó  
Hay là sẽ thọ ký !  
Hiện bày các cõi Phật  
Các báu đều nghiêm tịnh  
Và thấy các đức Phật  
Đây chẳng phải duyên nhỏ.  
Ngài Văn Thù nên biết !  
Bốn chúng trời, rồng, thần  
Thảy đều nhìn trông Ngài  
Vì sẽ nói những gì ?

Ngài Bồ Tát Văn Thù, các vị Phật tử kia tạo chùa tháp để cúng dường xá lợi và tượng Phật, trang nghiêm xú sở, khiến cho cảnh giới đẹp của nước này, tự nhiên trở thành thù thắng tốt đẹp. Cây Thiên thụ vương tức là cây Ba Lợi Chất Đa, mọc ở trong vườn của trời Đế Thích, nhánh lá che khắp năm mươi do tuần. Đây là dụ cho sự nghiêm túc tháp chùa, như hoa của cây này nở.

Đức Phật phóng ra luồng hào quang trắng, khiến cho chúng ta thấy được trí huệ và thần thông hi hữu của chư Phật, trong một vạn tám ngàn cõi. Cảnh giới thù thắng này, thật là ít thấy, do đó chắc có nhân duyên lớn, cho nên Đức Phật thị hiện tướng đềm tốt này, là muốn vì đại chúng nói diệu pháp vô thượng, hay là vì đại chúng thọ ký bồ đề ? Tôi và bốn chúng : Thiên Long bát bộ .v.v., đều mong cầu Bồ Tát Văn Thù vì chúng tôi mà giải trừ lòng nghi ngờ. Đại chúng đều nhìn Ngài và nhìn tôi đều muốn biết Phật sẽ nói những gì ?

**Bấy giờ, Ngài Văn Thù Sư Lợi nói với đại Bồ Tát Di Lặc và các Đại sĩ. Các thiện nam tử ! Theo sự**



**ngĩ của tôi, nay Đức Phật Thế Tôn muốn nói pháp lớn, đánh trống pháp lớn, diễn nói pháp nghĩa lớn.**

**Các thiện nam tử ! Tôi ở chỗ chư Phật trong quá khứ, đã từng thấy điềm lành này, sau khi đức Phật phóng quang minh rồi sẽ nói pháp lớn.**

Đương lúc đó, Bồ Tát Văn Thù nghe lời này xong, thì vì Bồ Tát Di Lạc và các đại chúng nói : Theo Kinh nghiệm của tôi trong quá khứ, phàm là Phật phóng thứ quang minh này, tức sẽ nói pháp đại thừa, như mưa lớn thấm nhuần chúng sinh, thổi pháp loa lớn, để hiệu triệu tất cả chúng sinh, đánh trống pháp lớn, để thức tỉnh mê mộng.

**Do đó, sẽ biết chắc hôm nay Đức Phật, hiện quang minh cũng lại như thế, muốn khiến cho chúng sinh đều được nghe biết pháp, mà tất cả thế gian rất khó tin, cho nên thị hiện tướng điềm lành.**

**Các thiện nam tử ! Vào thuở quá khứ vô lượng vô biên bất khả tư nghĩ A tăng kỳ kiếp, lúc đó có đức Phật hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai, ứng cúng, chánh biến tri, minh hạnh túc, thiện thế thế gian giải, vô thượng sĩ, điều ngự**

**trượng phu, thiên nhân sử, Phật, Thế Tôn.**

Cho nên, hiện nay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni hiện ra quang minh cũng lại như thế. Đức Phật trước nói tam tạng giáo lý, Kinh điển tiểu thừa, nông cạn dễ hiểu, sau thị hiện tướng quang minh điềm lành, khiến cho chúng sinh thật hiểu biết pháp môn viên đốn mà tất cả thế gian, tam giới đều khó tin, sau đó mà vì đại chúng giải nói diệu nghĩa, khiến cho nhập vào trí huệ của Phật.

Các thiện nam tử ! ví như : Trong quá khứ bất khả tư nghĩ vô lượng kiếp, có một vị cổ Phật hiệu

là Nhật Nguyệt Đăng Minh Như Lai. Nhật là biểu thị huệ quang phá đêm dài của trời, người, chiếu sáng sự tối tăm của vũ trụ. Nguyệt là biểu thị định lực. Đăng là biểu thị giới trí. Cho nên giới, định, huệ viên mãn



Chư Tăng Ni Phật tử lưu niệm dịp lễ Thượng Nguyên 2008

đầy đủ.

Tất cả chư Phật đều có tên chung và tên riêng. Nhật Nguyệt Đăng Minh là tên riêng. Như Lai cho đến Thế Tôn mười danh hiệu này, là tên chung của chư Phật. Danh hiệu của mỗi một vị Phật vốn có một vạn, biểu thị vạn đức trang nghiêm, nhưng sức trí nhớ của con người hạn hẹp, căn cơ ám độn, cho nên bớt đi còn năm ngàn, rồi còn một ngàn, một trăm, cuối cùng thì cố định mười danh hiệu, làm thông hiệu cho chư Phật, nay lược giải như sau.

**Như Lai** : Tức là Phật. Như là bất biến, tĩnh. Lai là tùy duyên, động. Động tĩnh nhất như, hổ tương vô ngại. Kinh Bát Nhã nói rằng : Chẳng từ đâu đến, cũng chẳng đi về đâu, đây tức là pháp thân Như Lai không sinh không diệt. Trong Thành Thập Luận nói rằng : Thừa như thật đạo, lai thành

chánh giác, đây tức có sinh có diệt, ứng thân Như Lai vậy.

**Ứng Cúng** : Như Lai Thế Tôn đây đủ vạn đức, đáng thọ nhận trời, người cúng dường.

**Chánh Biến Tri** : Biết một niệm hiện tiền, sinh ra vạn pháp, gọi là chánh tri. Biết vạn pháp chẳng lìa một tâm niệm là biến tri. Cho nên gọi là Chánh biến tri.

**Minh Hạnh Túc** : Phước đức, trí huệ cả hai đều đầy đủ.

**Thiện Thệ** : Đi đến chỗ tốt nhất, tức từ chỗ mê mà đến nơi trí địa.

**Thế Gian Giải** : Khéo hiểu pháp thế gian và xuất thế gian.

**Vô Thượng Sĩ** : Chư Bồ Tát chưa sạch vô minh thì còn có Phật ở trên, gọi là hữu thượng sĩ, chúng tột Như Lai gọi là Vô Thượng Sĩ.

**Điều Ngự Trượng Phu** : Điều là có uy đức cho nên chúng sinh cung kính mà điều phục được. Ngự là dùng pháp thiện xảo phương tiện nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Phật là đại trượng phu điều ngự được tất cả chúng sinh.

**Thiên Nhân Sư** : Đạo Sư của trời và người.

**Phật** : Nói đủ là Phật Đà Gia, nghĩa là tự giác, giác tha và giác hạnh viên mãn. Phạm phu bị vây hãm ở trong lò lửa tam giới, kham nhẫn biển khổ, chẳng muốn lìa khỏi, nên gọi là không giác. A La Hán biết được sự nóng bức, mà muốn thoát khỏi tam giới tự giác được, còn Bồ Tát không những tự giác mà cũng giác tha, độ thoát chúng sinh tội khổ nhưng chưa giác ngộ viên mãn, chỉ có Đức Phật đã tự giác, giác tha và giác hạnh cũng viên mãn. Cho nên Phật là bậc đại giác viên mãn nhất.

**Thế Tôn** : Là bậc được trời, người, Thánh Hiền của thế gian và xuất thế gian tôn kính.

**Diễn nói chánh pháp, ban đầu, giữa, sau cùng đều lành, nghĩa lý rất thâm sâu, lời lẽ khéo léo vi diệu,**

**thuần nhất chẳng hỗn tạp, đầy đủ tướng phạm hạnh thanh tịnh.**

"Diễn nói chánh pháp" : Pháp quyền xảo phương tiện, vì người thí giáo, cho nên chẳng nhất định. Với người căn tính sâu dày, thì nói pháp tự tính bản thể ; vì người căn cơ bậc trung, thì nói pháp luân lý cho đến khoa học luân hồi ; còn đối với người chẳng hiểu biết, thì nói pháp nghiệp lực luật nhân quả. Diễn nói Phật pháp ngoài sự khế cơ khế lý, cũng phải dung khai và hợp. Khai được mà chẳng hợp thì có bắt đầu chẳng có kết thúc ; hợp được mà chẳng khai được, thì có kết thúc chẳng có bắt đầu, cũng phải tùy cơ ứng biến.

Từ khi Đức Phật bắt đầu phát tâm, xuất gia tu đạo bồ đề gọi là sơ thiện (ban đầu lành), tu khổ hạnh, bố thí nội tài, bố thí ngoại tài ; ngoại tài là : ngôi vua, vợ con ; nội tài là : đầu, mắt, tủy, não, thậm chí vì chúng sinh mà xả bỏ tính mạng, tức gọi là trung thiện (giữ lành). Đức Phật thuyết pháp giáo hóa chúng sinh bốn mươi chín năm, giảng Kinh hơn ba trăm hội, cho đến nhập Niết Bàn, là hậu thiện (sau cùng lành). Đức Phật ở trong ba đại A Tăng Kỳ kiếp tu hành. Kiếp thứ nhất tu công đức là sơ thiện, kiếp thứ hai tu công đức là trung thiện, kiếp thứ ba tu công đức là hậu thiện. Sơ, trung, hậu, là quá trình tu hành, có bản có tế. Bản (gốc) tức là lúc ban đầu phát bồ đề tâm ; tế là thị hiện đủ thứ pháp môn sở tu. Nghĩa lý của pháp từ đầu đến cuối rất sâu xa, lời lẽ khéo léo vi diệu, thuần một pháp môn viên đốn, khiến cho người thích nghe, đây đủ tướng thanh tịnh. Đầy đủ nghĩa là chẳng thiếu chẳng thừa. Thuần nhất chẳng hỗn tạp, là nhất thừa thuần tịnh, chẳng hai, chẳng ba. (còn tiếp)

### **Cần trần**

*Lục cần kết chệch lục trần*

*Đưa người tới chỗ muôn phần khổ đau*

*Cần trần đừng dính mắc nhau*

*Rừng mê ra khỏi khổ đau không còn!*

*Nguyễn Phước Huệ*

# Chú lạng nghiêm giảng giải

Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định  
Tiếp theo kỳ trước

## 79. A LA HA ĐẾ.

Kệ : Chí thành chí thành cánh chí thành  
Cung kính cung kính phục cung kính  
Phổ lễ ứng chân chúng vương tộc  
Cứu kính Cự Lạc liên hoa sinh.

Tạm dịch :

Chí thành, chí thành lại chí thành  
Cung kính, cung kính lại cung kính  
Lễ khắp ứng chân chúng vương tộc  
Rốt ráo Cự Lạc hoa sen sinh.

Giảng giải: “Chí thành, chí thành lại chí thành.” Phải chí thành, đừng có chút tâm cầu danh lợi giả dối nào xen vào, hoặc muốn cho người khác xem mình thành tâm ra sao, xem mình là thật tu hành. “Cung kính, cung kính lại cung kính - Lễ khắp ứng chân chúng vương tộc.” Ứng chân tức là hiện thân của Phật giáo hóa hết thấy chúng sinh, hoặc hiện thân vua, lễ khắp tất cả ứng chân vương tộc, lâu dần thì sẽ thành tựu. ”Rốt ráo Cự Lạc hoa sen sinh.” Sẽ đắc được Cự Lạc cứu kính, sẽ hiện ra pháp thân bốn thể với Phật không hai không khác. Độ người cũng đừng dụng tâm thái quá, nếu muốn độ người không có niềm tin không phải dễ, sẽ gặp những người kỳ quái về tinh thần. Như tôn giả Bạc Câu La trong tiền kiếp phát nguyện độ mẹ của Ngài, khi Ngài sinh ra thì ngồi kiết già, mẹ của Ngài cho rằng sinh ra quái vật, liền muốn thiêu chết Ngài, nấu chết Ngài, nhận nước chết Ngài, nhưng làm cách nào cũng không chết, vì Ngài tiền kiếp giữ giới không sát sinh, được quả báo năm thú không hại chết được.

## 80. TAM MIỆU TAM BỒ ĐÀ GIA.

Kệ : Quy mạng Chánh Giác Phật Thế Tôn  
Tam Bảo từ bi đại oai thần  
Nhất thiết hiền Thánh giai cung kính  
Công viên đức mãn chứng trí thông.

Tạm dịch :

Quy mạng Chánh Giác Phật Thế Tôn  
Tam Bảo từ bi đại oai thần  
Tất cả hiền Thánh đều cung kính  
Công đầy quả tròn chứng trí thông.

Giảng giải : Câu Chú này vẫn "quy mạng tất cả Chánh Giác Phật Thế Tôn". Quy là tâm có chỗ trở về, có chỗ nương tựa. Mạng tức là mạng sống, đem mạng sống của chúng ta ký thác cho Phật Chánh Giác. Chánh Giác thì chẳng phải là tà giác. Tà giác cũng rất thông minh, có chút trí huệ, nhưng đi vào đường tà, đi vào con đường bàn môn tả đạo, tà tri tà kiến, hành vi bất chánh. Chúng ta quy y chánh giác Phật. Phật là do tự mình tu thành, chẳng phải hoàng đế xưng Ngài là Phật. Một số người vô tri thức, không hiểu Phật pháp, khoa trương nói tự mình đã thành Phật hoặc nói Ngọc Hoàng đại đế phong cho y là Phật, mà ý nghĩa Phật đều không hiểu, sao gọi là Phật? Có những ngoại đạo công nhiên nói họ cũng là Phật, không sai, Phật rất nhiều, nhưng chẳng phải loại người đó có thể thành Phật. Loại người đó cho rằng Phật là nhờ người khác phong, đó đều là tà thuyết ngoại đạo. Phật là nửa chữ Phạn, đầy đủ gọi là Phật Đà Gia vì người Tàu thích gọi tắt cho nên chỉ gọi một chữ Phật. Dịch là "giác giả", giác có ba loại là tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn. Giác tha tức là dùng những đạo lý mình đã hiểu, khiến cho kẻ khác cũng hiểu. Tự giác trong Nho giáo là minh minh đức, đem đức hạnh của mình hiện ra quang minh, minh mà lại minh, bốn hữu trí huệ quang minh lộ ra. Giác tha tức là dùng đức hạnh mình minh đức của mình giáo hóa kẻ khác, khiến cho họ cũng minh minh đức đạt đến mức chí thiện. đến chí thiện rồi tức là giác hạnh viên mãn. Cho nên Phật giáo và Nho giáo danh từ tuy không giống nhau, nhưng nghĩa lý là một, nhưng Nho giáo chỉ là lý luận mà không có chứng đắc. Phật giáo không những minh bạch nghĩa lý mà còn chứng đắc lý thể thực tế. Trí huệ chân thật chẳng phải là thiên ở đầu miệng, chẳng phải là một thứ lý luận. Nho



giáo là diễn thuyết gia, giảng rất giỏi. Phật giáo là thực hành gia, cung hành thực tiễn, làm một cách chân thật, không chú trọng thiên ở đầu miệng. Đây là chỗ khác nhau giữa Nho giáo và Phật giáo, trên thực tế quy nạp đạo lý lại với nhau thì là một. Tụ giác tức là A La Hán khác với phàm phu. Phàm phu thì không giác, A La Hán là tụ giác, tụ mình minh bạch, nhưng chỉ mình minh bạch chứ không giáo hóa kẻ khác minh bạch. Nếu đem đạo lý này giáo hóa kẻ khác thì gọi là giác tha. Giác tha tức là Bồ Tát, Bồ Tát chính mình tốt rồi, hoan hỷ người khác cũng tốt, cho nên Bồ Tát không sợ phiền não, luôn luôn đi giáo hóa kẻ khác. Bồ Tát giáo hóa kẻ khác cũng có lúc viên mãn, cũng có lúc chưa được viên mãn. Giống như bạn muốn đi đến Nữu Ước, bước thứ nhất bắt đầu là giác tha, đợi khi nào bạn đến Nữu Ước, đi hết con đường này thì là giác mãn. Giác cũng viên mãn, hạnh cũng viên mãn. Giác hạnh viên mãn thì thành Phật. Phật và hàng nhị thừa bất đồng, nhị thừa chỉ tụ giác, mà không giác tha. Phật và Bồ Tát bất đồng. Bồ Tát chỉ giác tha mà chưa được giác mãn. Phật thì giác hạnh viên mãn, cho nên nói “Quy mạng chánh giác Phật Thế Tôn.” Thế Tôn là tôn quý nhất trong thế gian. “Tam Bảo từ bi đại oai thần.” Phật Pháp Tăng gọi là Tam Bảo. Tam Bảo là tôn quý nhất trong thế gian. Muốn học Phật pháp thì trước phải hiểu Phật pháp, muốn hiểu Phật pháp thì phải quy y Tăng, pháp nhờ Tăng truyền cho nên phải quy y Tăng. Tam Bảo Phật bảo Pháp bảo Tăng bảo công đức giống nhau, đều tôn quý giống nhau, cho nên chú Lăng Nghiêm bắt đầu là “Nam Mô Tát Đát Tha, Tô Già Đa Gia, A La Ha Đế, Tam Miệu Tam Bồ Đà Toả.” Đây là quy mạng tận hư không biến pháp giới mười phương ba đời vô tận thường trụ Tam bảo Phật Pháp Tăng. Vì khi bạn xưng Phật Pháp Tăng Tam Bảo thì trong hư không khắp pháp giới quyền thuộc của Phật, quyền thuộc của ma, quyền thuộc của chư thiên, quyền thuộc của loài người đều một lòng cung kính phát tâm đại Bồ đề. Do đó tín ngưỡng Tam Bảo nên nhớ đừng hủy báng Tam Bảo, hủy báng Tăng tức là hủy báng Phật, hủy báng Pháp tức là hủy báng Phật, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp trong cửa Phật, thiện ác xen tạp, biết tin Phật là có căn lành, nhưng lại hủy báng Tăng liền trồng xuống nhân địa ngục, tuyệt đường Bồ đề, mở cửa địa ngục. Người học Phật bất cứ thế

nào, không thể tùy tiện hủy báng Tam Bảo. Tam Bảo từ bi, Phật bảo từ bi, Pháp bảo từ bi, Tăng bảo từ bi, hết thấy Thánh hiền không thấy lỗi lầm của chúng sinh, nhưng bạn tạo tội nghiệp thì chính bạn thọ quả báo, chứ không phải Tam Bảo trừng trị tội của bạn, kêu bạn thọ quả báo, mà là bạn ở trong Phật giáo cứ làm những việc thiện ác hỗn tạp, lại gieo nhân lành, lại trồng nhân ác, tại nhân địa không chân thật thì quả chiêu lại sẽ cong vạy, cho nên quả báo đến rất là thống khổ.

Đại oai thần là nói Tam bảo đều từ bi, có đại oai thần quay càn chuyển khôn, khởi tử hồi sinh, dời núi lấp biển. Có thể đem thế giới phương đông chuyển đến phương tây, đem thế giới phương tây chuyển đến phương đông. Chuyển thế giới phương nam đến phương bắc, thế giới phương bắc chuyển đến phương nam, có thể hỗ tương di chuyển các thế giới nhiều như số hạt bụi, bất quá người trong quả địa cầu này giống như con kiến trên một chiếc thuyền lớn, chẳng biết thuyền đi đến đâu. Kiến ngồi trên thuyền trong biển phiêu lưu, chẳng biết đến nơi nào. Con người ở trong hư không cũng như con kiến ở trên thuyền. Quả địa cầu của chúng ta tựa như chiếc thuyền ở trong hư không, trôi lại trôi đi, chúng ta gì cũng đều không biết. Bạn nói hiện tại khoa học nghiên cứu gì cũng đều biết được, tốt ! Tôi hỏi bạn có biết ăn bao nhiêu hạt gạo chẳng? Có biết lông mi trên mắt có bao nhiêu sợi chẳng? Có bao nhiêu sợi tóc ? Có bao nhiêu lỗ chân lông? Nếu bạn nói biết, thì biết cũng là một thứ đại khái ước lượng mà thôi. Đại oai thần lực là không thể nghĩ bàn. Cho nên người học Phật thấy tất cả hiền Thánh đều cung kính, trồng phước trước của Tam Bảo, tu phước cầu phước. “Công tròn phước đầy chứng trí thân.” Công thì phải lập, lập công chẳng phải nói bạn nên làm thì đi làm, không nên làm thì không làm, bất cứ việc thiện gì đều phải tận lực đi làm mới là công, lập công lập nhiều rồi thì thành đức, công đầy đức tròn, công cũng không thiếu không thừa, đức cũng được tối viên mãn thì sẽ chứng được thân trí huệ, hiển lộ đại quang minh tạng, đắc được thân trí huệ, tất cả đều là trí huệ, tất cả đều là quang minh. (còn tiếp)

# Kinh bát nhã

Hoà Thượng Tuyên Hoá lược giảng  
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

## Tiếp theo kỳ trước

"Giới định viên minh châu quang hiện, (giới định sáng tròn chân ảnh hiện)".

Ngài Xá Lợi Tử trong tiền kiếp, sanh sanh thế thế đều tu giới, định, huệ. Giới, định, huệ của Ngài đều viên mãn tròn đầy, viên minh (tròn sáng) như hạt châu phóng ánh sáng, nên nói là hạt châu hiển hiện.

"Hạnh giải tương ưng thể linh lung".

Ngài vừa tu hành vừa học giáo điển, nên trí huệ rất quảng đại. Thể linh lung nghĩa là thân thể của Ngài trong sáng như pha lê.

"Đại trí chi hà nhân ngu biểu, (bậc đại trí sao giống kẻ ngu)".

Sao gọi là đại trí huệ? Ngược với ngu si. Vì Ngài khác biệt hẳn với những người ngu. Người ngu si làm những việc điên điên đảo đảo. Dù nói lời tốt đến đâu nhưng khi hành lại làm những việc hư hoại. Tạo những việc hư hoại gọi là người ngu. Người có trí huệ không si mê, không phải biết mà vẫn cố phạm, không điên điên đảo đảo,

nên gọi là đại trí huệ.

"Thiện biện kỹ tại nương phục sanh, (biện tài giỏi nhờ thai sanh trợ)".

Chắc chư vị nhớ rõ những lần tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, có đề cập đến mẹ của ngài Xá Lợi Phất, không thể biện luận thắng cậu Ngài. Sau này, lúc mang thai ngài Xá Lợi Phất, mẹ lại cùng cậu Ngài biện luận. Khi ấy, cậu Ngài không thể thắng, bắt bẻ được mẹ Ngài. Do đó, cậu Ngài ra ngoài học luận nghị ngoại đạo. Khi trở về, ngài Xá Lợi Phất đã theo Phật xuất gia. Vì lúc còn ở trong bào thai, Ngài đã trợ giúp mẹ Ngài biện luận thắng cậu Ngài, nên gọi là thuyết thiện biện tài từ trong bào thai.

"Nhân giai cụ thử chân trí huệ, (người người đầy đủ chân trí huệ)".

Trí huệ này không phải chỉ ngài Xá Lợi Phất có thôi mà ai ai cũng đều có hết cả. Tuy có nhưng không biết dùng, nên quên mất. Nếu mọi người biết dùng trí huệ này thì đều đạt được lợi ích cả.

"Thủ chư Tào Khê Bảo Lâm phong, (giữ phong cách Bảo Lâm Tào Khê)".

Trí huệ chân thật này ở đâu? Tại Tào Khê? Tào Khê ở nơi nào? Tại chùa Nam Hoa, Mã Bá, Quảng Đông, Trung Quốc. Xa không? Mình có thể tới được không? Chùa Nam Hoa tại núi Bảo

Lâm là đạo tràng của ngài Lục Tổ, rất xa nơi này, tôi không thể đến. Được! Nay không cần phải đi, chư vị mỗi người cũng đều có sẵn phong cách Tào Khê Bảo Lâm, không cần phải chạy đâu tìm cầu. Tự chính chư vị có sẵn trí huệ này. Chính



Hình lưu niệm ngày đầu năm mới 2008 trong chánh hiện Chùa Kim Quang

bổn thể của chư vị là phong cách Tào Khê Bảo Lâm, nên

chẳng cần phải ra ngoài tìm cầu. Trí huệ này cũng chính là chư vị. Sao lại tìm cầu bên ngoài? Chư vị phải xả bỏ tâm vọng tưởng điên đảo, tự mình dụng công tham thiền đả tọa thì sẽ đắc được trí huệ này. Đó cũng là Tào Khê Bảo Lâm phong. Lúc ngồi tham thiền đả tọa cũng là lúc ngồi tại núi Bảo Lâm.

**Sắc bất dị không, không bất dị sắc. Sắc tức thị không, không tức thị sắc, (sắc không khác không, không chẳng khác sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc).**

"Sắc bất dị không hữu nhược vô  
 Không bất dị sắc thể dụng thù  
 Sắc tức thị không chân nguyên triệt  
 Không tức thị sắc vọng lưu khô  
 Sơn hà đại địa duy thức hiện  
 Mộng huyễn phao ảnh như thị hồ  
 Thận vật ngoại cầu trì trung đạo  
 Phóng hạ nhiệm duyên tức lai như

**Dịch:**

*Sắc chẳng khác không có lại không  
 Không chẳng khác sắc cùng thể dụng  
 Sắc tức là không thấu nguồn chân  
 Không tức là sắc nguồn vọng cạn  
 Núi sông non nước hiện duy thức  
 Bọt ảnh huyễn mộng như thể đây  
 Chớ cầu ngoài, nên giữ trung đạo  
 Xả bỏ nhiệm duyên tức Lai Như".*

*"Sắc bất dị không hữu nhược vô,  
 (sắc chẳng khác không có lại không)".*

Sao gọi là sắc? Tức là hình tướng. Sao gọi là không? Tức là vô hình tướng. Sao lại gọi sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc? Đây nói về đạo lý cùng tột, liễu nghĩa triệt đế. Tất cả núi non, sông biển, đất đá, nhà cửa, phòng xá, v.v... đều là sắc. Sắc trụ ở nơi đâu? Sắc trụ tại hư không. Không trụ tại nơi đâu? Không cũng trụ tại nơi sắc. Sắc và không có thể bảo là không hai. Sắc không khác không, lại không phải là hai. Không chẳng khác sắc. Hư không cùng sắc không có hai. Không bao gồm sắc. Sắc cũng bao gồm không. Bên ngoài thì thấy có hai, nhưng thật tế vốn là một. Ví dụ, nơi đây vốn trống rỗng, mà chư vị lại đem cái bàn để ra đây, tức là có. Trước khi đem bàn ra, nơi đây vốn là hư không. Khi đem bàn ra thì còn có hư không nữa không? Cũng là có. Không gian cũng vẫn còn, bất quá bị cái bàn chiếm một khoảng thôi. Lại nói hư không này có sắc hay không? Không này vốn cũng có sắc. Sắc tức là không. Chúng ta phân tích hình sắc mãi thì cuối cùng sẽ biến thành không. Tại sao thế? Thân thể chúng ta dựa nơi sắc pháp. Do gì tạo thành? Do bốn đại tạo thành. Sắc thân do bốn đại đất, nước, gió, lửa, hợp thành, cũng là sắc. Phân tích kỹ thì khi chúng ta chết đi, bốn đại này sẽ trở về cội gốc. Đất trở về với đất; nước trở về với nước; gió trở về với gió; lửa trở về với lửa. Sắc thân tan biến mất. Sắc tức là không. Tuy nay có sắc tướng mà tương lai thì không có, nên nói là sắc chẳng khác không, thực có thực không. Tuy có nhưng lại đồng với không.

*"Không chẳng khác sắc thể dụng thù, (không chẳng khác sắc cùng thể dụng)".*

Không chẳng khác sắc, nhưng có thể có dụng. Không là thể không. Sắc là dụng của không. Thể và dụng tuy hai nhưng vốn là một.

*"Sắc tức là không chân nguyên triệt, (sắc tức là không thấu nguồn chân)".*

Chư vị phải biết sắc thật chất vốn từ không. Cội gốc này nếu chư vị đạt đến được thì sẽ hiểu rõ triệt đế.

*"Không tức thị sắc vọng lưu khô, (Không tức là sắc nguồn vọng cạn)".*

**Vô thường**

**Cảnh còn mất tang thương biến đổi**  
**Chính là chữ vô thường Phật nói trong kinh**  
**Bạn vật thể gian mang sắc tướng hữu hình**  
**Sẽ hữu hoại vì đó là chân lý.**

**Nguyễn Phước Huệ**

Chư vị phải hiểu rõ không tức là sắc. Không có vọng tướng thì nguồn vọng khô cạn. Lại sắc chẳng khác không, không

chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc. Đây, có thể nói là chư vị tu đạo thì mới đắc được cảnh giới đó. Sắc này cũng là sắc đẹp. Sắc đẹp đại biểu cho sắc đẹp nam nữ. Chư vị chân chánh tu đạo đắc được cảnh giới an lạc thì cùng cảnh giới này như một, nên sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc. Khi tu đạo đắc được an lạc này thì so với vấn đề khoái lạc nam nữ gấp trăm ngàn lần, không thể so sánh được. Vì vậy, không chẳng khác sắc.

Sắc tức là không. Trên hình sắc, chư vị phải hiểu rõ lý không, đừng trụ vào, chẳng có gì để chấp trước, không nắm giữ, không xả bỏ, cũng không thọ, chính là không. Không chẳng khác sắc; không tức là sắc. Trên lý không đắc được an lạc chân chánh. Khi đó, những tư tưởng hay vọng tưởng của chư vị đều không còn. Vì sao? Đạt đến cảnh giới an lạc này thì càng an lạc thêm, vì đã xả bỏ tâm vọng tướng.

*"Sơn hà đại địa duy thức hiện, (sông núi nước non hiện duy thức)".*

"Sơn hà đại địa" tức đất đá núi sông, là sắc pháp. Sắc pháp này xuất hiện từ đâu? Từ tâm thức phân biệt của chúng ta xuất hiện ra. Nếu chúng ta năng chuyển hóa tâm thức phân biệt thì núi sông đất đai cũng không còn. (còn tiếp)

# Đại trí độ luận

Tác giả : Bồ Tát Long Thọ

Việt dịch : Hoà thượng Thích Trung Quán

Tiếp theo kỳ trước

**H**ỎI : Chỗ nào nói kết sử, dục (mong cầu), phược, là ma ?

**ĐÁP** : Trong tạp bảo tạng, Phật nói kệ bảo ma vương :

Dục là quân đầu người  
Ưu sầu là quân thứ hai  
Đói khát : quân thứ ba  
Ái là quân thứ tư.  
Ngủ nghỉ : quân thứ năm  
Sợ hãi : quân thứ sáu  
Nghĩ là quân thứ bảy  
Ngâm độc : quân thứ tám.  
Lợi dưỡng quân thứ chín  
Đắm hư vọng, tiếng khen  
Thứ mười : quân tự cao  
Khinh mạn mọi người ta.  
Quân người là như thế !  
Tất cả người thế gian  
Và tất cả người trời  
Đều không hay phá được.  
Ta lấy tên trí tuệ  
Tu lực định trí tuệ  
Đánh phá quân ma người  
Như ngói bình chìm nước.  
Nhất tâm tu trí tuệ  
Đề độ cho tất cả.  
Đệ tử ta tinh tiến  
Thường niệm tu trí tuệ.  
Tùy thuận như pháp hành  
Hẳn được đến Niết Bàn.  
Người tuy chẳng muốn buông  
Đến người, không đến chốn.  
Khi đó ma vương nghe  
Sầu ưu liền biến đi  
Bè đảng ác của ma  
Cũng đều không dám hiện.  
Ấy gọi là ma kết sử.

**HỎI** : Năm ám, mười tám giới, mười hai nhập, ở chỗ nào nói ma ?

**ĐÁP** : Trong núi Mạc-câu-la, Phật dạy đệ tử La-đà : sắc chúng là ma; thụ, tưởng, hành, thức cũng như thế.

Lại nữa, nếu muốn sắc thân đời vị lai, ấy là chỗ tâm bị động; nếu muốn có thân ở cõi vô sắc cũng là bị động; nếu muốn có thân ở cõi hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng là tâm động ở hết thấy chỗ. Động là ma buộc, bất động thì không buộc, từ ác được thoát. Trong này nói ám, giới, nhập là ma. Tự tại thiên tử ma, ma dân, ma nhân tức là ma. Vì sao lại gọi là ma ? Vì chúng cướp tuệ mệnh, hoại đạo pháp và công đức lành, gọi là ma. Người ngoại đạo nói đó là dục chúa, cũng gọi là hoa tiền, cũng gọi là ngũ tiền, phá hết thấy việc lành. Phật pháp gọi là ma-la, là nghiệp, là việc ma.

Lại nữa, người ta liên tục thụ khổ vui ở thế gian là kết sử nhân duyên, cũng là ma vương nhân duyên lực, Ma ấy gọi là oán thù của chư Phật, là giặc của tất cả thánh nhân, phá tất cả việc đi ngược dòng sanh tử, làm mất vui Niết Bàn. Ấy gọi là ma, gồm ba việc : lời nói vui cười, hát múa biểu diễn v.v... từ ái sinh ra; trói, đánh, khảo, đả, đâm, cắt, chém, chặt v.v... từ sân giận sinh ra; đốt mình, nhổ tóc, nhịn đói, vào lửa, xuống chằm, gieo mình xuống núi v.v... từ ngu si sinh ra. Đó là điều sai lầm lớn bất tịnh, nhiễm trước thế gian. Tất cả đều là việc ma. Ghen ghét lợi ích, không cầu Niết Bàn và đạo Niết Bàn, cũng là việc ma. Chìm ở bể khổ lớn, không tự giác ngộ. Như thế có vô lượng, đều là việc ma. Đả bỏ, đả xả là qua khỏi các việc ma.

**KINH**. Hết thấy nghiệp chướng tất được giải thoát.

**LUẬN**. Tất cả ác nghiệp được giải thoát, ấy là nghiệp chướng được giải thoát.

**HỎI** : Có ba thứ chướng : phiền não chướng, nghiệp chướng, báo chướng; tại sao bỏ hai chướng mà chỉ nói nghiệp chướng ?

**ĐÁP** : Trong ba chướng, nghiệp lực là lớn nhất. Chứa góp các nghiệp chướng, cho đến trong trăm

ngàn vạn ức kiếp, không mất, không cháy, không hoại, với quả báo hợp, thời không quên. Các nghiệp ấy hay ở lâu, khi hòa hợp với quả báo, như hạt lúa hạt cỏ ở dưới đất, gặp thời tiết thì sinh không mất, không hoại. Chư Phật được nhất-thiết-trí, đáng tôn trọng bậc nhất, như núi Tu-di vương còn chẳng hay chuyển được các nghiệp, huống chi kẻ phàm phu. Kệ nói :

Sinh Tử xoay đưa người  
Các phiền não kết nghiệp  
Đại lực tự tại chuyển  
Không ai hay ngăn cấm.  
Đời trước nghiệp mình làm  
Chuyển làm hết thấy hình.  
Nghiệp lực là tối đại  
Trong thế giới không ví  
Đời trước nghiệp tự tại  
Đưa người nhận quả báo.  
Nghiệp lực nó luân chuyển  
Luân hồi biến sinh tử.  
Nước biển lợ khô cạn  
Núi Tu-di hết đất  
Đời trước nghiệp nhân duyên,  
Không cháy, cũng không hết.  
Các nghiệp hòa tập lâu,  
Tạo rồi tự theo đi,  
Ví như chủ chứa của,  
Theo đuổi người không để.  
Ấy các nghiệp, quả báo,  
Không có thể chuyển được,  
Cũng không nơi trốn tránh,  
Chẳng cầu đều miễn không.  
Trong ba cõi chúng sinh,  
Theo đây chẳng tạm rời,  
Như trái a-lê-la.  
Là nghiệp, Phật nói vậy.  
Như gió không vào thực,  
Nước trời không chảy ngược,  
Hư không, không chịu hại,  
Không nghiệp cũng như thế.  
Các nghiệp lực vô lượng,  
Không theo người không tạo.  
Quả báo thời tiết lại,  
Không quên, cũng không mất.  
Từ đất bay lên trời,  
Từ trời nhập Tuyết sơn,  
Từ Tuyết sơn vào biển,  
Tất cả xứ không lia,  
Thường thường theo đuổi ta,  
Không một thời nào bỏ,  
Thẳng đến không mất thời,

Như sao rơi tới nguyệt.

Vì thế nên nói tất cả các nghiệp chướng được giải thoát hết.

KINH. Khéo nói pháp nhân duyên.

LUẬN. Mười hai nhân duyên sinh pháp, hết thấy pháp môn đều biết nói một cách khôn khéo. Các phiền não, nghiệp, sự, lần lượt tiếp nối sinh, ấy gọi là mười hai nhân duyên. Trong đó : vô minh, ái, thủ là ba việc phiền não ; hành, hữu hai món này là nghiệp ; còn bảy phần là sự. Mười hai nhân duyên, đầu hai là bao gồm quá khứ, sau hai là nhiếp đời vị lai, giữa tám là nhiếp đời hiện tiền. Đó là lượt nói ba việc ; Phiền não, nghiệp, khổ là ba việc đáp đối lẫn nhau làm nhân duyên ; phiền não nghiệp nhân-duyên ấy là nghiệp khổ nhân duyên ; khổ-khổ nhân-duyên, khổ phiền não nhân duyên, phiền-não-nghiệp nhân-duyên, nghiệp-khổ nhân duyên, khổ-khổ nhân duyên, gọi là đáp đối lẫn nhau làm nhân duyên. Tất cả phiền não đời quá khứ gọi là vô minh. Từ vô minh sinh ra nghiệp hay làm quả thế giới, nên gọi là hành. Từ hành sinh tâm như bọt, đầu là nhân của thân, như trâu con biết mẹ, tự biết nhau nên gọi là thức. Thức ấy chung duyên sinh với bốn ấm vô sắc, và ở chỗ trụ sắc, ấy gọi là danh sắc. Trong danh sắc ấy duyên sinh ra sáu tình, gọi là sáu nhập ; tình trần hợp với thức, ấy gọi là xúc. Từ xúc duyên sinh thụ, trong thụ tâm chấp trước gọi là khát ái. Khát ái nhân duyên tìm cầu, gọi là thủ. Từ thủ là nghiệp nhân duyên đời sau, ấy gọi là hữu. Từ hữu lại thụ đời sau năm ấm chung gọi là sinh. Từ sinh năm ấm chín hoại, ấy gọi là già, chết ; già chết sinh ưu sầu khóc lóc, hết thấy sáu não mọi khổ hòa hợp tập lại. Nếu nhất tâm quán các pháp thực tướng thanh tịnh, thì vô minh hết ; Vô minh hết thì hành hết, cho đến mọi khổ hòa hợp tập đều hết. Ấy là tướng mười hai nhân duyên, như thế hay phương tiện không chấp trước tà kiến, vì người diễn nói là khôn khéo (xảo). Lại nữa, trong mười hai nhân duyên dứt khát ái, tâm không đắm nhiễm biết thực tướng cũng gọi là khôn khéo. Như Bát-nhã ba-la-mật, phẩm « bát khả tận », Phật bảo ngài Tu-bồ-đề : Si như hư không, chẳng thể hết, hành như hư không chẳng thể hết, cho đến mọi khổ hòa hợp, tập như hư không chẳng thể hết. Bồ-tát phải nên biết vậy ! Biết rồi làm, thế là bỏ si biến-tế nên không vào nữa. Làm phép quán mười hai nhân duyên khởi ấy thì ngôi đạo tràng được nhất thiết chủng trí. (còn tiếp)



# pháp ngữ của thiền sư Hu Vân

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

Hôm nay, tôi bàn đến việc nước nhà bị ngoại xâm. Từ đời Thanh niên hiệu Đạo Hàm cho tới nay, người ngoại quốc đến nước Tàu, không phải hoàn toàn muốn chiếm đất đai mà chỉ có mục đích quan trọng nhất là muốn thông thương vì tiền tài lợi lộc. Chúng ta phải tự giữ bản phận của người quân tử: Thân không cầu an, ăn không cầu no, mền đạo không sợ nghèo, chẳng ham hưởng nhàn. Lịch sử mấy ngàn năm đều có những bậc quân tử như thế. Tại sao hiện nay lại không có

được những vị như vậy? Nếu mọi người đều đồng tâm nhất chí, giữ bản phận của mình, dùng đồ nội hóa thì người ngoại quốc không thể mưu đồ lợi ích gì cả, và tự nhiên sẽ không sanh tâm xâm lược. Vàng bạc tiền tài nếu không mang ra nước ngoài thì dân giàu nước mạnh mà không cần phải dùng đến máy bay, bom đạn.

Hiện tại, con người tham dục vô cùng. Ai ai cũng đều bỏ quên, khinh rẻ học đạo đức làm người. Kẻ có lương tâm, ưu sầu sống ẩn dật, vì sợ không có cách dạy bảo kẻ hậu lai, nhưng cũng không tránh được kiếp đao binh chiến nạn. Chúng ta chớ bị truyền thống phong tục của người thế gian lôi cuốn; phải rõ nhân quả, biết báo ứng; trồng nhân xấu tức gặt quả ác; cố đề xướng đạo đức. Thế nên, nhà nào tích tụ hạnh lành thì luôn có việc vui, và tự nhiên được trời rộng ủng hộ, khiến con cháu đầy

đàn sung túc; người người nếu an phận thủ thường thì quốc gia cũng nhờ đó mà được thái bình an lạc.

Hư Vân tôi tri thức cạn cợt, nay chỉ nhờ duyên khởi của thắng hội tế trai, lược nói đại khái, khiến quý vị thêm một nhọc.

## IX. Khai thị tại Đông Liên Giác Uyển, Hồng Kông, năm 1947

Tuy cơ duyên khó gặp, nhưng bảo rằng tôi nói lời khai thị thì thật rất hồ thẹn. Quý vị thiện tri thức! Nhân duyên tới Quảng Châu lần này của tôi là do sự thỉnh mời của tướng quân Trương Phát Khuê và chủ tịch La Trác Anh đến đây kiến lập pháp hội Thủy Lục đề cầu siêu độ cho các vong hồn chiến sĩ, đồng bào tử nạn trong đại chiến thế giới lần thứ hai. Lại vì ước hẹn với hội Phật giáo tại Hồng Kông cùng muốn gặp gỡ các đệ tử hộ pháp, nên nay tôi mới đến đây. Hôm nay gặp quý vị tại pháp đường, thật là một cơ duyên khó được. Nếu nói khai thị pháp yếu, tôi

cảm thấy rất xấu hổ muôn phần. Thứ nhất ngôn ngữ không thông, mình người ngăn cách. Thứ hai, tự không thể khai thị cho chính mình, sao dám nói đến việc khai thị cho người? Thế nên, chỉ có thể cùng quý vị tùy duyên mà đàm luận.

"Thường nghe được Phật pháp, người



Dùng cơm chay thân mật nhân ngày đầu năm mới

Hồng Kông quả thật có phước báu".

Chúng ta là đệ tử Phật, biết rõ Phật pháp khó được nghe. Tuy nhiên, tại Hồng Kông, thường có chư vị đại pháp sư từ các đạo tràng Phật giáo khắp nơi, qua đây giảng kinh giảng luận. Sao không thể bảo là người Hồng Kông có phước báo nhiều ư? Pháp sư giảng kinh nhiều; người hiểu rõ giáo lý cũng nhiều. Tuy nhiên, trong việc hoằng pháp, điều trọng yếu là phải dạy người chẳng nên chấp trước hình tướng bên ngoài. Kinh nói: "Đối với tất cả vật có hình tướng, đều là hư vọng".



Kinh lại bảo: "Chúng sanh trên cõi đất này đều có đầy đủ trí huệ phước đức của Như Lai".

Chúng sanh đều đầy đủ đức tướng trí huệ phước đức của Như Lai, nhưng chưa có thể thành Phật chỉ vì trần lao phiền não làm mê hoặc. Phước đức và trí huệ của Phật đà viên mãn tròn đầy; chân tâm thường trụ không còn bị mê hoặc. Thường tức là bất biến. Trụ tức là bất động. Chân tức là không giả dối. Tâm bất biến, bất động, không giả dối này giác ngộ liễu tri được hết tất cả pháp, nên gọi là chân tâm thường trụ.

"Khởi hoặc tác nghiệp, tạo vô lượng bệnh khổ".

Chúng sanh vì mê mờ chân tâm thường trụ nên khởi mê hoặc mà tạo nghiệp xấu. Trong bản khuân rói rít hiện ra vô lượng thống khổ. Đại Thừa Khởi Tín Luận viết: "Vô minh bất giác sanh ba tế. Cảnh giới do duyên khởi thành sáu thọ".

Thô tức là tướng sự vật có thể thấy được. Những hiện tượng trước mắt trên thế gian như tham sân si, cùng bao nghiệp ác giết hại, ăn cắp, tà dâm, nói láo, v.v... đầy dẫy khắp cả. Do những nghiệp ác này, chúng dẫn dắt chúng ta lưu chuyển thọ quả báo, cho đến có sự lưu chuyển liên tục của chúng sanh và thế giới. Truy cứu nhân duyên luân hồi, biết rõ chỉ vì tâm mê chấp ngoại cảnh. Nếu thường giác ngộ, bỏ vọng xoay về chân thì sẽ tiêu diệt bao thống khổ của dòng sanh tử luân hồi.

Vì sao có tham sân si khiến sanh khởi những nghiệp ác, giết hại, ăn cắp, tà dâm?

"Nếu tâm mọi người đều thanh tịnh thì thế giới sẽ được thanh bình, và nhân dân được an lạc".

Như trong một gia đình, cha mẹ luôn thương mến ái hộ con cái, trai lẫn gái. Vì có ái nên có tham. Vì tham đắm ái dục này, nên thường thích hưởng thụ những việc sung sướng. Vì tham cầu không được nên tâm sân hận nổi lên. Tâm sân nổi lên hừng hực nên khởi tranh đấu. Việc nhỏ thì nhà này cùng nhà khác tranh. Việc lớn thì nước này cùng nước khác tranh, rồi khởi bao chiến tranh khốc liệt. Nếu muốn thế giới hòa bình nhân dân an lạc thì mỗi người phải tự thanh tịnh thân tâm. Có tham sân si cũng như người có tâm bệnh. Nếu muốn dẹp trừ tâm bệnh này thì phải y theo lời chỉ bảo, rồi dùng toa thuốc vi diệu của thầy thuốc. Đức Phật là vị lương y, trị tâm bệnh cho tất cả chúng sanh. Tất cả Phật pháp đều là những toa thuốc vi diệu. Tâm bệnh của

chúng sanh có rất nhiều loại, nên phải có nhiều pháp môn để trị liệu.

"Học Phật pháp phải nên chú ý phần thực hành".

Nếu tin tưởng sự chẩn bệnh và toa thuốc của thầy thuốc, rồi tự dùng thuốc đó thì bệnh tất sẽ tiêu trừ. Ngược lại, tuy tin thầy thuốc và toa thuốc vi diệu, nhưng lại không uống thì bệnh vẫn y nhiên còn mãi. Cũng như thế, người tu học Phật pháp nếu muốn tự thanh tịnh thân tâm thì phải chú trọng phần thực hành. Vì tâm bệnh của chúng sanh không đồng, nên Phật thiết lập ra bao loại pháp môn. Đối với người có tâm sân hận nặng nề thì dạy tu quán từ bi. Để trị tâm tán loạn, phải dạy tu chỉ quán. Để trị bệnh nghiệp chướng nặng nề, phải dạy niệm Phật. Đức Như Lai thuyết ba tạng kinh điển, mười hai phần giáo mà không thiên vị gì là trọng (nặng) hay gì là khinh (nhẹ); thật không thể nghĩ bàn!

"Bất ly bồn tông, chuyên tâm tín lại".

Chỉ nên chọn lựa pháp môn nào thích hợp cho chính mình, rồi dùng pháp môn đó làm chính, còn những pháp môn khác thì làm phụ. Trong bốn oai nghi đi đứng nằm ngồi thường chuyên tâm tu học mà không rời tông chính. Ví dụ, niệm Phật thì lúc nào cũng không quên niệm. Kinh nói: "Thọ trì danh hiệu sáu mươi hai ức hằng hà sa số chư Bồ Tát cũng đồng như nhất tâm niệm một danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát. Công đức trì niệm này, thật không khác biệt".

Vì miễn cưỡng, muốn khích lệ chúng sanh chuyên tâm tin tưởng tông này, nên Đức Phật mới thuyết như thế. Người học Phật, nếu không biết gì là chủ bạn, và không chuyên tu học, thì kết quả nhất định sẽ không đạt chi cả.

"Nỗ lực phá trừ tất cả vọng tưởng".

Lại nữa, người học Phật phải y theo giới luật Phật chế. Giới là cội gốc của đạo Bồ Đề vô thượng. Nếu y theo giới luật của Phật chế thì không luận tham thiền, niệm Phật, giảng kinh, v.v... tất cả đều là Phật pháp. Nếu không y theo giới luật Phật chế mà cuống quẩn tham thiền, niệm Phật, giảng kinh, thì cùng đạo cách xa muôn trùng, và dễ dàng lạc vào ngoại đạo. Người tu hành học Phật, chớ hướng ngoại truy cầu, chỉ nên tự trừ khử nghiệp chướng, thì sẽ không lưu chuyển trong dòng sanh tử. Nếu cắt

đứt được dòng sanh tử thì không cần hành trì chi nữa.

Kinh thuyết: "Phật thuyết hết thầy pháp, để đối trị hết thầy tâm. Nếu không có tất cả tâm, thì không có tất cả pháp".

Tâm này chỉ cho tâm vọng tưởng. Ý của đoạn kinh này là nếu không có bệnh thì cần gì đến thuốc.

Lại nữa, người học Phật phải có đầy đủ niềm tự tin. Trong kinh Phạm Võng, Đức Phật nói:

- Ta đã thành Phật. Các ông trong tương lai cũng sẽ thành Phật. Phải có niềm tin như thế thì giới phẩm mới đầy đủ.

Đoạn kinh này bảo rằng nếu người người tự tin là mình có đầy đủ đức tánh của chư Phật thì đời tương lai sẽ thành Phật. Vì thế, phải nỗ lực giải trừ hết tất cả vọng tưởng khách trần. (còn tiếp)

Hàm Sơn Đại Ni

Tự truyện

Viết dịch : Tỳ Kheo Thích Hằng Đạt

Tiếp theo kỳ trước

T hật ra, đạo hạnh học vấn của hòa thượng Tây Lâm dư sức để dạy dỗ đứa bé mười bốn tuổi, nhưng lại khiêm tốn bảo rằng không đủ sức để dạy dỗ chu toàn. Chứng minh hòa thượng Tây Lâm rất khiêm nhường, thương mến và trọng nể Ngài. Tuy là bậc cao tăng, hòa thượng Tây Lâm không chấp nê hình thức, chỉ lo lắng cho tiền đồ tương lai của Ngài. Bằng chứng cụ thể, năm Ngài được mười bảy tuổi hòa thượng Tây Lâm mời các ông đồ về chùa dạy kèm Ngài những môn học thuộc Nho Giáo như "Đại Học", "Trung Dung", "Luận Ngữ", "Mạnh tử", "Ngũ Kinh", cho đến văn chương, thi cú, điển nhạc của các danh nhân xưa nay.

Trí huệ của Ngài thật sáng suốt lanh lợi hơn người. Ngài học hành thu thập lệ làng, xuất khẩu thành chương, viết lách thành thơ, văn chương rất gọn gàng uyển chuyển. Qua bài "Giang Thượng Thiên", danh tiếng của Ngài nổi bật. Người đương

thời trong thành Kim Lăng, xem Ngài là bậc tài hoa trẻ tuổi bậc nhất. Thời bấy giờ, học Đạo giáo như một phong trào vì sự ảnh hưởng mạnh mẽ của vua Gia Thanh, vị vua rất cuồng tín Đạo giáo. Ngài có ghi lại là vào khoảng năm 1563, một vị quan văn đến chùa thuyết giảng và tự nói là theo Đạo giáo. Học sinh trong chùa lúc đó được huấn luyện như lễ sinh, thường tham dự những lễ lộc của Đạo giáo. Học sinh được lên lớp chỉ nhờ làm lễ Đạo giáo. Trong sự học Nho giáo, thơ văn cổ xưa, Ngài luôn vượt xa các bạn đồng học. Tuy nhiên, Ngài rất khinh thường Đạo giáo. Chùa Báo Ân không những huấn luyện các Sa Di mà còn dạy dỗ các học sinh của Đạo giáo và Nho giáo, những người có ý muốn lên kinh đô thi làm quan sau này. Dạy Đạo giáo trong chùa Phật giáo phản ánh sự tương dung giữa hai tôn giáo và cũng có thể là kết quả của sắc lệnh nhà vua, muốn mang Phật giáo và Đạo giáo hợp nhất tại một tông lâm. Cho dầu muốn thọ giới để trở thành tăng sĩ, hay thành đạo sĩ, hoặc làm quan, thí sinh phải thi và được khảo hạch theo tiêu chuẩn của triều đình. Ngoài ra, vào thời ấy nếu ai muốn làm tăng sĩ hay đạo sĩ, có thể mua giới điệp với một số tiền. Do đó, nhiều nhóm học sinh đạo giáo và tăng sinh Phật giáo được dạy dỗ chung tại một nơi, là điều tự nhiên.

Chùa Báo Ân là một trong những trung tâm giáo dục quan trọng tại vùng Nam Kinh. Thật tế, vị thầy trụ trì chùa Báo Ân, hòa thượng Tây Lâm, nhậm chức Giác Nghị tại triều đình. Vả lại, chùa được coi là tài sản của triều đình vì được kiến thiết bằng ngân quỹ từ quốc khố. Để tránh sự khinh rẻ, hòa thượng Tây Lâm khuyến khích các đệ tử học Nho giáo, Đạo giáo và các cổ văn khác. Dưới đây là bài tham luận của ông Trầm Đức Phù (1578-1642) về đạo Phật tại Nam kinh trong thời vua Vạn Lịch:

"Chư Tăng tại hai kinh đô (Bắc Kinh và Nam Kinh), được giám sát bởi bộ Lễ của triều đình. Bất cứ khi nào có trông chức trụ trì thì bộ Lại ra những bài thi khảo hạch chư tăng ở trong chùa. Vị tăng nào đạt tiêu chuẩn cao nhất sẽ làm phương trượng trụ trì. Lúc trước, tôi có đến thăm ba ngôi chùa lớn tại Nam Kinh, và nhận thấy những vị trụ trì rất lịch sự hào hoa. Ba ngôi chùa Linh Cốc, Thiên Giới, và Báo Ân là những ngôi chùa lớn nhất trong vùng, vì có khoảng hàng ngàn tăng sinh... Vị trụ trì chùa Linh Cốc tuổi khoảng hai mươi. Hình dáng rất tuấn tú và khôn

khéo. Bài khảo hạch mà thầy trụ trì đưa cho tôi xem, thật không khác bài của các học giả Nho giáo, được viết theo vần tám câu. Trong đó cũng có những câu thơ vịnh sắc sảo. Chủ đề được rút ra từ kinh Kim Cang, Thủ Lăng Nghiêm, và các kinh điển khác. Những ai trúng tuyển được gọi là Giáo Thọ Sư và gọi đồng bạn những tăng sinh cùng dự buổi khảo hạch là Đồng Học. Những việc này thật rất buồn cười."

Bàn về sức khỏe, thân thể Ngài yếu kém bệnh hoạn do ảnh hưởng của bệnh trạng thừa ấu niên cùng cuộc sống khắc khổ ở chùa viện và dụng công học hành thái quá. Vì vậy, Ngài không thích học Nho Giáo cho lắm, nhưng tư tưởng học Phật pháp ngày càng mạnh mẽ, thậm chí lại muốn "tẩy trừ những tập khí" làm thơ văn. Lý tưởng xuất gia tu tập của Ngài thường được bạn bè kiểm nghiệm. Nhân vì

hầu hết bè bạn đồng học liên tục đỗ đạt khoa cử, ra làm quan lại. Họ thường khuyến khích Ngài tiến bước trên con đường quan lộ lợi danh. Họ bảo: "Huynh là bậc tài hoa xuất sắc nhất trong nhóm của chúng ta. Nếu tham gia thi cử, chắc chắn sẽ đỗ đạt trạng nguyên thủ khoa. Tài trí của huynh, nếu không đem ra giúp quốc gia dân tộc, thật rất đáng tiếc."

Đương thời, Ngài vẫn còn là một thanh niên bồng bột. Nghe chúng bạn đồng học khuyên lơn ra thi cử làm trạng nguyên, không thể bảo rằng Ngài không động tâm vì danh lợi, nên thường lưỡng lự phân vân trong việc chọn lựa tiền đồ tương lai, phải hướng về Phật pháp hay thế pháp. Tuy vậy, Ngài vẫn biết rõ đường quan lộ đầy nguy hiểm gian truân. May mắn thay, ngay khi đó Ngài gặp được một vị thiện tri thức dẫn dắt thâm nhập vào đường đạo, tức thiền sư Vân Cốc (1500-1575). Thiền sư Vân Cốc vốn là pháp hữu của hòa thượng Tây Lâm. Hai vị thường giao thiệp qua lại với nhau rất thân thiết. Hòa thượng Tây Lâm rất kính trọng học thức uyên bác cùng đạo hạnh tu hành của thiền sư

Vân Cốc. Những khi hai vị đàm luận về thiền đạo, viết lách, giảng giải, Ngài thường đứng hầu bên cạnh, nên thâm nhập rất nhiều kiến thức. Thiền sư Vân Cốc cũng biết đến thiên tư thông minh sáng suốt của Ngài, nên rất mực thương yêu. Việc bạn đồng học khuyến khích Ngài ra thi cử tiến thân làm quan, khiến cho thiền sư Vân Cốc lo lắng không ít. Tuy vậy, thiền sư Vân Cốc rất tin tưởng vào huệ nhãn của mình, lại cũng rất tin tưởng nơi huệ căn thâm sâu, hiểu rõ lý đạo thể gian xuất thế gian, không mù mờ đắm chấp vào danh lợi hư huyễn thế gian của Ngài. Thiền sư Vân Cốc đưa cho Ngài xem các bộ truyện của lịch đại tổ sư, và nhắc nhở rằng nên tự nghiên cứu thiền cơ, ngộ rõ tâm địa để đến nơi diệu xứ. Nhờ lắng nghe lời chỉ dạy ân cần của bậc tiền bối, lần nọ khi đọc qua quyển truyện cao tăng



Chư Tăng Ni Phật tử làm lễ Thượng Nguyên đầu năm

"Trung Phong Quảng Lục", do thiền sư Trung Phong Minh Bồn (1263-1323) ở đời Minh viết, Ngài liền thâm nhập yếu chỉ thiền cơ. Từ đó, Ngài quyết tâm xả bỏ mọi tri kiến thế gian, xuất gia tu học, thâm nhập Phật pháp.

Năm mười chín tuổi, Ngài thỉnh cầu hòa thượng Tây Lâm cho phép xuống tóc, chính thức xuất gia. Quyết định này vạch rõ hai con đường: Thứ nhất là Ngài bỏ tất cả sở học thế gian, nhất tâm dụng công tu đạo. Thứ hai là Ngài chuyên tu nghiên cứu kinh điển qua việc tu học thiền quán, vì đây mới là nền tảng, cốt tủy của đạo Phật.

Xuất gia xong, Ngài đốt hết tất cả thơ văn thi kệ, dẹp bỏ sở học Nho Giáo, bắt đầu chuyên tâm nhất ý tu hành. Tuy thế, vì Phật pháp thâm sâu, Ngài chưa có thể lãnh hội yếu chỉ tu đạo mau chóng. Ngài cũng không dám dụng tâm bồng bột để nhập đạo, vì tự biết rằng kiến thức Phật pháp của mình rất cạn cợt, căn tánh vẫn còn thô thiển. Ngài nhận biết pháp môn niệm Phật giúp tự tâm thanh tịnh

an lạc và làm nền tảng căn bản chứng đắc sau này. Vì vậy, trong ngày đêm Ngài cố gắng chuyên tâm nhất ý niệm Phật không ngừng nghỉ. Trong thời gian đầu, đầu chưa có thể dứt đoạn vọng tưởng đuổi chạy theo ngoại cảnh, nhưng Ngài không nản chí. Dần dần, bốn chữ "A Di Đà Phật" hiện rõ trong tâm, giúp Ngài tẩy trừ tất cả tạp niệm. Đêm nọ, mệt nhọc vì cả ngày niệm Phật không ngừng nghỉ, Ngài ngồi thiền thiếp trên tấm bồ đoàn, rồi nhập mộng lúc nào vẫn không biết. Trong mộng, đột nhiên Ngài thấy một luồng ánh sáng tỏa khắp, từ phương tây chiếu thẳng vào tịnh thất. Ngược lên, thấy Phật A Di Đà hiện thân tướng hảo quang minh trang nghiêm đang đứng trong hư không, Ngài vội quỳ xuống đánh lễ với tâm thành kính lưuluyến. Tuy trong mộng nhưng tâm Ngài vẫn sáng suốt. Biết đây là duyên may hiếm có, nên Ngài liền khởi tâm cầu mong được thấy Bồ Tát Quán Âm cùng Đại Thế Chí. Tâm vừa khởi, Bồ Tát Quán Âm và Đại Thế Chí liền hiện nửa phần thân trên, đứng bên tay trái và tay phải của Phật A Di Đà. Tinh dậy, hình tượng Tây Phương Tam Thánh biến mất, khiến Ngài nuối tiếc không ít. Hướng nhìn về phía tây, Ngài vẫn còn thấy nền trời màu vàng đỏ, khiến tâm lắng đọng thanh tịnh. Ngài tự biết là mình may mắn nhất trong thiên hạ, được thấy Tây Phương Tam Thánh. Từ đó, Ngài nhận biết rằng nhờ ngày đêm chuyên tâm niệm Phật nên tiếng niệm Phật luôn hiện trong đầu, khiến có duyên lành mơ thấy chư Phật chư Bồ Tát hiện thân cảm ứng. Nói chung nếu phát tâm kiên trì niệm Phật nhất tâm bất loạn, thì sẽ thấy rõ chư Phật chư Bồ Tát cùng cảnh giới cõi Tây Phương Cực Lạc. Nhờ thấy điềm lành, Ngài tự tin nhất định sẽ thành tựu trên bước đường tu hành. Qua kinh nghiệm này, trong suốt cuộc đời tu hành, Ngài tu trì pháp môn niệm Phật song song với việc tu hành thiền quán. (còn tiếp)

## MẮT THÂN NGƯỜI, VẠN KIẾP KHÓ ĐƯỢC LẠI

H. T Tuyên Hoá

Hôm nay nói chuyện về ý nghĩa Sám hối trong Đạo Phật. Chư Phật và chư vị Bồ-tát không nhìn vào lỗi của chúng sanh, chúng sanh nếu có lỗi và tự làm nỡ đi, Phật cũng chẳng để ý tới. Nhưng tự mình đã tạo nên nghiệp tội thì tới lúc nghiệp chín, tự mình sẽ lãnh đủ quả báo. Chúng sanh giác ngộ thì ít mà mê mờ thì nhiều; sáng suốt thì ít, ngu

si thì nhiều. Cho nên chúng sanh nào sáng suốt, giữ phép tắc, sẽ không làm những chuyện điên đảo. Những chúng sanh chân chánh giác ngộ cũng không có tà tri tà kiến, nghĩa là hiểu biết và nhận thức sai lầm. Trong chốn biển khổ mê mông, không biết đâu là bờ bến, chúng sanh ra đời rồi chết, chết rồi lại sanh, quần quanh luân chuyển trong vòng lục đạo, cũng giống như ngày nay nói về các công xưởng hóa học: một linh tánh lớn có thể bị phân chia biến thành những linh tánh nhỏ và ngược lại, linh tánh nhỏ lại có thể kết hợp hóa thành linh tánh lớn.

Bởi lý do trên, khi một cá nhân đầu thai thành kiếp thú, chẳng phải chỉ làm một loại thú vật mà còn có thể phân thành, ngựa, trâu, dê, gà, chó, heo, những loại thú tương đối có thân hình không nhỏ, và linh tánh của chúng cũng có chút điểm thông minh. Một cá nhân có thể biến thành bảy loại thú, thì trong quá trình chia cắt về thân thể sẽ có hiện tượng "phân linh," mà đã phân linh thì linh tánh càng giảm bớt, càng phân ra càng giảm đi. Thí dụ ngựa đầu thai biến thành gà vịt, rồi lại biến ra nhỏ hơn nữa. Một con ngựa lại có thể biến ra bảy con vịt và bảy con gà v.v.. Linh tánh bớt đi chừng nào thì càng ngu thêm chừng ấy, trăm ngàn vạn kiếp chưa dễ khôi phục lại. Bởi có gì? Bởi vì đã có sự phân khai, như trong quá trình phân tích được thực hiện trong phòng thí nghiệm hóa học, có sự phân ra từng bộ phận, từng thành phần. Một cá nhân đầu thai thành loài muỗi bởi nguyên do tâm địa quá độc ác, lòng tham không đáy, chỉ muốn hút máu của người khác. Tâm tưởng đó còn tồn tại nên mới biến thành loài muỗi, để chuyên việc hút máu. Tuy linh tánh đã bị hóa, nhưng vẫn còn lại chút ít, có như vậy chúng mới biết theo người mà hút máu, ngoài ra không biết gì khác nữa. Muỗi hành động bởi tâm tham, lấy cái đó duy trì sanh mạng, đó là nhân duyên của loài muỗi.

Loài kiến càng thì sao? Loại này bằm sanh ham ăn. Một cá nhân nếu biến thành thân kiến thì phải hóa ra tới tám vạn bốn ngàn con. Quý vị đã thấy loài muỗi, hàng đàn, hàng đàn như vậy. Kiến càng thì từng ổ, từng ổ, đông không kể xiết. Theo nguyên tắc "tánh hóa linh tàn," nên thân phận loài kiến rất là nhỏ nhoi, sức vóc chẳng có bao nhiêu.

Lại nói tới loài ong mật, chúng rất giỏi lấy trộm, tội ăn cắp của chúng nhiều lắm, nguyên do vì



kiếp trước chúng có lỗi không giữ giới cấm về trộm cướp. Đối với loài muỗi, loài kiến, kiếp trước của chúng cũng vậy, không trì giới trộm cướp. Tuy nhiên loài ong còn nặng hơn cho nên chúng rất giỏi nghề ăn trộm mật. Mật của người ta, nếu không trông coi, không có ong thợ hay ong mật ở đây canh gác, thì hết đàn ong mật nọ đến đàn ong mật kia kéo đến hút cho kỳ hết mật. Ong thích các đồ ngọt, cho nên ong lấy mật về, làm tổ, tích trữ mật tại ngân hàng của chúng. Tổ ong chính là ngân hàng của loài ong đó.

Bởi vì ong chỉ biết rằng loài ong sinh sống bằng mật, đường, cho nên chúng phải xây tổ để trữ mật, tựa như người ta phải để dành tiền vậy. Tuy nhiên, chúng cứ việc tích trữ mật, tích trữ cho nó nhiều, rồi cuối cùng mật bị người ta lấy mất. Vì lý do gì? Bởi chúng phạm giới cấm về tội đạo tặc, của lấy về bất thiện thì của đi ra cũng vậy, cái gì mà lúc lấy về không được quang minh chánh đại, thì rốt cuộc cái đó sẽ mất tiêu.

Đem các thí dụ về ba loại động vật tí hon này để nghiên cứu, tức là các loài muỗi, ong và kiến, chúng ta mới thấy rõ là không nên phạm các giới cấm sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nói dối. Giới cấm uống rượu cũng vậy. Số là uống rượu vào thường hay tạo nên những hành động hồ đồ. Hồ đồ như thế nào? Nguyên có một vị đã thọ ngũ giới, và y giữ giới rất cẩn thận, nhưng có một hôm y nảy ra ý muốn uống rượu. Y tự bảo mình rằng: "Trong năm giới thì sát sanh, đạo tặc, tà dâm, nói dối đều là trọng yếu, còn như giới về rượu thì quá bình thường, giữ giới này mà làm gì? Giới này là thừa. Thôi! Từ nay không giữ giới về uống rượu nữa. Ta đi uống chút rượu chơi." Nói rồi, y đi mua một bình rượu về, rót ra uống một mình. Y cảm thấy uống như vậy mà không có đồ nhắm thì cũng vô vị, bèn đi ra kiếm một cái gì để làm mồi rượu. Đúng lúc đó y thấy một con gà của hàng xóm chạy qua, y có ý nghĩ như sau: "Đây có lẽ là Bồ-tát giúp cho ta món đồ nhắm này!"

Quý vị thấy! Ý nghĩ của y quả là xằng bậy, tà tri tà kiến! Y bắt lấy con gà đó, giết đi để ăn thịt, tức là y đã phạm giới sát sanh và đạo tặc. Sau đó người hàng xóm kiếm gà đi ngang qua thì y đã uống say, lại còn trả lời một cách lung tung: "Chẳng thấy gà nào hết!" Vậy là y đã phạm giới cấm về nói dối. Y thấy người phụ nữ này khá xinh đẹp, y phạm thêm tội cưỡng dâm.

Các vị hãy lưu ý! Nguyên do chỉ vì uống chút rượu mà đến nỗi phạm cả năm giới như vậy. Hãy xem mấy đứa nhỏ retarded (si ngốc), chúng đều từ các nẻo thú vừa đầu thai lên làm người, nên chúng không có trí huệ. Tuy từ linh tánh nhỏ biến ra linh tánh lớn, khôi phục lại kiếp người, nhưng vì ở trong cảnh giới thú vật quá lâu, nên trí huệ bị lu mờ, cho nên kiếp này không những không biết nói, cũng không biết nghe, thì nói gì tới vấn đề giữ quy tắc.



Văn nghệ mừng xuân Mậu Tý do GDPT Kim Quang tổ chức tại Chùa

Bởi các lý do đó mọi người phải nhận cho rõ ngũ giới là điều thiết yếu. Mỗi một giới có năm vị thiện thần ủng hộ, nếu không giữ giới, các vị thiện sẽ bỏ đi, nhường chỗ cho năm ác ma. Phạm giới thì ác ma tới, không phạm giới ác ma

không tới. Tại sao ma không tới? Bởi vì đã có các

thiện thần hộ trì, do đó chúng ta nên đặc biệt giữ giới cho cẩn thận. Chẳng giữ giới tức chẳng tu hành, biết giữ giới tức có thể y giáo phụng hành, tức khiến chúng ta có được trí huệ chân chánh, không bao giờ điên đảo, không bao giờ xảy ra chuyện ăn mặn và phá giới. Cho nên người tu đạo phải tự khắc phục được mình trong từng giờ từng khắc, khéo mà không chế bản thân, căn cứ trên sáu căn mà hạ công phu. Như khi mắt đối diện với sắc thì bị sắc trần chuyển - tức bị lung lạc, tai nghe âm thanh bị thanh trần chuyển, lưỡi nếm vị bị vị trần chuyển, mũi ngửi hương bị hương trần chuyển, thân thể bị xúc trần chuyển,

ý thì bị pháp trần chuyển - có nghĩa là bị sáu tên giặc ở sáu cửa lôi đi, làm cho linh khí ở bên trong chúng ta bị cướp mất. Nếu quý vị không bị chuyển, linh tánh không bị mất, cái đó người ta nói là trí huệ.

Bài kệ nói rằng:

*Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não  
Nguyện đắc trí huệ chân minh liễu  
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ  
Thế thế thường hành Bồ-tát đạo.*

Tam chướng tức là nghiệp chướng, báo chướng, phiền não chướng. Nghiệp chướng gồm những nghiệp thiện ác mà chúng ta đã tạo tác từ kiếp trước, nay hiện thành những chướng ngại mà chúng ta gặp trong kiếp này; các sự việc không xứng ý đến với chúng ta đều phát sanh từ các loại nghiệp chướng đó. Báo chướng là các loại khổ báo gồm cảnh địa ngục, quỷ đói, súc sanh. Có câu: "Giả sử trăm ngàn kiếp, nghiệp gây ra chẳng mất, khi nhân duyên hội ngộ, lại lãnh đủ quả báo," bất

### Ý nghĩa đồ cúng dường

*"Chấp tay dùng làm hoa,  
Thân là đồ cúng dường,  
Tâm lành thành thật là hương,  
Khen ngợi khởi hương tỏa khắp,  
Chư Phật ngửi hương này,  
Nghe tiếng đến cứu độ,  
Mọi người siêng tinh tấn,  
Đừng có sinh nghi lầm."*

H.T Giải Thoát làm kệ khen ngợi Phật

cứ mình tạo nghiệp gì, thì sẽ lãnh quả báo về nghiệp ấy, không có cách gì thoát được nghiệp đó. Cho nên lại có câu: "Mọi thứ mang không được, duy nghiệp được tùy thân." Kiếp trước ta làm sai nhân quả, kiếp này ta lãnh quả, như vậy gọi là báo chướng. Phiền não chướng gồm tham dục, sân khú (tức giận) và ngu si. Mỗi cá nhân đều có phiền não riêng của từng người, người có ít, người có nhiều. Như không có phiền não, tức không có tham sân si, vậy đáng là bậc thánh nhân. Nếu như chưa dứt hết vô minh, gốc phiền não vẫn còn tồn tại, nó sẽ tùy lúc, tùy cảnh ngộ mà phát khởi, lúc đó cái gì cũng quên, khiến người ta có thể làm những chuyện thương luân bại lý trái lương tâm.

Phiền não mà không trừ bỏ sẽ làm chướng ngại căn Bồ-đề, do đó có câu: "Ngọn lửa lẩn tẩn, thiêu rụi rừng Bồ-đề," bất luận tu hành đến đâu mà phiền não không đoạn trừ, thì cái gì cũng là giả tạm. Bởi đó, tại ngay cửa sáu căn, ta đừng để cho ngoại cảnh chuyển đổi, mà chính ta phải chuyển đổi ngoại cảnh, phải biến phiền não thành Bồ-đề, biến sanh tử thành Niết-bàn. Ta phải ý thức rõ cái "túi da hôi thối" này, cái nhục thể kết hợp với thần thức mà ta coi cuộc hôn phối sẽ mãi mãi bền vững; nhưng, đến phút chót nó cũng sẽ bỏ ta, cùng ta ly khai luôn. Mình cũng không biết sẽ đi về đâu. Tu đạo là để làm gì? Chính là để chuẩn bị lúc nhục thể sắp sửa phân ly, chúng ta biết chúng ta sẽ đi đâu, mà không bị cái túi da hôi này khống chế, chúng ta đi về trong sự tự do. Vì cái đó mà ta tu đạo. Muốn cho thành tựu đạo nghiệp, chúng ta phải thâm nhập thân tâm một cách thường xuyên, từng bước y theo quy củ phép tắc, không để cho ngoại cảnh tại các cửa lục căn lôi kéo. Lúc đó, quý vị đã có định lực rồi. Có định tức có thể phát huy trí huệ. Tuy nhiên quý vị phải nhớ rằng định là do sức mạnh của giới mà sanh ra, mà giới lại là "chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành," hy sinh tiêu ngã và hoàn thành công đức tu tập tinh thần đại ngã, đó là Phật pháp chân chánh, là tông chỉ của tôi. Các vị hãy thử theo tôi học tập.

## Tứ hoàng thệ nguyện

Hoà thượng Tuyên Hoá

**B**ồ Tát phát bốn hoàng thệ nguyện:

"Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ  
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn  
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học  
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Chúng ta là người học Phật pháp, cũng phải phát bốn đại nguyện này, mỗi ngày phải y chiếu bốn đại nguyện này mà thực hành, thì mới có sự tiến bộ. Bằng không, miệng đọc thuộc lòng, nhưng chẳng thực hành, thì chẳng có chút ích lợi gì. Chẳng những không thể độ chúng sinh, mà cho



đến chính mình cũng cứu không được. Nay giải thích sơ lược bốn đại nguyện này:

Chúng sinh vô biên thế nguyện độ: Trước hết phải hồi quang phản chiếu, tự mình hỏi mình, độ được chúng sinh chưa? Nếu có độ chúng sinh, nhưng đừng có chấp trước vào tướng chúng sinh. Trong Kinh Kim Cang có nói:

"Tôi phải diệt độ tất cả chúng sinh

Diệt độ tất cả chúng sinh rồi

Mà không có một chúng sinh thật được diệt độ".

Ý nghĩa này dạy mọi người đừng chấp trước vào công đức của mình, đừng chấp trước vào tướng độ chúng sinh, do đó:

"Độ sinh lia tướng, lia tướng độ sinh".

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn: Trước hết phải phản tỉnh, nhìn xem phiền não của mình đã đoạn chưa? Hiện nay nói thật với các vị, phiền não của tôi cũng chưa đoạn, nhưng muốn đoạn phiền não. Nói ra thật là xấu hổ, giảng kinh nhiều năm rồi, mà vô minh vẫn chưa phá, phiền não vẫn chưa đoạn, thật có lỗi các vị, cho nên phiền não của các vị cũng rất nhiều. Song, tôi sớm đã từng nói với các vị: "Tôi muốn hoá duyên với các vị, muốn hoá duyên lớn, chẳng hoá duyên nhỏ". Thế nào là duyên lớn? Tức là không hình không tướng. Thế nào là duyên nhỏ? Nghĩa là có hình có tướng. Nóng giận phiền não là không hình không tướng; tiền bạc châu báu là có hình có tướng. Mười mấy năm trước tôi đã từng nói qua: "Hãy đem nóng giận phiền não của quý vị, bỏ thí hết cho tôi". Tôi hoan hỷ phiền não, tôi muốn ăn cơm phiền não, tôi muốn mặc y phiền não, tôi muốn ở nhà phiền não, tôi muốn ngồi toà phiền não, nhưng các vị không để ý đến, không bỏ thí bỏ được, vẫn giữ lại để chính mình dùng. Bất cứ xuất gia bao nhiêu năm? Nếu không bỏ thí phiền não, thì vĩnh viễn không thể chúng đạo.

Làm thế nào không có phiền não? Thì phải xem tất cả chúng sinh đều là Phật. Nếu trực tiếp đối với tất cả chúng sinh sinh phiền não, cũng giống như gián tiếp đối với tất cả chư Phật mà sinh phiền não. Chúng ta là đệ tử của Phật, không thể đối với Phật sinh phiền não, cho nên phải đoạn phiền não.

Người nào không chịu bỏ thí phiền não? Đó là người ngu. Người có trí huệ, thì không có phiền não. Tôi thường nói:

"Mọi việc đều đi qua  
Nóng giận khó hoá giải  
Thật không sinh nóng giận  
Tức được báu vô giá  
Lại đừng có oán người  
Mọi việc đều tốt đẹp  
Phiền não vĩnh không sinh  
Oan nghiệt biết đâu tìm  
Thường nhìn người không đúng  
Khổ của mình chẳng dứt".

Mấy câu này đã nói với quý vị nhiều lần, nhưng các vị coi như gió thoảng qua tai, chẳng lưu lại trong tâm, nói xong quên mất, qua rồi không nhớ nữa.

Tại sao hay có phiền não? Vì có nghiệp chướng, có oan nghiệt. Trong vô lượng kiếp đến nay, giết cha, giết mẹ, giết A la hán, phá hoà hợp tăng, làm thân Phật chảy máu – phạm tội ngũ nghịch. Tóm lại, phạm là ở trong tăng đoàn, đâm thọc ly gián, nói thị nói phi, khiến cho Tỳ Kheo nghi ngờ, thậm chí tạo ra đủ thứ việc không tốt, đó là phá hoà hợp tăng. Nếu phá hoại quy cụ trong đạo tràng, khiến cho đạo tràng không được an ổn, tạo ra nhiều việc phiền não, đó là làm thân Phật chảy máu. Tạo năm tội ngũ nghịch này, nghĩ muốn tu hành, thì những tội nghiệt này tìm đến nhiễu loạn, khiến cho bạn không thể tĩnh tâm tu hành, vọng tưởng lung tung, phiền não trùng trùng.

Người có bệnh hoạn, là vì có nghiệp chướng, oan nghiệt đến tác quái, khiến cho tinh thần của bạn hoảng hốt, không tự làm chủ được. Phạm là người mạnh khoẻ, là do chẳng tạo oan nghiệt.

Vì trong quá khứ chúng ta chẳng giữ năm giới, chẳng làm mười điều lành, cho nên chẳng có căn lành. Đời này muốn phát bồ đề tâm, nhưng ma lại đến nhiễu loạn. Vậy, phải làm bằng cách nào? Hãy mau sám hối sửa lỗi làm con người mới, tâm bình khí hoà, sửa lỗi triệt để, làm mới triệt để. Nên nhớ! Không thể nửa sửa, nửa không sửa, đó là hành vi gạt chính mình. Tu hành phải chân đạp xuống đất, không thể xen tạp thành phần hư nguy ở trong tâm. Tu đạo tức là tu thành thật, do đó: "Tâm thành tức linh", tâm thành đến cực điểm thì sẽ có cảm ứng. Nhà Nho có nói: "Tinh thành sở chí, kim thạch vi khai".

Chúng ta lúc nào cũng phải kiểm thảo chính mình, xem thử phiền não đã đoạn chưa? Nếu chưa đoạn thì sớm đoạn trừ, còn nếu đã đoạn thì đừng để nó sinh ra nữa. Phiền não là thứ tệ nhất phiền thân não tâm, là đá buộc chân người tu đạo.

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học: Mỗi ngày các vị đến nghe kinh, nghiên cứu Phật pháp, song danh tướng cũng không nhớ. Hỏi: Thế nào là tứ niệm xứ? Tôi không biết. Hỏi: Thế nào là ngũ căn? Có phải hôm qua tôi đốt hương ngũ căn chăng? Hỏi: Thế nào là lục độ? Con người của tôi chẳng có sáu cái bụng! Hỏi: Thế nào là bát chánh đạo? Đại khái là tám con đường! Hỏi: Thế nào là thập lực? Có phải là mười sức lực chăng? Lại hỏi: Thế nào là mười tám pháp bất cộng? Lại không biết. Một hỏi ba không biết, đến học Phật pháp như vậy có tiến bộ chăng!

Pháp môn thì vô lượng, thử hỏi mình học chưa? Nếu chưa học, thì hãy mau học. Nếu đã học rồi, thì càng phải học cho nhiều. Phải dùng mãnh tinh tấn, siêng học Phật pháp, thì tương lai có thể trợ



giúp Phật hoằng pháp, hoàn thành nhiệm vụ là Phật giáo đồ. Bằng không, "Thư đáo dụng thời phương hận thiếu", đến lúc dùng, hậu hối cũng không kịp. "Sự phi kinh quá bất tri nan". Nghe người ta giảng kinh thuyết pháp, cảm thấy rất dễ dàng. Song, khi mình giảng thì mới biết mùi vị của nó chẳng đơn giản, phải trải qua một phen công phu khổ cực, thì mới được thắng lợi, không thể làm a dương tăng.

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành: Lời nguyện này phải nương vào công phu thật để thành tựu, chẳng phải nói suông, mà là thực hành. Nói là làm không được, thì vĩnh viễn không thể thành đạo. Tự mình hỏi mình Phật đạo đã thành chưa? Nếu chưa thành, thì hãy mau y pháp tu hành, tương lai nhất định sẽ thành Phật đạo. Bốn hoằng thệ nguyện này, các vị phải ghi nhớ mà thực hành, đừng có phụ mục đích mỗi ngày đến nghe kinh. Nghe kinh là vì

khai ngộ, khai ngộ mới có thể thành Phật, cho nên nói Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

**T**hân Phật là thân sắc vàng, có ba mươi hai tướng:

1. Dưới chân bằng như đáy hộp.
2. Dưới chân có tướng bánh xe ngàn cãm.
3. Gót chân như đỉnh Phạm vương.
4. Ngón tay nhỏ dài.
5. Thân vuông thẳng.
6. Tay chân có màng lưới.
7. Tay chân mềm mại.
8. Mắt cá mập đầy.
9. Lòng mình mượt.
10. Cánh tay như nai chúa.
11. Thân tròn đầy.
12. Tay thông quá gối.
13. Đỉnh có nhục kế.
14. Vô kiến đỉnh (không ai thấy được đỉnh đầu của Phật).
15. Mâ âm tàng.
16. Da mịn trơn.
17. Lòng mình vòng bên phải.
18. Thân tía màu hoàng kim.
19. Bảy chỗ bằng đây.
20. Tiếng phạm âm.
21. Xương vai sung mãn.
22. Thân trên như sư tử.
23. Khuỷu tay mập nhỏ.
24. Răng trắng đều nhau.
25. Bốn mươi cái răng.
26. Răng trắng như ngà.
27. Má như sư tử.
28. Trong miệng có thượng vị.
29. Lưỡi rộng dài.
30. Tướng bậc trượng phu.
31. Lòng mi xanh biếc.
32. Tướng hào quang trắng giữa mày.

- 1). Tất cả chư Phật có thể ở trong một hạt bụi, hiện ra bất khả thuyết bất khả thuyết chư Phật xuất hiện ra đời.
  - 2). Tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi, hiện ra vô lượng thân Phật chuyển đại pháp luân.
  - 3). Tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi, khiến cho tất cả chúng sinh thọ giáo hóa điều phục.
  - 4). Tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi, hiện ra vô lượng cõi nước chư Phật.
  - 5). Tất cả chư Phật ở trong một hạt bụi, vì tất cả Bồ Tát thọ ký.
  - 6). Tất cả chư Phật ở trong một niệm, hiện ra hết thấy tất cả chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại.
  - 7). Tất cả chư Phật ở trong một niệm, hiện ra hết thấy tất cả loại thế giới quá khứ vị lai và hiện tại.
  - 8). Tất cả chư Phật ở trong một niệm, hiện ra hết thấy tất cả thần thông quá khứ vị lai và hiện tại.
  - 9). Tất cả chư Phật ở trong một niệm, hiện ra hết thấy tất cả chúng sinh quá khứ vị lai và hiện tại.
  - 10). Tất cả chư Phật ở trong một niệm, hiện ra hết thấy tất cả Phật sự quá khứ hiện tại và vị lai.
- Thần thông diệu dụng của chư Phật nói chẳng hết được.



Chư Tăng Ni Phật tử chụp hình lưu niệm

## 1. Thừa nguyện trở lại.

Hòa Thượng, Thượng Tuyên Hạ Hóa sanh vào Ngày 16 tháng 3 năm Mậu Ngọ (1918), một Thôn nhỏ Huyện Song Thành Tỉnh Mãn Châu, Trung Hoa. Thân phụ là cụ Ông Bạch Phú Hải vốn là một nông phu chất phát; Thân mẫu là cụ Bà Hồ Thị là một Phật tử thuần thành cả đời ăn chay niệm Phật. Ông Bà đã có bốn trai ba gái nay lại được thêm một út trai thật đúng như ý nguyện.

Điểm khác lạ là vừa mới sơ sinh Ngài đã khóc trong ba ngày liên tiếp. Cụ Ông châu mày bồn chồn lo lắng, cả nhà thì bối rối không yên. Cụ Bà cảm giác rằng đứa bé vừa hạ sanh tất không phải

người thường, nhân trong đêm chuyển dạ lâm bồn Bà có một giấc mộng diệu kỳ. Bà mơ thấy Phật A Di Đà hiện thân, từ đôi mắt phóng hào quang vàng soi sáng cùng khắp thế giới và làm cho trời đất chuyển động,

mục kích cảnh tượng này bà cảm thấy thân tâm tĩnh lặng, và chợt

giật mình thức giấc xoay nhìn khắp bốn phía vách nhà mới biết đó chỉ là giấc mộng khiến bà không khỏi luyến tiếc, nhưng khi ngẫm lại thì cũng không phải là mộng vì cảm thấy có hương thơm phảng phất căn phòng hồi lâu mới hết; cho nên Bà lại niệm Phật càng rõ tiếng hơn. Sau đó không lâu Bà hạ sanh một bé trai, tức là Pháp sư An Từ tự Độ Luân và cũng là Hòa Thượng Tuyên Hóa sau này.

## 2. Lập chí tu hành.

Hòa Thượng được nuôi dưỡng trong gia đình hiền đức và lớn lên trong một ngôi làng yên tĩnh ở miền quê. Nhiều người trong làng đã dời đi nơi khác để tầm danh cầu lợi nên cửa nhà thưa thớt, đường xá vắng bóng người, dân làng sống trong cảnh tĩnh lặng, an nhàn. Vì thế khi lên mười một tuổi Ngài chưa từng thấy qua người chết. Cho

# CUỘC ĐỜI VÀ SỰ NGHIỆP HOẰNG HOÁ CỦA H.T TUYÊN HOÁ

Phần I: Tu Hành Tại Trung Quốc

đến một hôm đang lúc cùng các bạn trẻ trong thôn vui đùa chạy ra ngoài đồng hoang vắng Ngài chợt thấy một đứa bé bọc trong manh chiếu bị bỏ trong bụi rậm, miệng nó ngậm và mắt thì nhắm nghiền. Bọn trẻ liền chạy tới lay gọi nó nhưng đứa bé không động đậy, Ngài không biết em bé này tại sao như thế liền hỏi một người lớn thì được cho biết rằng:

- Nó đã chết!

Ngài vẫn chưa hiểu nghĩa chữ CHẾT là gì? nên vội chạy về nhà hỏi mẹ, Mẹ Ngài bảo:

- Phàm là người ai cũng phải chết, có người chết già có người chết vì bệnh có người chết vì tai nạn, bất luận người giàu cũng như người nghèo hoặc người làm quan kẻ đi buôn người làm ruộng hay nhân công dẫu có quyền uy chức phận chi nữa mọi người rồi cũng phải chết.

Càng lầy lăm lạ Ngài lại hỏi:

- Nhưng thưa mẹ! vậy có cách nào để khỏi phải chết không?

Lúc đó có một vị Tu đạo đang viếng thăm gia đình Ngài, nghe Ngài hỏi liền đỡ lời:

- Có chứ con phải tu đạo, đó là cách duy nhất; con phải hiểu thấu bốn tâm, giác ngộ bản tánh của mình thì mới mong vĩnh viễn thoát ly luân hồi sanh tử.

Câu trả lời này đa số người nghe đều ít hiểu đạt, mặc dầu tuy chỉ mười một tuổi Ngài không những nghe xong liền hiểu mà còn lãnh ngộ ngay đạo lý thâm sâu này. Lời người khách đã in sâu vào tâm khảm Ngài. Sau đó Ngài quyết tâm xuất gia tu đạo. Khi Ngài trình ý định xuất thế của mình lên Mẹ thì Mẹ Ngài bảo rằng:

- Xuất gia là việc bỏ thí cao thượng cũng là việc khó làm nhất nếu con có căn lành cùng sự quyết chí thì con sẽ đạt được đạo quả. Mẹ rất vui mừng vì lời nguyện và ý chí của con đã ấn chứng cho giấc mơ kỳ diệu của mẹ thuở xưa, nhưng nay mẹ đã già, hẳn không còn sống bao lâu. Bốn người anh và ba người chị con đều đã lập gia đình, Mẹ hy vọng con ở lại để phụng dưỡng cha mẹ đến lúc cha mẹ qua đời thì con xuất gia cũng không muộn.

Ngài đã tôn trọng lòng mong ước của mẹ tạm gác lại ý nguyện xuất gia và thường theo mẹ Lễ Phật,

Tụng Kinh. Từ đó hạt giống Bồ đề trong tâm Ngài càng tăng trưởng.

### 3- Vang danh hiệu tử.

Hạt giống Bồ đề trong tâm Ngài ngày một đậm sâu, tuy tuổi còn nhỏ nhưng Ngài đã biết hồi quang phản chiếu. Lúc đầu Ngài tự phản tỉnh tính can cường của mình, nếu bị người khác chọc giận, Ngài chỉ biết la khóc thôi. Một khi đã khóc rồi thì khó mà ngưng được khiến cho cha mẹ khó phương đối trị. Sau đó tánh nết lại cứng cỏi hơn là không chịu ăn uống gì hết làm cho cha mẹ lại thêm phần sầu não. Lúc nhớ lại những khi không biết hiếu thảo với cha mẹ, thâm tâm Ngài rất ư hối hận. Ngài quyết định dùng hành động để sám hối những tội lỗi xưa. Suy đi nghĩ lại, cuối cùng Ngài nghĩ ra một phương pháp là mỗi sáng mỗi chiều, đều hướng về cha mẹ mà lễ lạy. Lúc vừa bắt đầu lạy thì cha mẹ Ngài liền la rầy quở trách,

## Cõi mê

Phật xưa trong kiếp con người  
Mang thân tứ đại sống nơi cõi trần  
Thân của Phật sinh, già, bệnh, chết  
Cũng sinh ly tử biệt giống như mình  
Mình với Phật thân nào có khác  
Khác hay không chỗ kể tình người mê  
Phật giác ngộ đại diện người trí tuệ  
Mình si mê cam làm phận vô minh  
Mấy mươi năm tạm sống kiếp nhân sinh  
Vui cảnh giả đường xưa quên trở lại  
Phật đến Phật đi về tự tại  
Mình đến mình đi mãi không về  
Đi lên xuống luân hồi trong lục đạo  
Đi muôn đời nơi bể khổ mê mông  
Vì mình mê giả tướng cõi hồng trần  
Thân rong ruổi trên con đường vô tận  
Mê phú quý lợi danh ảo mộng  
Mê sang giàu vật chất phù du  
Sống cuộc đời lắm kẻ nhiều mưu  
Để phục vụ nuôi tằm thân tạm giả  
Nhân mình gieo sẽ có ngày gặt quả  
Thân sau sanh trả nghiệp trước đã vay  
Vay trả trả vay sinh tử xuống lên hoài  
Đau khổ chấp chùng luân hồi không ra khỏi  
Ai giác ngộ biết đời là bể khổ  
Mau quy y chánh pháp đức Thích Ca  
Nương đức Phật tìm ra đường giải thoát.

Nguyễn Phước Huệ



hỏi tại sao mà làm như thế, thì Ngài thưa rằng:

- Xưa kia con không biết hiếu thảo với cha mẹ, nay biết rõ như thế là không phải đạo làm con. Vì thế con nay bắt đầu lạy cha mẹ để biểu thị lòng ăn năn hối cải của con.

Cha Ngài bảo:

- Biết rõ lỗi rồi nên sửa đổi, không cần phải lễ lạy.

Nhưng Ngài vẫn kiên trì giữ nguyên nhất định phải làm; Thế nên cha mẹ Ngài nghĩ rằng:

- Người kẻ cái chết thường nói những lời lành, có lẽ đứa con này sống chẳng được bao lâu nữa rồi!

Vì vậy mỗi lần Ngài lạy; Ông Bà cụ đều rơi lệ. Sợ cha mẹ quá thương tâm, Ngài bèn ra sân vào mỗi sáng tinh sương khi mọi người còn đang an giấc, Ngài hướng về cha mẹ lạy mỗi người ba lạy. Khuya đến khi mọi người đều lên giường ngủ Ngài lại ra ngoài hướng về cha mẹ mà lễ mỗi người thêm ba lạy nữa. Lạy như vậy qua một thời gian, Ngài cảm thấy vẫn chưa đủ nên lạy thêm trời, bảy giờ Ngài không biết tên của các vị thiên chủ, địa chủ, nhân chủ, mà chỉ biết trời, đất, quân thần, thân tộc sư trưởng. Thế nên mỗi sáng mỗi tối, Ngài lạy trời, đất, vị nguyên thủ quốc gia, cha mẹ và vị Thầy tương lai mỗi vị ba lạy. Sau đó Ngài lại lễ thêm đến tất cả người tốt, người xấu trên toàn thế giới. Ngài cầu mong những người đại ác, bại hoại xấu xa đều cải ác làm lành trở thành người tốt. Ngài cứ gia tăng mãi cho đến tám trăm ba mươi lạy, mỗi ngày sáng, tối hai thời, mỗi thời hai giờ rưỡi. Như vậy Ngài lạy năm giờ bất kể trời sương mưa gió tuyết.

Ngài hết lòng chăm sóc thân sinh và thân mẫu; mùa hè Ngài hầu quạt cho cha mẹ còn mùa đông Ngài sưởi ấm giường nằm cho Ông Bà cụ. Ngài phụng dưỡng cha mẹ như phụng dưỡng hai vị Phật sống, cho nên danh tiếng hiếu thảo của Ngài vang đồn khắp nơi, mọi người trong làng, đều tôn xưng Ngài là "Bạch Hiếu Tử," tức người con chí hiếu họ Bạch. (còn tiếp)

# tam bộ nhất lạy

Hằng Cự và Hằng Do

Tiếp theo kỳ trước

**Ngày 28 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cự viết:**

**B**ạn Quả Tôn là Quả Diện đem thức ăn trưa đến (sau đó bà nầy cũng thỉnh thoảng đến). Bà luôn luôn đem đến những thức ăn rất quân bình đã được nấu theo phương pháp dưỡng sinh (macrobiotic), kỹ lưỡng nhất. Chúng tôi lạy qua vùng Valley Ford, phố nhỏ nầy được thành lập quanh ngã tư đường chánh. Sau đó chúng tôi tiếp tục đến vùng đồng bằng lòng lộng gió, rồi thẳng đến ranh giới quận Marin-Sonoma.

Lễ lạy ở miền đồng ruộng nầy có vẻ thật thuận lợi, nếu so với trong thành phố thì thật là một chuyện khác hẳn. Chúng ta luôn có khuynh hướng tự ý thức về mình, thì nơi đây đem lại cơ hội tốt đẹp để quán tưởng về pháp vô ngã. Trong thiền viện Phật giáo dùng công án gọi là "Ai?" Ở bất cứ lúc nào, nơi nào, thiền sinh chỉ với câu hỏi

đơn giản: "Ai là người đang biết đây?" Phương pháp nầy gọi là *hồi quang phản chiếu*, nghĩa là quan sát những tư tưởng nổi lên với tánh cách thật vô tư, đồng thời cố gắng truy xét trở lại tận nguồn gốc sự phát sinh của những tư tưởng đó. Dù có tìm kiếm thế nào, nó không có nguồn phát xuất từ đâu cả. *Kinh Hoa Nghiêm* diễn tả:

## Thỉnh kinh sách mới

Vừa qua đã Ấn tống những Kinh sách do H.T Tuyên Hoá giảng giải kể tiếp sau đây :

- Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 3
- Kinh Hoa Nghiêm giảng giải tập 4
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải tập 2
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải tập 3
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải tập 4
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa giảng giải tập 5
- Kinh Diệu Pháp Liên Hoa (trọn bộ).

Quý vị nào thỉnh kinh sách, xin liên lạc về Chùa. Sự cúng dường ủng hộ xin tùy hỷ, góp phần vào việc Ấn tống những tập kế tiếp. Công đức vô lượng.

"Không có người suy nghĩ mà cũng không có gì để suy nghĩ, chỉ có những tư tưởng nổi lên do nghiệp lực hạn buộc mà thôi." Tiến trình của sự truy tầm nầy được người Hoa gọi là *tham thiền*.

Một phụ nữ trẻ tên Melissa từ trung tâm thiền đường Blue Mountain mang đến cho chúng tôi một ổ bánh mì. Sau đó có cặp vợ chồng trẻ trên

chiếc xe cam nhông cũ kĩ ngừng lại bảo rằng, mười năm về trước, mọi người chung quanh đây có thể nghĩ rằng chúng tôi là đồ điên, nhưng bây giờ hầu hết là họ đã chấp nhận việc chúng tôi làm, có người còn cho rằng đây là việc làm rất hay.

### Ngày 29 Tháng 10 Năm 1973. Hằng Cụ viết:

Quả Đôn Schweig cùng vợ là Quả Kim, gấp rút lái chiếc xe van Ford đến, nhưng đã hơn 12 giờ trưa. Hai chúng tôi vừa mới ăn cơm xong và sắp sửa bắt đầu cho buổi lạy chiều thì họ tới, ngừng xe một bên nói:

"Chúng con tìm quý Thầy khắp nơi để đem thức ăn trưa này!"

Ôi! thấy họ quá thành tâm, vì rõ ràng là họ đã vất vả lắm mới đem được cơm trưa cho chúng tôi. Thầy Hằng Do và tôi lại không nở lòng bảo họ là vừa mới ăn xong. Thế là để tỏ lòng lịch sự, chúng tôi ngồi xuống dùng cơm trưa thêm một lần nữa. Quả Đôn cứ nhắc chừng chúng tôi ăn thêm nhiều và tôi đã ăn hết hũ bơ đậu phộng (peanut butter) hiệu Deaf Smith như mỗi lần họ đến.

Chiều nay lại có nhiều người đến trò chuyện. Chúng tôi nhận thấy những người này đang rơi vào các hạng khác nhau. Hầu hết là họ đã có định kiến trong tâm trước khi đến nói chuyện với chúng tôi. Họ hoặc là ủng hộ hay chống đối chúng tôi, chỉ khác nhau về cường độ. Những người này tự họ cho rằng mỗi cá nhân phải được phân loại rõ ràng. Có nghĩa là một người nếu không là Thiên Chúa Giáo thì phải là Do Thái Giáo, Phật Giáo hoặc gì khác nữa. Đó là một trong những sự phân biệt giữa trắng và đen, giữa đúng hay sai. Mặc cho những phong trào về tư tưởng mới lạ này biến chuyển, chúng tôi chỉ lấy làm ngạc nhiên khi thấy còn có bao nhiêu người lại bảo thủ quá đáng như thế.

(còn tiếp)

- Làm thế nào không còn phiền não?

- Thì phải xem tất cả chúng sinh đều là Phật. Nếu trực tiếp đối với tất cả chúng sinh sinh phiền não, cũng giống như gián tiếp đối với tất cả chư Phật mà sinh phiền não. Chúng ta là đệ tử của Phật, không thể đối với Phật sinh phiền não, cho nên phải đoạn phiền não.

- Tại sao hay có phiền não? Vì có nghiệp chướng, có oan nghiệt.

- Tại sao chúng ta có phiền não? Vì có sự ích kỷ.

- Tại sao có sự ích kỷ? Vì có lòng tham muốn, tìm hết mọi cách để bảo vệ nó, sợ nó chạy đi mất. Nếu đối với nó bất lợi, thì sẽ phát sinh nóng giận.

- Tại sao phải nóng giận?

- Nguyên nhân chủ yếu là vô minh và ái tình tác quái. Nếu chẳng có vô minh, thì chẳng có ái tình, nóng giận sẽ bỏ chạy cách xa bạn mười vạn tám ngàn dặm, muốn tìm cũng tìm chẳng được.

- Nếu như có ái tình, thì sẽ sinh tâm ích kỷ. Có tâm ích kỷ thì chẳng cứ đến gì khác, mục đích bất chấp thủ đoạn để truy cầu cho bằng được, thậm chí hy sinh tánh mạng cũng không tiếc. Quy về nguồn gốc là do lòng tham dục. Nếu chẳng có lòng tham dục, thì sẽ không có sự ích kỷ. Chẳng có ích

kỷ thì sẽ không có phiền não. Nếu có phiền não, thì có sinh tử; nếu chẳng có phiền não thì không còn sinh tử. Đạo lý này ai ai cũng đều biết, nhưng làm không được. Phải biết, không còn lòng tham muốn thì hết vô minh. Phá được vô minh, thì hiển bày pháp tánh. Chúng ta học Phật, trước hết là trừ vô minh, khử phiền não. Nếu viên mãn được thì sẽ chứng được giải thoát.

## Thông báo

### Hành hương chiêm bái Tứ Động Tâm Ấn Độ và Tích Lan

3 tuần lễ, từ ngày 9/11 đến ngày 29/11/2008. Quý vị nào muốn đi hành hương chiêm bái Tứ Động Tâm Ấn Độ và Tích Lan, xin liên lạc về Chùa để biết thêm chi tiết. Thời hạn chót đăng ký là ngày 30/05/2008.



# le sutra du merveilleux Dharma du Lotus

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

## Tous les univers du Bouddha tremblaient.

Commentaire : Tous les univers du Bouddha tremblaient de six manières. Il s'agit du quatrième miracle, celui du tremblement de terre. Pourquoi tous les univers du Bouddha tremblaient-ils de six manières ? Parce que le Bouddha Sakyamuni allait parler du Sutra du Merveilleux Dharma du Lotus. Avant de parler du Sutra du Merveilleux Dharma du Lotus, divers événements se produisirent pour qualifier et montrer l'ampleur de la signification du Sutra. C'est la raison de toutes ces manifestations.

TOUS LES UNIVERS DU BOUDDHA désignent tous les univers où existaient des Bouddhas. Ils tremblaient tous de six manières. Ces six phénomènes ont déjà été expliqués discutés plus d'une fois. Je suis sûr que certains d'entre vous s'en souviennent d'un seul, d'autres de deux, ou de trois, ou de quatre ou tout au plus de cinq, mais personne ne se souvient de tous les six. Aussi aujourd'hui je ne vais pas vous les réexpliquer puisque vous les connaissez déjà. Je vais seulement vous les citer. Les six phénomènes dans les tremblements de terre sont :

1. Le claquement
2. Le tonnerre
3. Le craquement
4. Le tremblement
5. Le soulèvement
6. La houle

Les trois premiers se rapportent au son ; les trois suivants se réfèrent au mouvement, à l'apparence visible lorsqu'elle tremble, la terre se soulève et s'entrechoque brusquement. Une série de phénomènes concerne le son, une autre le mouvement.

Ces six phénomènes représentent les six organes : l'œil, l'oreille, le nez, la langue, le corps et l'esprit. Mais si on désire développer l'explication, on peut dire qu'il y en a dix-huit. Chacun d'eux comporte trois applications. Trois

fois six font bien dix-huit et correspondent aux dix-huit mondes des désirs. Les dix-huit mondes des désirs se composent de six organes des sens, six objets et six consciences.

Comment chacun des six phénomènes se transforme-t-il en trois ?



Bain au Bouddha à l'occasion Grande Fête de Vesak

Prenons par exemple le

quatrième, le tremblement : le premier est le tremblement individuel, le deuxième est le tremblement universel et le troisième le tremblement universel généralisé. Cela en fait trois.

De la même façon, pour le claquement : le claquement individuel, le claquement universel et le claquement universel généralisé. De même pour le grondement, le grondement individuel, le grondement universel et le grondement universel généralisé, formant un autre trio. Le craquement, le craquement individuel, le craquement universel et le craquement universel généralisé constitue encore un autre trio. On

peut considérer encore d'autres groupes : celui du soulèvement, du soulèvement individuel, du soulèvement universel et du soulèvement universel généralisé; celui de la houle : La houle individuelle, la houle universelle et la houle universelle généralisée. Cela fait dix-huit phénomènes en tout.

Que voulait-on dire à propos de ces processus ?

Au début le tremblement se limite à un endroit particulier. Puis, il se répand aux quatre continents : Jambudvipa au sud, Uttarakuru au nord, Aparagodaniya à l'ouest et Purvavideha à l'est. Lorsque ces quatre grands continents tremblent en même temps, cela s'appelle le tremblement universel.

Le tremblement universel généralisé fait allusion au tremblement touchant l'ensemble des trois milliers de grands systèmes mondiaux : Quand tous les six tremblements de terre, sons et mouvements, remplissent l'ampleur de tout l'espace et le monde du Dharma ça s'appelle le tremblement universel généralisé.

Par ailleurs, ces six phénomènes de tremblements représentent aussi les quatre bases: Celle des dix demeures, des dix actions, des dix attachements et des dix causes auxquelles s'ajoutent l'Eveil Egal et le Merveilleux Eveil, ce qui fait un total de six.

Que représentent ces tremblements de terre. Ils représentent la destruction de notre ignorance, parce qu'en traversant, ces six bases, vous franchissez par six fois l'ignorance. Chaque fois que vous franchissez une base, elle diminue. C'est pourquoi, elles sont appelées les six types de tremblements de terre. Tous ceux qui pratiquent le Ch'an subissent ces six types de tremblements de terre. Ceux qui ne pratiquent pas le Ch'an peuvent aussi en faire l'expérience. Ils représentent aussi les six organes des sens : œil, oreille, nez, langue, corps et esprit. Ce sont les six types de tremblements de terre.

Parlons à présent du mot soulèvement. Le mouvement commence à l'est. Quand il y a un soulèvement à l'est, il y a un enfoncement à l'ouest. Quand l'est se soulève, l'ouest s'enfonce. L'est s'associe au bois et le bois à la couleur verte. Dans le corps humain, la couleur verte est associée au foie. Ainsi, le foie s'associe au bois et aussi aux yeux. Alors tout ceci avise l'organe de la vision.

Le sud s'associe à la couleur rouge. Le sud et la couleur rouge s'associent au cœur et au feu. Le feu est rouge de même que le cœur humain. Le cœur s'associe à la langue, la langue aussi est rouge.

L'ouest s'associe à la couleur blanche et à l'élément métal. Dans le corps humain, le métal s'associe aux poumons. Les poumons sont blancs. Parmi les six organes des sens, le nez s'associe aux poumons.

Lorsque le mérite de la vision domine, les afflictions de l'odorat disparaissent. Lorsque les afflictions de la vision disparaissent, le mérite de l'odorat domine. Chacun des six organes a ses propres mérites. Les mérites de l'œil, de l'oreille, du nez, et de la langue seront discutés séparément plus tard dans le Sutra. Ils ont été aussi discutés dans le Sutra Shurangama. Quand le mérite domine, les afflictions disparaissent. Quand les afflictions naissent, le mérite diminue. Ils réagissent ainsi réciproquement.

Le nord s'associe à la couleur noire et à l'élément eau. La couleur noire s'associe aux reins. Les reins s'associent à l'organe de l'ouïe. Etant donnée la relation entre l'oreille et la langue, lorsque le mérite de l'oreille s'élève, les afflictions de la langue disparaissent. Lorsque le mérite de la langue s'élève, les afflictions de l'oreille s'effacent. Ils se relient entre eux en mérites et afflictions.

Les quatre directions sont représentées par le corps et le centre de l'esprit. Le corps est complet avec les cinq organes des sens et l'esprit les conceptualise. Les dix demeures, les dix attachements, les dix actions, les dix causes, l'Eveil Egal et le Merveilleux Eveil sont représentés par les six types de tremblements de terre. L'œil, l'oreille, le nez, la langue, le corps et l'esprit sont représentés aussi par les six types de tremblements de terre. Les tremblements internes sont les six organes, les tremblements externes sont les bases fondamentales de la pratique du Bodhisattva. Trois des six se réfèrent au mouvement et trois se réfèrent au son. On peut encore en discuter longuement, mais aujourd'hui nous allons nous arrêter ici.

(à suivre)

# le Sutra shurangama

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

**L**e Bouddha toucha la couronne d'Ananda et lui dit ainsi qu'à la grande assemblée : IL EXISTE UN SAMADHI INTITULÉ LE ROI, LE MEILLEUR SHURANGAMA, A LA TÊTE DE TOUS LES GRANDS BOUDDHAS ACCOMPLISSANT D'INNOMBRABLES PRATIQUES. C'EST UNE VOIE MERVEILLEUSEMENT ORNÉE ET LA SEULE PORTE PAR LAQUELLE LES TATHAGATHAS DES DIX DIRECTIONS ONT OBTENU LA TRANSCENDANCE. Non seulement Ananda mais toute la grande assemblée y compris, les grands Bhikshus, les grands Bodhisattvas, le roi, les anciens et les fidèles furent instruits par le roi de tous les Sutras ultimement merveilleux, groupant en lui toutes les innombrables méthodes de pratiques. Tous les Bouddhas des dix directions ont atteint l'état de Bouddha en suivant cette merveilleuse et splendide voie à travers cette seule porte.

Ecoutez-moi attentivement. Soyez vigilant. Dit le Bouddha à Ananda. Ne soyez pas indifférent quand vous m'écoutez enseigner les Sutras. Prenez toute votre énergie essentielle et versez-la dans vos oreilles. Ne vous attachez pas à vos fausses pensées illusoire. Ne laissez pas vos pensées vagabonder ailleurs pendant que vous écoutez l'enseignement du Bouddha.

HUMBLEMENT ANANDA S'AGENOUILLAIT DEVANT BOUDDHA POUR RECEVOIR SON INSTRUCTION COMPATISSANTE. Ayant entendu les paroles du Bouddha, Ananda se leva, s'approcha et ensuite se prosterna et attendit humblement son enseignement pur. Il restait agenouillé prêt à écouter ce que le Bouddha allait prononcer au sujet du Shurangama, roi des Samadhis.

Bouddha expliqua la voie du samatha permettant à Ananda de s'éveiller à la cause secrète et d'avoir

un grand épanouissement d'une compréhension complète.

Le Bouddha détruit sa réflexion fausse en lui enseignant l'entrepôt vide du Tathagatha.

Le Tathagatha écrase le faux et révèle le réel. Il détruit la fausse pensée à laquelle Ananda s'attachait en lui ouvrant la voie pour le samatha. Il confirme qu'Ananda a fait de gros efforts pour atteindre cette pensée.

Sutra :

**Le bouddha dit a Ananda : "vous et moi sommes de la même famille et partageons l'affection d'une relation naturelle. Au moment où vous vous décidez de vous convertir, dites-moi, quelles étaient les caractéristiques importantes que vous voyiez dans mon enseignement qui vous poussaient à vous détachez tout à coup de la bonté et l'amour profonds du monde extérieur ?**

Commentaire : Ananda attendait humblement pour recevoir l'instruction compatissante du Bouddha. Mais le Bouddha l'interrogeait d'abord sur les raisons qui l'avaient poussé à renoncer à la vie de famille.

Le Bouddha dit à Ananda : "Vous et moi sommes de la même famille et partageons l'affection d'une relation naturelle." Le Bouddha disait : Vous et moi sommes comme des frères. On parle de l'affection d'une relation naturelle parce que dans le monde les relations naturelles ont priorité sur toute autre chose. De telles

relations forment un cycle naturel. Après avoir été fils ou fille, vous devenez père ou mère et ensuite grand-père ou grand-mère. Et si vous êtes pieux envers votre père et votre mère, vos enfants seront pieux envers vous : Dans le cas contraire, ils ne le seront pas. C'est pourquoi, on dit :

Parmi toutes les bonnes pratiques,  
La piété filiale est la première.  
Parmi d'innombrables maux,  
Le manque de piété filiale est le pire.

En Chine, le sentiment de piété filiale est considéré comme la racine de la bonté, la forme la plus fondamentale. Il y a vingt quatre modèles exemplaires de piété filiale dans l'histoire chinoise. Parmi eux, les plus célèbres étaient T'an Hsiang, Meng Chung et Wang Hsiang.

Les parents de T'an Hsiang étaient malades et désiraient manger du melon sucré, un genre de melon qui poussait dans le nord de la Chine. Cependant c'était l'hiver, la neige couvrait toute la terre, comment pouvait-on planter des melons ? Malgré le froid glacial T'an Hsiang semait une graine de melon dans la terre gelée, il se couchait dessus pour faire chauffer la terre, poussé par cette pitié filiale, il pleurait. "Que puis-je faire pour que le melon pousse rapidement pour satisfaire le désir de mes parents ?" Se lamentait-il. Il pleurait et pleurait à tel point qu'un miracle se produisit. N'est ce pas une réponse venant de la part d'un Bodhisattva ou d'un Bouddha ou d'un démon ou d'un esprit, mais juste après, une plante poussa, fleurit et porta un melon, T'an Hsiang le cueillit récolte et le ramener à la maison pour ses parents : une réponse miraculeuse à un amour filial sincère. Ainsi on dit : T'an Hsiang pleurait pour avoir les melons.

Une autre histoire de piété filiale : Les parents de Meng Chung désiraient manger des pousses de bambou. Incapable d'en trouver. Il pleurait à tel point qu'un miracle se produisit : à l'endroit où ses larmes tombaient, sortit une pousse de bambou. De tels étranges événements sont incompréhensibles. N'essayez pas de vous servir de votre esprit discursif pour les déchiffrer. Les larmes de Meng Chung faisaient pousser le bambou.

En voici une autre : Vers la fin de l'hiver, les parents de Wang Hsiang tombaient malades et voulaient manger des carpes. Wang Hsiang n'avait

pas d'argent pour acheter des poissons et les eaux étaient gelées, il ne pouvait pas en pêcher. Alors il enleva ses vêtements et s'allongea sur la glace. Dans le nord de la Chine, la glace était très épaisse en hiver, mais sa peau chaude faisait fondre la glace. Il voulait pêcher une carpe à travers le trou. Mais tout à coup une carpe sortit du trou lui-même. Wang Hsiang rentra chez lui précipitamment avec la carpe et raconta à ses parents ce qui s'est passé. "Cette carpe est probablement le fils ou le petit-fils du roi des nagas qui nous l'a envoyée, nous ne la mangerons pas ». Décidèrent leurs parents. La carpe fut alors remise dans l'eau, leur maladie fut néanmoins guérie. C'était l'histoire de Wang Hsiang qui se couchait sur la glace pour attraper la carpe.

La véritable piété filiale peut faire trembler le ciel. Les fils et les filles devraient prêter attention particulièrement à la pratique de la piété filiale. Le grand empereur Shun de la Chine était d'une telle piété filiale que les éléphants furent envoyés pour l'aider à labourer et les oiseaux à désherber.

AU MOMENT DE VOTRE DÉCISION INITIALE, QUELS ÉTAIENT LES CARACTÉRISTIQUES IMPORTANTES QUE VOUS VOYIEZ DANS MON DHARMA, ET QUI VOUS POUSSAIENT À VOUS DETACHER TOUT A COUP DE LA BONTE ET DE L'AMOUR PROFONDS DU MONDE EXTÉRIEUR. Le Bouddha demanda à Ananda ce qui le poussa à se décider de renoncer à l'amour mondain pour se faire moine. Quelles étaient les bons raisons qui l'ont mené à cette décision ?

Dans ce monde, l'amour parentale est immense et l'amour conjugal particulièrement intense. Si les gens pouvaient transformer l'amour conjugal en amour pour l'étude et la pratique du Bouddhadharma, ils pourraient tous réaliser l'état de Bouddha. Malheureusement ce n'était pas le cas. Si vous y arriviez, ce serait inconcevablement merveilleux. Qu'est-ce qui a poussé Ananda à renoncer à l'amour profond de ses parents et à l'amour intense de sa femme. Qu'est-ce qui l'a poussé à dédaigner totalement toute chose renonçant à la vie de famille pour suivre le Bouddha. (à suivre)

# le mantra shurangama

Explication par Vénérable Maître Hsuan Hua

Traduction en français : Bhikshuni Dam Nhu

La suite

**C**roissant, mûrissant, déclinant et allant à la vacuité, notre karma est immense et sans borne. Des kalpas croissent et déclinent. Jusqu'à maintenant, nous sommes dans la période de déclin d'un kalpa. Pendant la période de croissance, tous les cents ans, la durée de vie moyenne des gens augmente d'une année et leur taille moyenne augmente d'un pouce. Pendant la période de déclin, l'inverse se produit, tous les cent ans, la taille moyenne d'une personne diminue d'un pouce et la durée de vie moyenne diminue d'une année. Le déclin d'un kalpa est le temps où la durée de vie moyenne descend du maximum 84.000 années au minimum 10 années. Après une période de déclin, suit une période de croissance pendant laquelle la durée de vie moyenne augmente de nouveau de 10 années en moyenne à 84.000 années en moyenne. Un cycle complet de croissance et de décroissance est appelé un petit kalpa. Vingt petits kalpas sont appelés un moyen kalpa. Quatre moyens kalpas sont appelés un grand kalpa. Nous existons en ce monde pendant quelques décennies et par rapport à ces kalpas, c'est juste comme un clin d'œil. La durée de vie n'est pas si longue alors vous n'avez pas besoin de la prendre au sérieux.

Ainsi les quatre stades croissant, mûrissant, déclinant et allant à la vacuité mentionnés dans le verset se divisent en vingt petits kalpas chacun, formant un grand kalpa. Pendant cette période, il est impossible de décrire combien de karma peut créer chaque personne. Chaque personne a son propre karma qui dépend de ses propres pensées. N'essayez pas de décortiquer ce domaine car il est inépuisable, infini, immense et sans borne comme un océan. Le karma créé par les êtres vivants n'a pas de limite.

Mantra :

34. NA MWO PE CHYE PE DI

Poème :

Prenez refuge en le Seul Honoré du Monde, le

Bhagavan,

Et en l'inépuisable Joyau du Dharma  
merveilleusement profond et paisible,

Et en les aryas des dix directions qui se rassemblent

Pour se prosterner aux pieds du Dieu parmi les dieux.

Commentaire : Ceci sera une des six significations du terme Bhagavan.

**1. A son aise.** Cela veut dire : Dépouvé de toute fausse pensée. Car toute fausse pensée vous enlève toute tranquillité dans l'âme, toute maîtrise de soi. Vous vous esquiviez, vous vous cachez derrière vos fausses pensées. Quelque soit le genre de vue fausse qui germe en votre esprit, elle vous prendra dans son piège. Par exemple, si vous commencez à penser à la nourriture, du pain et du beurre par exemple, alors votre pensée court après le pain et le beurre. Si vous commencez à penser à l'habillement, des vêtements aux couleurs vives, par exemple, alors vous courez après les vêtements dans votre fausse vue. Plongé dans cette trompeuse, vous n'êtes pas à l'aise. Si vous commencez à penser à dormir, vous n'existez plus dans le moment présent. Dès qu'une pensée s'élève, alors vous n'êtes plus dans le moment présent. Dès qu'une pensée surgit, vous n'êtes plus libre ni clairvoyant. Seulement quand votre réflexion s'arrête, alors vous existez dans le moment présent.

Alors on dit :

"Quand une pensée remue, mille choses apparaissent.

Quand la réflexion s'arrête, tout disparaît".

On est avide de bonne nourriture, avide de vivre dans un bon endroit, avide de dormir dans un bon lit. Si vous n'obtenez pas dont vous avez envie, vous êtes contrarié. La contrariété c'est la source des souffrances. J'ignore si vous en avez l'expérience. Par exemple, n'ayant pas pu obtenir ce dont vous avez envie malgré tous les efforts que vous avez apportés, vous vous sentez contrarié tellement affligé que votre langue a un goût amer comme si vous aviez

mangé du charbon. Comme si votre bouche était en feu. A ce moment, vous vous sentiriez comme paralysé. Seulement si vous parveniez à obtenir ce que vous recherchez, alors vous seriez tranquille, du moins momentanément tout cela va recommencer, car la cupidité n'a pas de limites et vous continuez à vous faire des soucis, à vous inquiéter indéfiniment. N'étant pas tranquille, votre esprit n'est pas lucide donc jamais de bien-être. Bouddha est totalement libéré de ces fausses vues, plus de moindre petite pensée perturbatrice.

## **2. Eblouissant.**

La lumière de la sagesse émise par le Bouddha est éblouissante comme un éclat de feu. Cette lumière peut percer à travers toute obscurité. Si vous êtes doté de cette lumière, elle perceva l'obscurité de votre ignorance et toutes vos afflictions. Devant n'importe quelle circonstance, si vous n'en saisissez pas l'explication, vous êtes dans l'obscurité, mais si vous la compreniez bien, vous n'en seriez pas troublé, c'est ce qu'on appelle : Être clairvoyant éblouissant.

## **3. Juste et beau.**

Ceci signifie être correct et droit. Quand vous vous asseyez par exemple, vous devez être parfaitement droit et naturel. Vous ne penchez pas en l'avant ni penchez en arrière ni tournez à gauche ni à droite. Aucune de ces positions n'est juste ni belle. La qualité impliquée ici est à la fois stricte et pourtant belle. Ne soyez pas mou, fortuit ou tant soit peu relâché. A asseyez-vous bien droit, ne penchez pas en avant, ni en arrière, ne vous enroulez pas en boule et ne vous endormez pas. N'essayez pas de raisonner en votre faveur, ou de vous excuser pour votre manque de tenue en vous disant : « Pourquoi ne devrais-je pas dormir, je n'ai pas assez dormi. Je me suis levé de bonne heure et j'ai dû travailler toute la journée. ça ne fait rien si je m'endors en écoutant le Sutra. De toute façon, le Maître du Dharma ne s'en apercevra pas ». Vous vous persuadez que vous avez raison et vous vous laissez aller. Vous vous dupez vous-même. Vous dupez également le Maître du Dharma, votre maître. Ne sachant pas que vous êtes en train de vous perdre.

## **4. Renommée.**

Ne vous occupez pas de rechercher des récupérations, ni ne flattez pas exprès les gens pour qu'ils vous fassent des éloges. Par exemple, une personne a avoué l'autre jour qu'elle avait porté du bois à un étudiant espérant que cet étudiant penserait du bien d'elle et dirait : « Oh, qu'est-ce qu'elle est gentille ! Et comme elle est bonne » ! Nourrie d'une telle

motivation dans l'esprit, sa bonne action semblerait s'acheter et aurait perdu toute sa valeur. Autrement dit, l'accomplissement de bonnes actions, doit rester icognito n'y pensez pas vous-même, faites ce que vous devriez faire, peu importe qu'on le sache ou non. Si vous savez que ce que vous faites est juste et bénéfique aux autres, investissez-vous, peu importe les opinions des autres. Même si cela vous apporte quelque réputation, cette célébrité vous est arrivé naturellement sans que vous l'aviez cherchée, ni prévue. Alors vos actions passées, présentes et futures ont de vraies valeurs. Le Bouddha, par exemple, ne s'est pas assis dans la montagne de glace juste pour entendre les éloges, les félicitations : « Oh, regardez ce vieux pratiquant assis dans la montagne glaciale. Il pratique la voie si vigoureusement ! Quel courage ! Il ne s'attendait pas à de tels compliments de la part des gens. De même en vous sacrifiant pour aider les autres sans pour autant, attendre un remerciement ou une reconnaissance, c'est là la vraie renommée. Si vous aviez calculé, recherché, manigancé pour l'obtenir cette renommée aurait perdu toute sa valeur. Ce serait que par pure hypocrisie. De même si vous agissez comme le vieux pratiquant mais dans le but d'obtenir de la part des gens des offrandes de vêtements, de nourritures, de boissons, de couvertures ou de médicaments, vos actions ne seraient pas authentiques non plus. Si vous aviez recours à des motifs fallacieux ou à une publicité mensongère, alors votre marchandise serait seulement une contrefaçon. Si elle était véritable, vous n'auriez pas besoin de tous ces artifices. Vous avanceriez véritablement et réellement sur votre bonne voie. Avec une telle motivation, vous n'auriez pas la moindre. Si vous l'aviez recherchée et que les gens vous fassent des éloges, à quoi cela vous servirait-elle ? Car quand vous mourrez vous vous présenterez devant le Roi Yama (Royaume), celui-ci vous dira : Pour moi cela ne ressemble à rien, vous n'avez pas aucun mérite ». Comme on dit : La renommée n'est qu'une simple et pure illusion. Si vous agissiez correctement du fond du cœur, sans chercher la renommée, celle-ci viendra naturellement. Vous ne pouvez pas dire non plus : Oh, je ne la chercherai pas et alors je l'aurai ! Ce serait aussi une forme de recherche. N'y pensez pas, le résultat que vous obtiendrez sera authentique. (à suivre)



# Le Sutra du Vajra Prajna Paramita

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

**L**es bénédictions et les vertus d'une personne qui retient et qui communique aux autres ne serait ce que quatre lignes du Sutra sont plus grandes que celles d'une personne qui offre son corps et sa vie, autant de fois qu'il y a de grains de sables dans la Gange.

Si après avoir entendu le Sutra Vajra vous en ferez des conférences, vous obtiendrez davantage de bénédictions et de vertus. Le mérite et la vertu cette donation du Bouddhadharma sont beaucoup plus grands que ceux de la donation des biens matériels.

### **14. L'extinction silencieuse séparée des réalités**

Après avoir entendu Bouddha parler du Sutra, et ayant parfaitement compris sa signification, Subhuti se sentait profondément ému, pleurait des larmes de joie en disant : « Comme c'est merveilleux jusqu'à présent je n'ai jamais entendu de tel Sutra, si quelqu'un écoutait le Sutra d'un cœur plein de foi et de sincérité il aurait toujours ces sentiments autrement dit il aurait réalisé de rares mérites et vertus.

Le Bouddha avait dit, "Si quelqu'un offrait autant de sept sortes de pierres précieuses que rempliraient trois milliers de milliers de grands systèmes mondiaux, et autant de corps et de vies qu'il y a de grains de sable dans la Gange, ses bénédictions et vertus n'égaliseraient pas celles d'une personne qui reçoit, maintient et explique

aux autres ne serait-ce que quatre lignes du Sutra Purana.

Pourquoi Bouddha disait-il ainsi ? Car en offrant son corps et sa vie, on pourrait sauver tout au plus un corps et une vie, mais ne pourrait pas de ce fait l'aider à retrouver sa nature originelle qui le sauverait une affinité de vies. Le fait de parler du Dharma à une personne pourrait l'aider à tourner le dos à la poussière à s'éveiller et à réaliser la Bouddhité. Son corps du Dharma sera sauvé pour toujours donc le mérite et la vertu sont incomparables.



Les petits enfants chantent offrandes à la Fête de Vesak

“Subhuti, après avoir entendu le Sutra parlé par le Bouddha et ayant compris la signification de la doctrine de la non-réalité exprimée dans le Sutra du Vajra, se sentait profondément ému. Il pleurait des larmes de joie. D'habitude on pleure

quand on se sent triste ou inquiet, malheureux mais Shubuti en entendant parlé le Sutra, et profondément comprenant sa signification...” Subhuti, pleurait car il était débordé de joie ». Le bonheur extrême fait couler des larmes de joie. Le Bouddha exprimait les profondeurs du Purana si parfaitement que Subhuti fut rempli de joie pour avoir pénétré la merveilleuse porte du Dharma du Purana. Subhuti s'est aperçu que sa satisfaction précédente procurée par le petit véhicule avait été malencontreuse. Son réveil peut ainsi être exprimé dans le verset suivant:

“Je ne fais pas de reproches pour mon passé;

Je sais que dans le futur, je pourrai corriger mes erreurs.

Conscient que je ne suis pas trop sombré dans le chemin embrouillé.

J'ai maintenant compris les raisons d'aujourd'hui et les torts d'hier."

Le Petit Véhicule était la voie embrouillée de aujourd'hui, et son réveil indique que son attachement antérieur au Petit Véhicule n'avait pas été très grand, "Il ne s'est pas trop engagé dans la voie embrouillée". "Compris les raisons d'aujourd'hui et les torts d'hier" signifie qu'aujourd'hui il se rend compte qu'il est temps qu'il recherche le Dharma du Grand véhicule, et que son penchant pour le fruit d'auditeur du Petit Véhicule avait été une erreur. Ému devant de telles réalisations il pleurait de joie et s'exclamait : « Comme c'est rare ! »

Dans le premier chapitre du texte, Subhuti dit aussi "Comme c'est rare!" en guise d'éloge pour la véritable réalité du Purana exprimée par Bouddha Sakyamuni à tout moment, à travers ses faits et gestes que ce soit dans la marche, la position debout, assise, ou couchée. Cette deuxième exclamation « comme c'est rare ! » Concerne le Sutra lui-même. Subhuti veut dire : « il n'y a jamais eu de pareil Sutra auparavant, seul Honoré du monde puisse le réaliser. C'est très rare. Celui dont parlait le Bouddha Sakyamuni, notre maître était si profond qu'il était difficile à comprendre pour ceux du petit Véhicule. »

"A l'époque où j'ai obtenu l'œil de la sagesse..." Le disciple Subhuti suivait le Bouddha Sakyamuni afin d'étudier l'enseignement du Bouddha et il obtenait l'œil de la Sagesse. L'œil de la Sagesse peut se reporter à l'un des cinq yeux, et peut aussi signifier : Utiliser sagesse comme ses yeux, plutôt que suivre aveuglement la foule. Si l'aveugle est guidé de l'œil de la sagesse on peut distinguer le vrai du faux, le noir du blanc, le dharma de ce qui ne l'est pas.

Subhuti dit : « Toute la sagesse que j'ai obtenue depuis que j'ai commencé à pratiquer la voie n'est pas aussi performante que celle dont nous parle aujourd'hui Bouddha Sakyamuni. »

Subhuti ajouta, « je crois sincèrement et fermement à ce que j'entends de la part du seul Honoré du Monde. Exist-t-il une fois parfaitement pure ? Pure veut dire parfaite dépourvue de doute. Les pensées diverses vont et viennent, seule la foi pure et sincère demeure, et nous aide à découvrir la vraie réalité du Purana, à réaliser la sagesse des non réalités. Cette réalisation est définitive, son mérite et sa vertu sont incomparables. Pourquoi doués d'une telle foi, délaissant totalement tous les doutes, nous parvenons à obtenir le principe et la substance de la véritable réalité, il est donc rare qu'on y parvienne.

"Seul Honoré du Monde, la vraie réalité est la non réalité, affirme cependant le Tatagatha."

"Seul Honoré du Monde, maintenant lorsque j'écoute ce Sutra, j'y crois, le comprends, le reçois et le retiens sans

problème. Dans les cinq cents années qui viennent, rares sont ceux qui écouteront ce Sutra, y croiront, le comprendront, le recevront, et le maintiendront, ils seront alors les plus avancés dans la voie. Et pourquoi ? Ils n'auront aucune réalité du soi, aucune réalité des autres, aucune réalité des êtres vivants et aucune réalité d'une vie. Pour eux la réalité du soi est la non réalité. La réalité des autres, la réalité des êtres vivants et la réalité d'une vie sont des non réalités. Et pourquoi ? Ceux renoncent à toutes les réalités sont appelés des Bouddhas?"

Subhuti dit que celui qui nourrit une seule pensée de la pure foi produit la véritable réalité. La véritable réalité est la non réalité, cependant, il n'y a rien qui ne soit réel. Il n'est ni pourvu, ni dépourvu de réalités. (à suivre)



# le Bouddha parle du Sutra d'Amitabha

UNE EXPLICATION GÉNÉRALE PAR

LE VÉNÉRABLE MAÎTRE DU TRIPITAKA HSUAN HUA

Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

## La suite

**E**n Chine, quand Keng Wen fondait la nation, il aidait quatre catégories de gens : les veufs, les veuves, les orphelins et les solitaires. Sudatta de même portait son aide à ces gens, c'est pourquoi il est connu sous le nom du Bienfaiteur des Orphelins et des Solitaires, c'est à dire Anathapindaka.

ENSEMBLE AVEC UN RASSEMBLEMENT DES GRANDS BHIKSUS, MILLE DEUX CENT CINQUANTE EN TOUT... Cette expression répond à la nécessité du public. ENSEMBLE veut dire qu'ils étudiaient avec le même maître, vivaient sous le même toit, pratiquaient ensemble la doctrine du Bouddha. Ils avaient tous le même esprit du Bodhi et la même sagesse, obtenaient le même résultat et réalisaient ensemble la Bouddhité. Comme ils avaient beaucoup en commun, le texte dit, ENSEMBLE.

Le texte du Sutra listait en tête les « Auditeurs de Son » parce que ceux-ci étaient des sages qui avaient transcendé le monde. Ensuite, suivaient les Bodhisattvas parce qu'ils groupaient des Bhiksus et parfois de simples adeptes. Ils pratiquaient la voie du milieu c'est pourquoi ils sont listés en milieu. Les dieux, les dragons, et de la division octuple étaient listés en dernier parce que ceux-ci vivaient dans le monde et représentaient les mortels. Les Bodhisattvas étaient parfois présents dans ces rassemblements du Dharma parfois ils voyageaient vers d'autres mondes. Les Bhiksus, par contre, étaient des compagnons constants du Bouddha. Ils pouvaient écouter plus souvent les Sutras et le Dharma c'est pourquoi ils étaient en tête de liste aussi.

GRAND a trois significations :

1. Grand
2. Beaucoup
3. Victorieux.

Les Bhiksus sont respectés par les rois et les

grands hommes c'est pourquoi ils sont « grands ». Ils ont détruit toutes les afflictions et tous les maux. Ils sont des « victorieux » car ils surpassent sur toutes les religions étrangères.

Le terme BHIKSUS a aussi trois significations :

1. Digne d'offrandes
2. Effrayeur du Mara
3. Destructeur du mal.

Quand un Bhiksu monte sur la plate-forme du précepte pour recevoir les ordres, sa requête doit être répétée à trois reprises pour être accordée. Un fantôme Yaksa vivait sur place avertit un Yaksa qui voyage dans l'espace, celui-ci se lance dans l'espace pour avertir les démons célestes, ceux-ci sont terrifiés et disent au Mara, le roi du sixième ciel du désir. « La suite du Bouddha a augmenté d'un donc la nôtre en a diminué un ! » Apprenant la nouvelle, ce dernier pâlit et tremble. C'est la raison pour laquelle on dit un Bhiksu est un effrayeur du Mara.

Il détruit aussi tous les maux causés par quatre vingt quatre mille afflictions, parce qu'il a donné son esprit au Bouddha.

## LES SIX HARMONIES DU SANGHA

Ces Bhiksus se réunissent et forme un sangha : SANGHA est un mot sanscrit qui signifie " rassemblement unifié harmonieusement". Ils vivent ensemble sans querelles, ni disputes, unifiés en bon terme du phénomène et noumène. Dans le domaine du noumène, ils ont fait preuve de libération et d'inconditionné. Dans celui du phénomène, ils sont unifiés selon les six harmonies du groupe suivantes :

1. La cohabitation harmonieuse : Ils vivent ensemble, étudient ensemble, ne regardent pas





les fautes des autres, ne rivalisent pas avec leurs amis Bouddhistes. Etant membre du Sangha, tout le monde doit se soumettre aux règlements du Sangha.

2. Harmonie dans la parole : Ils ne se disputent pas, ne révèlent pas les fautes des autres, se gardent toujours de se lancer dans des discussions et des bavardages inutiles.

3. Harmonie dans les pensées : Leurs pensées doivent s'harmoniser mutuellement, se soutiennent, se partagent ensemble bonheur ainsi que le malheur, se supportent s'encouragent les uns les autres sur le chemin de la voie. Résultat, tout le monde progresse vigoureusement, ne laissant la place à la moindre paresse, le moindre bavardage inutile.

4. Harmonie dans les conceptions : Une parfaite harmonie des conceptions vous permet de progresser.

5. Harmonie dans l'observation des préceptes : Les préceptes doivent être respectés également sans discrimination.

6. Harmonie dans les intérêts : Toutes les offrandes doivent être partagées équitablement, pas d'injustice, pas de protestations. Tout le monde vit dans la paix, la sérénité. Ce sont les compagnons constants du Bouddha. Lorsque le Bouddha allait faire des conférences sur les Sutras, quelque part ces Arhats l'ont toujours suivi, même s'ils les avaient déjà entendus.

Il y avait réellement mille deux cent cinquante cinq disciples, mais par commodité, le nombre était arrondi à mille deux cent cinquante. D'où venaient-ils? Au parc des gazelles, le Bouddha a d'abord enseigné les cinq Bhiksus. Ensuite Yasas, le fils d'un riche commerçant et ses quarante neuf disciples ont pris le refuge auprès du Bouddha. Venaient ensuite le vénérable Sariputra et le vénérable Mahamaudgalyayana, chacun avait cent disciples ils prenaient tous refuge auprès du Bouddha. Cela fait deux cent cinquante cinq, ensuite arrivaient les frères Kasyapa avec leurs mille disciples, faisant mille deux cent cinquante cinq et arrondi à mille deux cent cinquante.

### LES FRERES KASYAPA

Les trois frères Kasyapa avaient mille disciples. Cinq cent étaient avec Kasyapa Uruvilva. Uruvilva veut dire "la grotte de papayes", c'est à dire qu'il pratiquait dans une grotte de papaye. Certains historiens

prétendaient qu'il avait une bosse sur sa poitrine qui ressemblait à une papaye, d'autres le décrivaient concave et d'autres convexe ! Ce qui est probable c'est qu'il aimait manger des papayes, qu'il pratiquait dans une grotte de papayes au fil du temps une papaye a poussé sur sa poitrine. Les papayes sont bonnes pour guérir les maladies des poumons.

Kasyapa Uruvilva avait deux frères, Gaya, qui signifie "la ville" ou "la montagne à la tête d'éléphant" et Nadi, qui veut dire "la rivière". Les deux frères avaient cinq cents disciples et ainsi les trois frères avaient un total de mille disciples.

Le Bouddha avait d'abord enseigné et sauvé les cinq Bhiksus dans le Parc des Gazelles. Ensuite, voyant que le potentiel des trois frères avait mûri l'heure de la conversion des trois frères était venue, Bouddha se rendit chez eux, leur demanda passer la nuit car il se faisait tard et il ne pouvait pas continuer son voyage, ce n'était qu'un prétexte pour s'approcher d'eux.

Des qu'il aperçut le Bouddha, Kasyapa un puissant adorateur du feu, fut subjuguée, il pensa : "Pourquoi est-il si spécial ?" Malgré tous ses pouvoirs, il ne pouvait se mesurer au Bouddha. "Etrange", pensa-t-il, "Je peux voir le passé de n'importe qui juste en le regardant. Pourquoi je n'arrive pas à voir le sien ?" Finalement il dit au Bouddha, "Très bien, vous pouvez rester ici", et il le mit dans la cave où vivait un dragon protecteur de Kasyapa Uruvilva. Le dragon était extrêmement féroce, il crachait du feu et brûlait à mort n'importe qui s'approchait de lui. En pleine nuit, il essaya de brûler le Bouddha mais le Bouddha était entré dans le Samadhi et le feu ne pouvait pas le brûler. Non seulement il était sain et sauf mais il arriva à transformer le dragon à la petite taille et le mit dans son bol et lui lança un défi : "Vous pouvez faire du feu, mais je parie que vous ne pouvez pas sauter hors de mon bol", comme le Sixième Patriarche dirait plus tard à un autre dragon : "Vous pouvez seulement vous transformer en gros mais pas en petit". Le Bouddha utilisait un dharma très surnaturel pour capturer le dragon dans son bol. Ensuite il lui expliqua le dharma et après l'avoir entendu le dragon prit le refuge. (à suivre)

# Le Sutra en Quarante Deux

## Chapitres Parle par le Bouddha

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

### La suite

"Arhat" est un mot Sanscrit possédant trois significations. A cause de ces multiples significations, on ne peut pas le traduire.

Les Arhats sont d'abord "les tueurs de cambrioleurs." Les Arhats sont vraiment impitoyables ! Partout où il y a des voleurs, ils les tuent.

"Eh bien" vous vous demandez, "Ne sont-ils pas entrain de violer les préceptes? L'interdiction de tuer n'est-il pas le premier des préceptes?"

Il ne s'agit pas des voleurs de biens matériels existant réellement dans le monde humain, mais ce sont des afflictions à l'intérieur de nous.

Pourquoi existe-t-il des voleurs extérieurs dans le monde humain? Parce qu'il existe des voleurs à l'intérieur de nous. La cupidité, la colère et la stupidité sont des voleurs intérieurs.

Ce sont ces voleurs que les Arhats voulaient tuer, détruire.

Ensuite, les Arhats sont "dignes d'offrandes". Ils

reçoivent des offrandes de la part des Dieux et des gens. Si vous faites offrandes à un Arhat, un Arhat vraiment certifié, un sage illuminé, vous obtiendrez des bénédictions illimitées et incalculables.

Etre un Bhikshu est la cause, devenir un Arhat en est le résultat. Celui qui devient un Arhat doit avoir été un Bhikshu. Ainsi, sur le plan de la causalité, les Bhikshus "détruisent le mal" et à la réalisation d'Arhats, ils "tuent les voleurs." Sur le plan de la causalité, on les appelle "mendiants" et à la réalisation d'Arhats, ils sont "digne d'offrandes". Sur le plan de la causalité, ils font "peur au démon

de la mort" et à la réalisation d'Arhats, ils ne renaissent pas."

"Que signifie être "Sans renaissance"? Vous vous demandez. Cela veut dire qu'ils n'endurent plus les souffrances de la mort et de la renaissance. Ils ont mis fin à la mort du corps physique.

Contrairement aux Bodhisattvas, les Arhats n'ont pas encore complètement mis fin à la naissance et la mort de leur pensées.

En pratiquant les 250 préceptes, en y bien pénétrant, vous pourrez réaliser votre concentration. Si vous appliquez la voie des Quatre Nobles Vérités, vous réaliserez votre sagesse. Ainsi les préceptes, la concentration et la sagesse pratiqués à la perfection détruiront la cupidité, la haine et la stupidité. Vous atteindrez alors la réalisation de l'Arhatship.

Il faut traverser trois étapes avant d'atteindre l'Arhatship: Il y a les Arhats de la première réalisation, les Arhats de la deuxième réalisation, ensuite ceux de la troisième réalisation, puis ceux

de la quatrième réalisation.

Celui qui atteint la quatrième réalisation de l'Arhatship a définitivement mis fin à la naissance et la mort.

"Les Arhats peuvent voler et se transformer. Ils ont une vie éternelle, ils sont capables de faire trembler le ciel et la terre.

Un Arhat de la quatrième réalisation atteint la position de la certification la voie, celui de la troisième et deuxième réalisation atteint la position de la pratique et celui de la première réalisation atteint la position de la parfaite connaissance de la voie.

Donc, les Arhats des trois premières réalisations sont en position d'études, tandis que ceux de la quatrième réalisation sont dits en position de non-étude.

Pour un Arhat de la quatrième étape, l'étude n'est plus nécessaire.



Plus tard dans ce Sutra vous trouverez la phrase suivante: "Attention ne faites pas à votre propre pensée ». Vous ne pouvez pas vous fier à votre propre pensée.

Vous pourrez vous y fier seulement lorsque vous aurez certifié la quatrième réalisation d'Arhatship.

Soyez très vigilants ! Pourquoi? Les Sages qui ont certifié la quatrième réalisation d'Arhatship sont libérés de tout désir, tout sentiment. Comment peut-on reconnaître un Arhat de la quatrième réalisation de l'Arhatship? Quand il marche, ses pieds ne touchent pas le sol.

Ses pieds sont de 3/10 pouce (2,54 cm multiplie par 3/10) au-dessus du sol. Car, en marchant de cette façon, il ne risque pas d'écraser les petites créatures vivant au sol. Cela prouve qu'il a certifié la quatrième réalisation, celui de la première réalisation peut en faire autant. Par ailleurs, le texte dit "les Arhats peuvent voler et se transformer."

Un Arhat de la quatrième étape peut être présent partout où il veut. Il peut se métamorphoser, transformer indéfiniment.

Par exemple, quand j'étais à Taiwan, j'ai rendu visite à un vieux pratiquant Kuang Ch'in je l'ai invité à venir en Amérique. Il se tapait la poitrine et disait qu'il pouvait venir quand il le voulait.

En effet, en ce moment, il est là, mais les gens ne s'en rendent pas compte, seuls ceux qui possèdent l'œil céleste, puissent le voir.

Non seulement l'esprit d'un Arhat de la quatrième étape peut être omniprésent, mais son corps physique peut aussi l'être selon sa volonté.

Il n'a pas besoin d'acheter de billet d'avion. Car il peut voyager dans l'espace. Il vit éternellement, aussi longtemps qu'il le souhaitait. Quand son corps vieillit, il le change sans aucun problème. C'est pourquoi, il peut vivre éternellement.

Les gens qui ont certifié la quatrième réalisation de l'Arhatship sont maîtres de leur naissance et leur

mort. Ils sont absolument, totalement libres de vivre ou de mourir, libres de choisir le moment, la manière, de mourir, ils peuvent mourir tout en marchant, en essayant, ou en dormant selon leur volonté.

C'est pourquoi ils sont appelés "Sans naissance": ils ne sont pas nés et ils ne meurent pas.

"Partout où ils vont, ils font trembler le ciel et la terre." Partout où demeure un Arhat, les esprits célestes et terrestres sont sous son influence. Il les enseigne, les transforme et les commande.

C'est pourquoi on dit qu'un Arhat fait bouger le ciel et la terre. Partout où demeure un Arhat, les Dieux, les dragons, et ceux des huit divisions protègent son Dharma, et l'endroit où il se trouve est très calme et paisible. Il n'y a pas d'ouragan, ni de tornade, ni de tremblement de terre, ni d'éruption volcanique, ni de raz-de-marée, ou tout autre catastrophes, parce que les protecteurs du Dharma et les bons esprits sont toujours présents, écartant ainsi toute calamité.

Bien que les choses que propices étaient arrivées de manière inattendue aux Arhats, elles sont des manifestations karmiques qu'ils ont créés dans leurs vies antérieures.

Même s'il leur arrive certaines difficultés démoniaques



Les fidèles prennent le repas végétarien amical

causées par une pratique pas tout à

fait parfaite mais ils les surpasseront et réaliseront le fruit. On dit aussi :

« Celui qui pratique les bénédiction sans cultiver la sagesse est comme un éléphant qui porte une chaîne ».

Celui qui cultive la sagesse sans pratiquer la bénédiction est comme un Arhat qui porte un bol vide. Parfois les Arhats sont privés de nourriture, personne ne leur fait offrandes. Car durant leur pratique, ils se sont concentrés sur la sagesse et ont négligé les bénédictions, résultat aujourd'hui devenus Arhats, ils ne reçoivent aucune offrande de la part des gens. (à suivre)



# le Sutra du sixième fondateur

Explication par le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Bhiksuni Dam Nhu

La suite

## LA PREFACE DU CRITIQUE

Quand le Cinquième Patriarche transmettait le Dharma au Sixième Patriarche, il lui dit : « Ne parlez pas trop tôt de ce Dharma, car celui-ci s'avère difficile ».

Des siècles plus tard, dans le nord de la Chine, Maître Tripitaka Hsüan Hua, connu comme le Fils Filial Pai, pratiquait la piété filiale; Il pratiquait et méditait pendant trois ans à côté de la tombe de sa mère. Sa seule protection des vents du Nord et des pluies était une cabane carrée de cinq pieds faite avec des tiges de sorgo attachées ensemble.

Une fois, durant sa pratique du devoir filial à côté de la tombe de sa mère, il se produisit un miracle. Il voyait le Grand Maître, le Sixième Patriarche venir dans sa cabane. Ce dernier entra par la porte et lui adressa la parole comme s'il s'agissait d'une personne en chair et en os. Il pensait qu'il était réel, oubliant complètement que le Grand Maître était entré dans le Nirvana il y a plus de mille ans. Le sixième Patriarche lui disait:

« Dans le futur, vous irez en Amérique.  
Vous rencontrerez telle et telle personne  
Cinq écoles se multiplieront en dix,  
Pour enseigner et réformer les êtres vivants.  
Dix deviendront cent,  
Cent deviendront mille,  
Et ainsi de suite, à l'infini,  
En abondance, abondance, abondance,  
À l'infini.

Des nombres incalculables comme les grains de sable du Gange. C'était le signe du commencement du Dharma à l'Ouest. »

Ayant prononcé ces paroles, le Maître se leva pour partir, le fils filial se leva aussi pour l'accompagner. Ils marchaient ensemble quelques pas et soudain le Sixième Patriarche disparut. Ce ne fut qu'après son départ que le fil filial Pai réalisa : « Oh le Sixième Patriarche était entré dans

le Nirvana depuis des centaines d'années, et pourtant, je viens juste de le rencontrer" !

Ensuite, passèrent plusieurs dizaines d'années de pratiques difficiles, dures, dans un temple petit et froid dans une ville chinoise, Maître Tripitaka Hsüan Hua ne cessait de transmettre le Dharma du Sceau de l'esprit à tous les Patriarches. Aujourd'hui encore, Il continue à le faire. Ceux qui le reconnaissent l'écoutent, le respectent et pratiquent la voie.

Dans ce commentaire sur le Sutra du Sixième Patriarche, le Maître dit : « ...vous réussirez seulement si vous ne craignez pas la souffrance. Vous devriez surpasser tous les obstacles, endurer toutes les souffrances, plus la pratique est difficile plus vous augmentez votre chance de réussir, car c'est l'ouverture de votre sagesse.

Bhikshuni Heng Ch'Ih (à suivre)

## AVANT-PROPOS

LE SUTRA DU SIXIEME PATRIARCHE a été expliqué en Amérique auparavant, je ne sais pas comment cela a été fait. Je sais que le Sutra a été lu simplement à haute voix, or chaque Sutra a sa propre interprétation spéciale, le fait de le lire simplement à voix haute ne révèle pas sa signification.

Seul le Dharma du Bouddha se développait en Chine, mais les enseignements du Sixième Patriarche, le Patriarche analphabète, étaient enregistrés dans un Sutra. Ils étaient enregistrés par FA HAI disciple du Maître. (Le Maître Dharma Fa Hai était un « disciple de chambre » du Sixième Patriarche. Celui-ci lui avait transmis le merveilleux Dharma du Sceau de l'esprit ce qui lui avait donné le privilège d'entrer dans la chambre du Patriarche). Bien que sa transcription ne reflète pas les paroles exactes du Patriarche, les significations exprimées sont exactes.

J'espère que tout le monde étudiera le Dharma du Bouddha d'un cœur sincère et sérieux et ne le prend pas à la légère comme la plupart des gens. Car c'est seulement en observant le Dharma de Bouddha comme extrêmement important que vous serez capable de comprendre les principes que je vais vous expliquer.

## INTRODUCTION

LE SUTRA DU SIXIEME PATRIARCHE est le titre spécifique de ce Sutra or le terme « Sutra » désigne tous les discours donnés par le Bouddha. Pour élucider leur contenu, les titres de Sutra sont classés en sept types suivant les références à la personne, au dharma et à l'analogie :

A - Trois titres simple : Trois parmi les sept types de titres se réfèrent à une personne, un dharma ou une analogie. Par exemple :

1. « BOUDDHA PARLE DU SUTRA AMITABHA ». C'est un titre établi seulement par la référence à la personne ; le Bouddha est une personne, seule une personne peut pratiquer et réaliser la bouddhité. Bouddha est une personne, tout le monde possède la nature du Bouddha. En Chinois, quand nous écrivons le mot Bouddha (佛),

le symbole « personne » (人) se trouve à gauche.

2. LE SUTRA MAHAPARINIRVANA est un titre établi par la référence au dharma, « nirvana ». Nirvana est un mot sanscrit qui en chinois est composé de deux caractères « Nieh P'an » qui peuvent être expliqués comme « non produit et non détruit ».

3. LE SUTRA DU FILET BRAHMA est un titre établi par la référence à l'analogie. Dans ce Sutra, le Bouddha explique les préceptes. Si vous observez ces préceptes, vous obtiendrez une lumière qui s'étend dans le ciel du Roi Brahma. Mais si vous brisez négligemment les préceptes, vous commettrez de graves offenses d'avoir violé délibérément le Dharma tout en ayant la parfaite connaissance de ce Dharma. Votre lumière s'écoulera dans les trois mauvais chemins : Celui d'enfer, celui des animaux et celui des esprits affamés, où il n'y pas la moindre trace de traitement miséricordieux.

B. Trois titres double : Établis par la référence à la personne et au Dharma, à la personne et l'analogie ou au dharma et à l'analogie sont appelés les « trois double ». Par exemple :

4. LE SUTRA DU MERVEILLEUX DHARMA DU LOTUS est un titre établi par la référence au Dharma et à l'analogie puisque Le Merveilleux Dharma est une analogie du lotus.

5. LE SUTRA DU RUGISSEMENT DU LION DE CELUI VENU AINSI, est un titre établi par la référence aux dix titres honorifiques donnés à

chaque Bouddha. Le rugissement du lion est une analogie à l'enseignement du Dharma.

6. LE SUTRA DES QUESTIONS DE MANJUSHRI est un titre établi par la référence à une personne, le Bodhisattva Manjusri de la grande sagesse, et le dharma de ses questions, le Purana.

C. Un titre complet: La septième classification contient des références à la personne, au dharma et à l'analogie.

7. LE GRAND SUTRA DE L'ORNEMENT DE FLEUR DU BOUDDHA UNIVERSEL (LE SUTRA AVATAMSAKA) se réfère au Bouddha, une personne, au grand et universel dharma, et l'ornement floral une analogie.

LE SUTRA DU SIXIEME PATRIARCHE est un Sutra chinois, pas indien, et son titre n'est pas classé parmi les sept thèmes mentionnés ci-dessus. Ce Sutra est classé selon la personne, le dharma et le lieu. Le sixième patriarche est une personne, le trésor de son dharma est un dharma et le lieu de cultes est un lieu. Je vais expliquer maintenant le titre spécifique de ce Sutra.

LE SIXIEME PATRIARCHE : Maître HUI NENG du temple NAN HUA, expliquait le Sutra au début du 8<sup>e</sup> siècle A.D., fut le sixième patriarche chinois. Il apparut six générations après Bodhidharma, celui-ci avait fait venir l'enseignement Mahayana de l'Inde en Chine et était devenu le premier patriarche Chinois. Bodhidharma était aussi le vingt-huitième patriarche Indien, et si on compte à partir du temps du Bouddha Sakyamuni, le Grand Maître HUI NENG est compté comme les trente troisième patriarches.

DHARMA. Dharma est une méthode. En quel sorte une règle, un modèle ou un exemple. Pratiquer selon cette méthode, c'est pratiquer « le Dharma ».

Le Dharma est aussi un trésor précieux. (à suivre)

:

1. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur terre, il lançait de ses pieds, des lumières éclatantes, appelées : « Ornées de bonheur et de joie », illuminant des milliers de milliers de mondes entiers, pénétrant dans les mauvais sentiers où les êtres vivants subissaient des atrocités. Dès que ces malheureux furent éclairés par cette lumière, ils sortirent de leurs malheurs et obtinrent la Félicité. Ils savaient alors qu'un Grand Boddhisattva apparaîtrait bientôt en ce monde. C'était la première manifestation.

2. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur terre, du milieu, entre ses sourcils, il lançait des auréoles de lumière blanche appelée : « Lumière d'Eveil », illuminant des milliers de milliers de mondes immenses, éclairant également les autres Boddhisattvas qui avaient pratiqué la Voie en même temps que LUI depuis des générations. Eclairés par cette lumière, ces derniers savaient que le Grand Boddhisattva allait apparaître très bientôt en ce monde. Alors, Ils LUI apportèrent des offrandes en grande quantité. C'était la deuxième manifestation.

3. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur terre, de la paume de sa main droite, il lançait des lumières appelées : « Purifier le monde », capables de purifier, d'apporter la sérénité dans des milliers de milliers de mondes immenses. S'il y existait des Prateykas-Bouddhas qui avaient obtenu le fruit d'Anasvara (sans écoulements, sans passions) et connaissant parfaitement cette lumière, ceux-ci mirent fin immédiatement à leur existence. Dans le cas contraire, ils furent transportés dans d'autres mondes par la puissance de cette lumière, ainsi que



tous les démons, les pratiquants des religions hétérodoxes et tous ceux qui s'attachaient encore à leurs connaissances préconçues, excepté ceux qui méritaient d'être sauvés et qui furent attirés par la force d'attraction spirituelle du Bouddha. C'était la troisième manifestation.

4. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre sur terre, de ses genoux, il lançait d'immenses clartés intitulées: « Ornées de béatitude », illuminant les palais impériaux de tous les souverains célestes : depuis le royaume des quatre Souverains Célestes Protecteurs du monde Saha inférieur jusqu'au Ciel Supérieur de la Pureté. Tous les Rois Célestes savaient que le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre du ciel Tushita sur terre ; Ils se sentirent infiniment affligés, angoissés et ensemble, respectueusement, Ils LUI apportèrent, en guise d'offrandes, des gerbes de fleurs, des vêtements, des poudres ou crèmes parfumées, des parasols et des instruments de musique. Ils LE suivirent dans le monde Saha, jusqu'à son entrée dans le Nirvana. C'était la quatrième manifestation.

5. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, au milieu du Sutra du Vajra Paramita, du caractère « VAN » (Svastica = bon augure), émanaient d'immenses clartés intitulées: « Douées de facultés remarquables », illuminant le corps de tous les Vajras Protecteurs du Dharma dans tous les mondes des dix directions. A ce moment là, des milliers de milliers d'autres Vajras Protecteurs du Dharma se mobilisèrent pour servir le Grand Boddhisattva depuis son apparition dans le monde Saha jusqu'à son entrée dans le Nirvana. C'était la cinquième manifestation.

6. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, de tous les pores de son corps émanaient

d'immenses clartés intitulées : « Les êtres vivants sans distinction », illuminant des milliers de milliers de mondes, touchant le corps de tous les Boddhisattvas, de tous les Rois Célestes aussi bien que des humains. Ces Boddhisattvas pensaient qu'ils devraient rester dans ce monde Saha pour faire offrandes au Grand Boddhisattva et L'aider à éduquer et instruire les êtres vivants. C'était la sixième manifestation.

7. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, du « Palais du Grand Mani, merveilleuse perle », émanaient d'immenses clartés intitulées : « Bien observer pour trouver un endroit favorable, bienveillant », illuminant l'endroit où apparaîtrait le Grand Boddhisattva. En suivant cette lumière, les autres Boddhisattvas se réincarnèrent en ce monde Saha, ou bien chez des particuliers, ou bien dans des tribus ou dans des villages, dans le but de L'aider à éduquer et instruire les êtres vivants. C'était la septième manifestation.

8. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, à partir des Grands Palais Célestes, émanaient d'immenses clartés intitulées : « Ornaments absolument purs », illuminant le ventre de la future Sainte-Mère. Après cette illumination, la Sainte-Mère se sentait paisible, sereine, parfaitement heureuse, réussissant dans toutes ses actions bienveillantes. L'intérieur du ventre de la Sainte-Mère se transformait en palais orné de merveilleuses perles Mani, c'était l'endroit où vivait le corps du Grand Boddhisattva. C'était la huitième manifestation.

9. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à descendre dans le monde Saha, de ses pieds émanaient d'immenses clartés intitulées : « Résidence de la bienfaisance ». Si les fils du Ciel et les Brahmanes à l'agonie avaient été illuminés par cette lumière, ils pourraient prolonger leur existence et faire offrandes au Grand Boddhisattva depuis son apparition jusqu'à son entrée dans le Nirvana. C'était la neuvième manifestation.

10. Du ciel Tushita, quand le Grand Boddhisattva s'apprêtait à apparaître dans le monde Saha, de sa beauté sublime émanaient d'immenses clartés intitulées : « Ornées de soleil et de lune », évoquant des œuvres du Grand Boddhisattva. A ce moment-là, les êtres humains et célestes le virent

apparaître, soit dans le ciel Tushita, soit dans les flancs de la Sainte-Mère, soit à sa naissance, soit à sa conversion, soit à son éveil, soit à sa conquête des démons ou au moment où Il tournait la Roue du Bouddhadharma, ou au moment où Il entra dans le Nirvana. C'était la dixième manifestation.

Toutes ces innombrables et immenses clartés lumineuses émanant de sa personne, de son siège, de ses palais évoquaient les bienfaits du Grand Boddhisattva. En dehors de ces bienfaits, le Grand Boddhisattva avait aussi réalisé parfaitement toutes sortes d'actions méritantes. C'était la raison pour laquelle, Il apparaissait en ce monde Saha.

## **LES FORMULES MAGIQUES, MIRACULEUSES, INIMAGINABLES DE L'IMMENSE COMPASSION**

Le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La journée commence par les sept Formules magiques de l'Immense Compassion. Le soir après la cérémonie de la Purification, on récite les « Formules Magiques de l'Immense Compassion ».

Dans le passé, le nombre de Bouddhas qui avaient récité ces Formules Magiques s'élevait à des millions de fois les sables du Gange, et Bodhisattva Avalokitésvara par amour pour tous les êtres vivants, avait fait un vœu de compassion. Déployant les voiles du navire de la Compassion, revenait dans le monde des humains pour sauver tous les êtres vivants hors des malheurs, des souffrances. C'est pourquoi, nous avons un proverbe disant : « la mer des souffrances est illimité, il suffit de se retourner pour voir le rivage ». C'est pourquoi nous devons réciter respectueusement et sincèrement les Formules Magiques de l'Immense Compassion, nous verrons que le miracle se réalisera d'une façon indiscutable et inimaginable.

Il y a d'innombrables kalpas dans le passé lointain, Bodhisattva Avalokiteshvara avait pu

entendre le Bouddha « Thien Quang Vuong Tinh Tu (Roi de tous les Astres scintillant dans le Ciel) expliquer : « les Formules Magiques de l'Immense Compassion ». Puis, Bouddha, de sa main jaune dorée lui avait touché la tête. Après cela, elle avait obtenu la certification du fruit : « Bodhisattva des huit mondes ». Le cœur rempli de satisfaction, de joie, Bodhisattva Avalokiteshvara avait prêté le grand serment suivant : « Si je pouvais être utile à tous les êtres vivants je prie d'avoir mille mains et mille yeux. » Dès qu'il avait prêté ce serment, la terre tremblait, la lumière émanée des Bouddhas des dix directions illuminait son corps orné soudainement de mille mains et mille yeux. Les mains avaient la capacité de secourir et les yeux d'illuminer. Mille mains et mille yeux représentaient la sagesse et d'innombrables pouvoirs surnaturels. Le sens de « Dai Bi » (l'Immense Compassion) est basé sur : « Bi hay cuu kho » (sauver hors des malheurs).

Ainsi, quiconque, tombe dans les malheurs, s'il récite les Formules Magiques de l'Immense Compassion d'un cœur sincère et respectueux retrouve la paix dans l'âme, le malheur se transforme en bonheur. Bodhisattva Avalokiteshvara avait affirmé devant Bouddha : « Si les êtres vivants récitaient les « Formules Magiques de l'Immense Compassion » et si leurs vœux ne sont pas exaucés, je jure de m'abstenir de l'état d'éveil de la Bouddhité à moins que leurs vœux ne soient malveillants ou manquent de sincérité. » Le fait de réciter les « Formules Magiques de l'Immense Compassion » nous apporte non seulement la satisfaction, mais encore la réussite dans tout ce que nous entreprenons, nous évite des dangers, des malheurs, nous amène la paix et le bonheur, nous aide à surmonter tout obstacle dangereux et à nous en sortir sans indemnité.

Que peut-on faire pour éloigner les malheurs ?

- Récitez les Formules Magiques de l'Immense Compassion. Pour échapper aux dangers ?



- Récitez les Formules Magiques de l'Immense Compassion. Ne les sous-estimez pas ou ne les considérez pas comme étant trop simples. Je me permets de vous confier ceci : « Si vraiment durant votre vie passée et présente, vous n'aviez pas semé les bonnes causes, même le nom de ces Formules vous aurait été inconnu, ne parlons pas du fait de les réciter. Aujourd'hui, non seulement vous avez la chance de connaître le nom de ces Formules, mais encore de les réciter d'un cœur aussi sincère, c'est vraiment une chance inouïe qui n'arriverait qu'une fois tous les cents mille kalpas. En plus, les bons amis vertueux sont toujours là, prêts à vous conseiller la méthode de les réciter, les pratiquer et les perfectionner. Vraiment, elles méritent bien d'être respectées. En somme, « les Formules Magiques de l'Immense Compassion » renferment d'effets bénéfiques en quantité infinie qu'on n'arrive jamais à énumérer.

Durant ces sept jours qui viennent, nous devons réciter « les Formules Magiques de l'Immense Compassion » d'un esprit et d'un cœur absolument sincère et respectueux, réciter de telle manière que toute pensée illusoire soit totalement chassée. Alors à ce moment là votre âme sera pure. Certains verront des illuminations, d'autres l'apparition des fleurs, d'autres,

Bodhisattva

Avalokiteshvara leur toucher la tête afin d'ouvrir leur intelligence, d'autres sentiront un singulier parfum délicat. Néanmoins, il existe aussi des gens qui récitent ces Formules Magiques d'un esprit assidu, et d'un cœur tout aussi sincère, et pourtant, ils ne voient

aucune apparition particulière. Ne vous découragez pas ! Continuez à les réciter, un jour ou l'autre, quand le moment viendra, vous entrez en communion avec Bouddha, et alors les apparitions surgiront certainement devant vous. Qu'importe les apparitions qui surgissent ou même qu'il n'y ait aucune apparition, l'essentiel réside toujours dans la performance de



la pratique de la récitation des Formules. Celui qui voit un bon présage, ne doit pas trop s'y attacher ; et celui qui n'en voit aucun, ne devrait pas se sentir complexé découragé en se disant : « Il se peut que je n'aie pas semé de bonnes racines sinon, pourquoi n'ai-je pas vu les Bodhisattvas ? Les bonnes racines produisent toujours tôt ou tard de bons fruits. Si vous sentez que vos racines ne sont pas encore suffisamment satisfaisantes (mûres), vous devriez continuer à les renforcer en accomplissant davantage de bonnes actions. C'est pourquoi on dit : « Si vous n'avez pas semé de bonnes racines, dépêchez-vous de les semer, si vous les avez déjà semées, améliorez-les. Si elles sont bien

Améliorées, perfectionnez-les, la performance une fois atteinte vous permettra d'aboutir à la délivrance.

Arrivés pour la première fois à « Kim-Son Thanh Tu » dans le but d'examiner, d'étudier et de pratiquer le Bouddhadharma, vous devriez vous investir courageusement pour vous améliorer, vous éloignant toute pensée illusoire. Car si vous pratiquez la récitation en laissant votre pensée errer partout, vous ne pourrez jamais vous concentrer. Et si l'esprit n'est pas concentré, vous n'entrerez jamais en communion avec Bouddha. C'est la seule chose à laquelle vous devriez particulièrement être vigilant. Les intérêts qu'apporte le fait de réciter assidûment les Formules Magiques de l'Immense Compassion sont tellement innombrables qu'il est impossible de les énumérer. Celui qui a récité les Formules Magiques de l'Immense Compassion ne tomberait jamais dans les trois mauvais chemins, car s'il y tombait Bodhisattva Avalokiteshvara jurerait ne jamais devenir Bouddha. Tout individu stupide qui a récité les « F.M.I.C. » mais qui n'obtiennent pas l'intelligence, alors Bodhisattva Avalokiteshvara jurerait ne jamais devenir Bouddha. Par ailleurs, les « F.M.I.C. » sont capables de guérir quatre-vingt quatre mille maladies du monde humain. Même les maladies incurables devant lesquelles les médecins orientaux et occidentaux n'ont plus aucune ressource, seront guéries sans avoir recours aux médicaments, par le seul fait de réciter les « F.M.I.C. » La force miraculeuse de ces Formules Magiques sont vraiment inimaginables, indiscutables !

Une personne, dans cette pagode même en avait fait l'expérience. Le cancer n'a jamais été facile à

guérir, pourtant la récitation des Formules Magiques de l'Immense Compassion fait disparaître la maladie. La force du pouvoir miraculeux de ces Formules Magiques est vraiment inimaginable. On verra comment vous allez pratiquer pendant les sept prochains jours. Celui qui pratiquera d'un cœur vraiment sincère, obtiendra de bons résultats, ses vœux seront exaucés. S'il était malade, il en serait guéri; s'il ne l'était pas, son intelligence s'intensifierait. Tous ses vœux seraient exaucés. C'est pourquoi ces Formules Magiques sont qualifiées comme quelque chose d'inimaginable, immensément généreux et miraculeux, enfin comme un Dharani. Le terme « Dharani » veut dire : « Siège central », réunissant toutes les Doctrines des Bouddhas et renferme une infinité de sens. Il veut aussi dire : secrets ou « paroles authentiques » des Bouddhas. En résumé, ce sont des mots secrets qui renferment quatre significations suivantes :

1. Ils renferment les noms des rois de tous les démons, c'est pourquoi quand les démons, entendent ces noms, ils n'osent pas faire des bêtises, mais au contraire, tâchent de respecter les règles.

2. Ces mots secrets sont considérés comme des ordres verbaux dans l'armée, et la violation de ces ordres mérite des sanctions.

3. Ces mots secrets sont capables d'anéantir discrètement vos péchés karmiques sans que vous en rendiez compte

- 4). Enfin, les Formules Magiques sont des langages secrets qui ne sont compris que par des Bouddhas seulement.

Le fait que vous êtes présents à cette Assemblée du Dharma de « l'Immense Compassion » prouve que vous avez déjà planté de bonnes racines, que vous êtes doués de bonnes qualités morales et en plus que votre semence est déjà mûrie. Espérons que, une fois arrivés dans cette pagode « Kim-Son » une « Montagne de Joyaux », vous ne rentrerez pas les mains vides. Il vous faudra évidemment revenir avec quelque joyau qui vous sera utile plus tard. Quel genre de joyau s'agit-il ? Précisément il s'agit des « Formules Magiques de l'Immense Compassion. » Elles guériront vos maladies, vaincront les démons, ouvriront votre intelligence, votre sagesse, vous apporteront la paix ; autrement dit, tous vos vœux seront exaucés et vous en serez absolument satisfaits.

Cette Assemblée du Dharma de l'Immense Compassion présente encore une autre particularité. C'est qu'en Chine, il existait rarement de séminaire de récitation de « l'Immense Compassion. » Celui-ci va battre le record avec une durée de sept jours d'affilés. Dans d'autres pays, existe-t-il ce genre de séminaire qui dure aussi longtemps ? Je n'en sais rien, mais aux Etats-Unis, c'est la première fois que cela arrive. J'espère que vous allez pratiquer de toutes vos forces, du fond du cœur, la récitation de ces Formules Magiques de l'Immense Compassion, alors vos mérites seront incommensurables.

## Le Lotus pousse dans la boue

Le Vénérable Maître Hsuan Hua  
Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

« L'essence de tout Dharma est limpide sans entrave »

«Le vide est merveilleusement plein»

«Tous les êtres sont égaux»

«Plus de pensée, plus de parole»

Cela veut dire :

«Toute chose n'a au fond aucune entrave»

«Le vide merveilleusement plein, tolère tout»

«Tous les êtres sont égaux, possèdent la même nature»

«Quand on n'a plus de pensée, plus besoin de paroles»

L'esprit humain est universel recouvrant tout, tolérant tout. Il peut s'étendre depuis l'infiniment petit jusqu'à l'infiniment grand. Non seulement Bouddha possède cet esprit, mais chacun d'entre nous est aussi doué de cette faculté, de cette intelligence. Mais, comme nous ne nous en sommes pas servi, cette faculté se recouvre d'une épaisse couche de poussière. C'est pourquoi on dit que l'être humain et Bouddha possèdent originellement la même quintessence identique



sans aucune différence. Mais l'être humain délaissant la clarté de l'éveil, préfère la poussière aveuglante, ignorant complètement cette immense faculté. Résultat : il croit comprendre, mais en réalité, ne comprend rien, se croit éclairé, mais en réalité, complètement aveuglé ignorant.

D'autant plus qu'il ne fait rien pour faire réapparaître cette intelligence innée ; mais au contraire, tous les jours, obéissant, se pliant à son ignorance, à ses afflictions, croyant que c'est sa force, pour un rien, il se met en colère créant ainsi des racines du mauvais karma. Si le mauvais karma n'avait pas existé, ce feu de l'ignorance n'aurait pas existé. Car, dès que le feu de l'ignorance se déclare, surgissent inmanquablement : la cupidité, la colère, la stupidité.

Par conséquent, vous devriez toujours faire votre introspection, votre examen de conscience pour vous en rendre compte. Vous n'êtes pas le seul qui contracte cette maladie, tout le monde en est contaminé.

Il est vrai que nous tous, sommes en train de cultiver le BouddhaDharma, mais en réalité, combien l'ont pratiqué sérieusement. Du matin au soir, nous n'arrêtons pas de nous poursuivre, nous rivaliser, plongés dans des conflits, complètement affligés au point d'en perdre le sommeil, à la recherche du sommet oubliant totalement la racine. Alors, pour trouver le sommeil, nous absorbons des tranquillisants, il suffit d'une overdose et nous ne nous réveillerons plus jamais.

Que nous sommes pitoyables !

Tous ces malheurs viennent de l'ignorance. Car de l'ignorance naissent tous les désirs : désirs de biens matériels, de formes, de célébrités, de bonnes chères, de breuvages. Le désir de biens matériels pousse les gens, du matin au soir, à ne

penser qu'à l'argent, à s'en procurer au maximum. Etre fortunés même au niveau national ne leur suffit pas. Le désir sexuel use énormément, ravageant jusqu'à la moelle

épineière, causant toutes sortes de maladies, conduisant ainsi à une mort prématurée. Généralement, la plupart des parents mettent au monde des enfants, les nourrissent et les pressent à se marier, au plus vite possible, que ce soit fille ou garçon, se disant que : tant que leurs enfants ne sont pas mariés, ils n'auront pas accompli leur devoir. Mais, en réalité, ils auraient dû les élever, les éduquer, leur donner un métier au lieu de les pousser à se marier. Or, ils ne se rendent pas compte que : en poussant leurs enfants à se marier, indirectement, inconsciemment, ils les poussent à s'engager sur les chemins de la roue tournante du Samsara, sans aucun espoir de cultiver la voie menant à la Bouddhité.

Actuellement, il existe, dans le monde entier des phénomènes assez étranges. Quand les enfants ne se marient pas, les parents s'en plaignent, mais quand ils se droguent, ils ne s'y opposent pas. Autrement dit, quand les enfants cherchent à s'élever, les parents s'inquiètent, par contre, quand ils se corrompent, les parents les encouragent. C'est là où réside l'ignorance stupide des parents.

A mon avis, le Bouddhisme : «Retour à l'origine, formulation des vœux» devrait être appelé : «Religion de la sagesse». Car le terme : «Bouddha», un mot sanskrit signifiant : «Sagesse suprême». Le sens fondamental du mot «Bouddha» c'est «Eveil».

Parfois, les gens méprisent le Bouddhisme disant, comme certains Européens, que c'est de la superstition. Mais quand vous dites que le Bouddhisme c'est «une religion de la sagesse» personne ne s'y oppose. Car, personne ne vous dira que la sagesse c'est de la superstition, ni la superstition c'est la sagesse. C'est pourquoi, quand vous apprenez la doctrine du Bouddha, vous apprenez la sagesse, et quand vous apprenez la sagesse, vous apprenez la doctrine du Bouddha.

Une question m'a été posée : « Comment allez-vous prêcher en Europe ? »

Je lui dis que je ferai des causeries spirituelles bouddhistes en m'appuyant sur le Boddhisattva Avalokiteshvara, sur le Mantra de la Grande Compassion, sur le Mantra Surangama. Le Mantra de la Grande Compassion, c'est le Mantra de l'Esprit d'Immense Compassion concernant le monde céleste ainsi que terrestre.

Si vous réussissez à réciter ce Mantra cent huit fois par jour, pendant trois ans d'affilés, d'un esprit respectueux et sincère, à ce moment là, toujours

pour le profit de toute l'humanité, vous serez capable de guérir toutes les maladies, rien qu'en touchant le malade.

J'avais, personnellement, des centaines de milliers de fois, fait revivre des personnes mourantes grâce à cette communication. C'est pourquoi, on peut dire que Le Mantra d'Immense Compassion éveille notre esprit, nos connaissances, accomplit des transformations inimaginables, des tâches extrêmement merveilleuses.

Le but de mon arrivée à Taïwan, cette fois ci, consiste à me servir du Mantra d'Immense Compassion et d'un cœur absolument sincère, j'essaierai de rendre service à ce pays, de faire disparaître tous les malheurs, d'augmenter l'esprit bienfaisant et la sagesse de ce peuple.

Le Mantra d'Immense Compassion et le Boddhisattva Avalokiteshvara ne sont pas distincts mais ne font qu'un.

J'espère que les bons amis spirituels d'ici sont suffisamment croyants et sincères en récitant le Mantra pour faire disparaître tous les malheurs.

Ayant bien réalisé le pouvoir surnaturel, merveilleux du Mantra, aussi, je vous l'expose clairement aujourd'hui. Si j'ai souvent parlé de l'efficacité du Mantra d'Immense Compassion, j'espère que chacun d'entre nous sache utiliser toutes les puissances du Mantra pour sauver le monde entier, libérer l'humanité de tous les accidents, tous les malheurs, installer la bonne doctrine au milieu de l'univers.

## **Dix raisons expliquant la présence du Grand Boddhisattva dans les flancs de la Sainte-Mère :**

1. Pour empêcher certains êtres vivants, dont l'esprit était étroit et d'une intelligence limitée, de penser de la façon suivante : « Puisque le Grand Boddhisattva apparaissait naturellement, était naturellement doué de bonnes racines, de grande sagesse, donc, il n'est pas nécessaire de pratiquer, ni de suivre la Voie ». C'était la première raison, pour laquelle, le Grand Boddhisattva se présentait dans les flancs de la Sainte-Mère.

2. Pour perfectionner, faire mûrir les bonnes racines des parents, de toutes les parentés, de tous ceux qui avaient planté de bonnes causes depuis plusieurs générations. C'était la deuxième raison, pour laquelle, le Grand Boddhisattva se présentait dans les flancs de la Sainte-Mère. Pourquoi ? Parce que ceux-ci avaient besoin de s'assurer de la présence du Boddhisattva dans les flancs de la Sainte-Mère pour faire mûrir, rendre parfaites les bonnes racines qu'ils avaient déjà plantées auparavant.

3. Dès qu'Il se présenta, ainsi que durant tout le temps qu'Il restait dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva gardait toujours un esprit clairvoyant, droit et loyal, sans la moindre hypocrisie, le moindre trouble. C'était le troisième événement.

4. Dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva continuait toujours à prêcher le Bouddhadharma pour les Grands Boddhisattvas, venant des dix directions, ainsi que ShakroDevanam Indra (Đề-Thích), Brahma, les quatre Rois Célestes Protecteurs du monde, qui se rassemblaient autour de Lui pour écouter, augmentant ainsi infiniment leur puissance et leur sagesse. Même dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva réussissait dans son talent d'orateur, réalisant ainsi une œuvre gigantesque. C'était la quatrième manifestation.

5. Dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva convoquait de grandes réunions des Boddhisattvas, utilisant toute la force de ses vœux royaux afin de LES éduquer, LES instruire. C'était la cinquième raison.

6. Le Grand Boddhisattva apparaîtrait dans le monde humain, deviendrait Bouddha, devrait donc subir une naissance et une existence humaines. C'était la sixième raison.

7. Les êtres vivants dans des milliers de milliers de mondes voyaient le Grand Boddhisattva dans les flancs de la Sainte-Mère, comme s'ils voyaient leur ombre dans un miroir. A ce moment, les Rois Célestes, les Dragons, les Yakchas (Đà-Xoa), Gandhawa (Càn Thát Bà), les Azuras (A-Tu-La), les Garudas (Ca-Lâu-La), les Kinnaras (Khân-Na-La), les Mahoragas (Ma-Hầu-La-Già), les humains, les non-humains, etc., les grands esprits s'y rendaient tous et respectueusement LUI faisaient offrandes. C'était la septième raison.

8. Pendant que le Grand Boddhisattva était dans les flancs de la Sainte-Mère, tous les autres Boddhisattvas dans les flancs de toutes les Saintes-Mères dans les dix directions venaient s'y rassembler pour prêcher les Dharmas du Grand Recueil intitulé : « Recueil d'Immenses Compassion et Sagesse ». C'était la huitième raison.

9. Dans les flancs de la Sainte-Mère, l'esprit complètement débarrassé de toute souillure, le Grand Boddhisattva transforma cet endroit en un palais magnifiquement orné, mieux que le ciel Tushita. C'était la neuvième raison.

10. Pendant qu'Il était dans les flancs de la Sainte-Mère, le Grand Boddhisattva utilisait sa puissance spirituelle, immense pour préparer une offrande intitulée : « Ouvrir l'immense bénédiction, éloigner toute souillure », puis l'envoyer à tous les Bouddhas (AINSI-VENUS) des dix directions. CES DERNIERS, en guise de reconnaissance à son égard, commençaient à prêcher d'infinis « Dharmas des Boddhisattvas ». C'était la dixième raison.

## LES QUATRE FILS

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

Bouddha Amitabha à la terre de Félicité de l'ouest avait formulé le vœu de sauver tous les êtres vivants hors de la mer des souffrances. Il suffit qu'on veuille s'y rendre, il nous accueillera certainement car il est doué d'une immense puissance inimaginable, inexplicable.

Il y a plus de deux mille ans, à l'époque où Bouddha Sakyamuni prêchait le Bouddhadharma en ce monde vivait une fidèle pratiquante, extrêmement croyante et sincère, elle témoignait beaucoup de respect envers le Tathagata. Tous les matins, elle ne manquait jamais ni ne tardait d'aller rendre visite à Bouddha.

Un jour, elle invitait Bouddha à prendre repas chez elle. Connaissant son intention, Bouddha lui demanda :

- Vous offrez un repas à Bouddha espérant quelles bénédictions de la part du Bouddha ? Respectueusement la fidèle pratiquante répondit :

- Avec vos bénédictions, je vous prie de bien vouloir m'accorder quatre fils  
- Pourquoi quatre fils ? Demanda le Bouddha plein de miséricorde  
- Seigneur Honoré Suprême, si j'avais quatre fils, lorsqu'ils seront grands, le premier ferait du commerce, il aurait beaucoup d'argent, le deuxième serait cultivateur, tous les ans il récolterait beaucoup de céréales, le troisième ferait de hautes études, serait un grand mandarin pour faire honneur à la famille, et le quatrième se convertirait, suivrait la voie du Bouddha, il serait éveillé et sauverait ses parents ainsi que tous les êtres vivants. Je serais absolument satisfaite, si mes vœux étaient exaucés.

Ayant entendu ses vœux, Bouddha lui dit :

- Bien, j'accepte vos requêtes, vos souhaits seront exaucés.

Remplie de joie, la fidèle pratiquante fit beaucoup d'offrandes à Bouddha. Quelque temps après, elle fut enceinte et donna naissance à un garçon extrêmement intelligent et vif, incomparable par rapport aux autres garçons ordinaires, ses parents le chérissaient, le considéraient comme une perle.

Au fil des années, le petit garçon grandit, il n'avait pas d'autres petits frères comme avait souhaité sa mère. Par conséquent, sa mère au lieu de partager son amour maternel au quatre, déversa tout sur ce fils unique.

Un jour, elle raconta à son fils comment elle avait fait offrande à Bouddha, comment elle avait formulé ses vœux, et pourquoi elle avait souhaité quatre fils. Le petit garçon avait enregistré toutes les paroles de sa mère. Il commença d'abord pour faire l'étude de commerces.

Comme il était très intelligent, en moins d'un an il s'enrichit, fit fortune, ses parents en furent très satisfaits. Ensuite, abandonnant le commerce, il se lança dans l'agriculture. Etant très laborieux, prenant la peine de labourer, d'arroser, en très peu de temps, le niveau des rendements obtenus fut si élevé que tous les villageois avoisinants ne cessèrent pas de le féliciter. Possédant la fortune, des céréales en abondance, ses parents devinrent de grands bourgeois notables dans le village. Des quatre vœux de sa mère, il en avait réalisé deux. Maintenant, il allait accomplir son troisième, celui d'avoir un fils mandarin pour faire honneur à la famille. Doué de talent, se procurer un titre de mandarin ne lui posait aucun problème ; son poste

de mandarin apportait davantage de richesse et honneur à la famille. La famille était comblée, plus aucun souci. Et pourtant, il restait encore un quatrième grand vœu qui lui tenait à cœur et qu'il n'a pas encore réalisé. Après avoir passé un an dans le mandarinat, un jour il disait respectueusement à sa mère : « J'ai réalisé trois de vos quatre souhaits, il reste le quatrième, si je le réaliserais, vous en seriez heureuse ? N'est-ce pas ? Alors avec votre permission, je vous demande de me laisser convertir ».

Connaissant la volonté de son fils qui était aussi la sienne, sa mère en fut ravi; d'un cœur léger, il s'en alla trouver Bouddha Sakyamuni et lui demanda l'autorisation de se faire moine. Grâce à la bénédiction du Bouddha et ses propres actions méritantes, ajoutée à cela sa pratique consciencieuse, en très peu de temps il obtint le fruit d'Arhatship. Ensuite, il rentra chez lui et sauva ses parents et tous ceux de sa famille. A partir de ce jour, il s'engageait définitivement dans la voie, prêchant le juste Dharma du Bouddha, sauvant ainsi énormément d'êtres vivants.

## Une prosternation tous les trois pas

Heng Cu et Heng Do

Traduction en français : Ly Thi Minh Nguyet

La suite

**Le 21 octobre 1973. Hằng-Do écrit :**

**L**e vent sifflant dans les feuillages nous a réveillés. Quoiqu'il fasse encore nuit, nous nous préparons et en tâtonnant, nous sortons dans la rue. En sautant une barrière, Bhiksu Hằng-Cu se fait une luxation au dos, malgré cela, il arrive quand même dans la rue sombre et glaciale pour commencer ses prosternations.

Quand le vénérable Hur-Vân commençait son pèlerinage de prosternations, beaucoup de moines l'ont accompagné, mais peu de temps après, trop fatigués, ils l'ont abandonné et retourné à la pagode. Aujourd'hui, nous n'avons fait que cinq jours de prosternations mais je me rends compte déjà que : se prosterner sur une distance de mille lieues (1.600 km) est beaucoup plus difficile que



je ne l'imaginai. Et j'affirme que, si ce n'était pas Bhiksu Hăng-Cụ qui voulait absolument réaliser cette action juste et loyale, pour le bien du monde, ce pèlerinage n'aurait pas lieu.

Le vent souffle tellement fort qu'il arrache des grosses branches qui tombent pêle-mêle sur la chaussée ; les bruits retentissants du courant d'eau qui coule dans les caniveaux se mêlent à ceux de la pluie tombée en abondance. Cet après-midi, un agent de police est venu nous inspecter pour voir si nous étions des prisonniers évadés ou des fous. Puis il est reparti, l'air découragé, car il n'a trouvé aucune raison pour nous arrêter. Nous dressons notre tente près du tournant aboutissant au quartier Bolinas.

### **Le 22 octobre 1973. Hăng-Do écrit :**

Au bord de la mer, en automne, le climat est glacial et humide. Comme tout être vivant, les vaches, les chevaux, nous nous adaptons à la vie des habitants de la région. En traversant le quartier Five Rivers (Cinq Rivières), une jeune fille nous a offert du thé chaud.

Je pense que ce pèlerinage peut être appelé « un pèlerinage spirituel ». Quel sens aurait-il en réalité ? Cela veut dire : ne prêtons pas attention à l'apparence, mais observons plutôt l'évolution de chaque pensée dans notre esprit. Considérons notre esprit comme un miroir, mais pas comme un appareil photo qui enregistre des objets extérieurs, donc qui va à l'encontre du courant de la concentration spirituelle. Nous devons développer, renforcer notre esprit de telle sorte qu'il ne soit pas troublé quand il doit faire face à des sentiments. En tant que fils du Bouddha, nous devons retenir ceci : quoique notre esprit fonctionne parfois d'une façon extrêmement complexe, il comporte deux catégories :

1- L'esprit d'attachement : cet esprit a tendance d'apprécier le plaisir (comme du thé chaud) et de faire en sorte pour préserver ce sentiment.

2- L'esprit de renoncement : cet esprit repousse tout ce qui déplaît (le temps humide et glacial).

Notre esprit est tiraillé entre ces deux pensées contradictoires, ce qui nous fait perdre notre sagesse naturelle qui, fondamentalement, n'est ni troublée, ni souillée, elle est innée en nous depuis toujours.

Pratiquer la Voie consiste principalement à converger l'esprit vers « l'intérieur », apprendre à observer son évolution ainsi que ses causes, ensuite renforcer son énergie, pour qu'il soit capable d'affronter n'importe quelle circonstance que ce soit triste ou gaie. Ainsi, peu à peu, la Sagesse apparaît. Aujourd'hui, je me rends compte clairement que c'est précisément sur l'autoroute qu'on rencontre le plus d'occasions qui pourraient justifier cette doctrine.

### **Le 23 octobre 1973. Hăng-Cụ écrit :**

Aujourd'hui, nous passons (toujours une prosternation tous les trois pas) dans la région d'Olema, un petit village tranquille situé un peu retiré, au bord de la mer du Point Reyes National. J'ai oublié de mentionner qu'auparavant, quelques familles du monastère voisin étaient venues souvent nous apporter de la nourriture végétarienne toute chaude, comme les familles Quã Đôn Schweig, Quã Dung Epstein và Quã Tá Linebarger qui se sont relayées pour venir nous rendre visite, et à chaque fois ce ne furent que joie et surprise.

Cet après-midi, en passant par une plaine en friche, un voyageur solitaire accompagné d'un petit chien voulait se joindre à nous, voyageurs un peu étranges. Maintenant, à trois, nous campons au pied d'un chêne dans une propriété privée, séparée de l'autoroute d'une distance d'environ un quart de lieue. Chercher un endroit pour camper dans cette région se révèle souvent difficile, mais Bhiksu Hăng-Do arrive toujours à en trouver. Presque tout le territoire aux alentours de cette région appartient aux particuliers, c'est pourquoi le choix d'un endroit s'avère aussi difficile. Au début du voyage, Bhiksu Hăng-Do ne choisissait pas tout seul l'endroit pour camper, il attendait toujours ma décision. Aujourd'hui, après sept jours de route, il a complètement changé. A mon arrivée, il a déjà dressé la tente, parfois allumé le feu, quand les conditions lui ont permis. C'est vraiment une bonne récompense après une longue journée de prosternations.

Prendre une décision est le côté primordial dans le développement de l'esprit. Je me rappelle une fois, à la pagode Kim Sơn, je m'efforçais de prendre une décision, mais ça n'a pas bien marché ! A l'époque, j'étais seulement Sadi (jeune novice) et j'avais dans ma poche soixante-dix dollars, l'argent que j'avais gagné avant de

me convertir. Cet argent m'a rendu nerveux, j'avais l'impression qu'il allait brûler le fond de ma poche, il fallait absolument le dépenser. Ce jour là, il m'est arrivé cet incident suivant : je me tenais debout dans le couloir au troisième étage de la pagode Kim Sơn, séparé de la chambre de mon Maître d'environ cent pas, ma main dans la poche palpant mes billets, et je m'efforçais de trouver un moyen pour dépenser cet argent. Au début, j'avais l'intention d'en faire don à la pagode, mais ma petite pensée de cupidité me retenait :

- « Il faudrait peut-être que j'en garde un peu ! Oh oui ! Mais combien ? » Dès que je commençai à réfléchir ainsi, dans mon esprit surgirent de tumultueuses pensées calculatrices, justificatives à propos de cet argent. Je restais planté là sans pouvoir me décider, pendant que ma main tenant toujours les billets dans ma poche transpirait de plus en plus. J'avais l'impression d'être comme un âne fou, malheureux qui, devant deux bottes de pailles également savoureuses, incapable de faire le choix, finalement piqua une crise de nervosité.

Debout là, impuissant face à cette lutte qui se livrait dans mon esprit, j'entendis soudain de loin le grincement d'une porte qui s'ouvrit provenant de la chambre de mon Maître. Il paraissait que la porte de mon esprit s'ouvrit aussi en même temps. J'ai su tout de suite que mon Maître a bien senti ma présence.

Une fois, il m'a dit : « Une personne douée d'un œil céleste, d'une oreille céleste, de la capacité de connaître les pensées des autres, de la conscience des vies antérieures, n'a ni besoin de télévision, ni de radio, ni de radar, ni de sonar pour acquérir des connaissances. Car son esprit est complètement libéré de toute folle pensée illusoire, grâce à quoi, elle peut pénétrer à fond d'une façon miraculeuse tout ce qui se passe dans l'univers, chaque cellule dans son corps se comporte comme une télévision

et chaque cheveu un bouton de commande ».

A ce moment, j'entendis la voix de mon Maître s'adressant à l'un des Bhiksus américains qui étaient présents dans le couloir. Pas plus d'une minute après, celui-ci courut en ma direction, l'air absolument joyeux, agitant dans la main un billet de dix dollars.

- « Hăng-Cụ, le Maître vous demande si vous auriez de la monnaie pour échanger dix dollars ? »

J'étais planté là un moment, sans pouvoir sortir un mot, ma tête prête à éclater. Automatiquement, j'ai sorti deux billets de cinq dollars et les lui ai donnés.

Il me dit : « Oh ! Vous ressemblez à quelqu'un qui vient de rencontrer un fantôme ».

Je répondis : « Oh ! Oui, je viens de voir mon propre fantôme ».

Un Maître doué de sagesse enseigne ses disciples selon leur niveau, cela est difficile à expliquer. L'esprit et la parole ne constituent qu'un aspect de l'enseignement. Il faut comprendre que quand l'esprit du Maître et celui de son disciple ne font plus qu'un, tout le reste n'est que le support de l'enseignement. Le claquement brusque d'une porte se fermant sous la poussée d'une force peut être un bon moyen pour éveiller quelqu'un. De même, la sonnerie d'un téléphone, la toux sèche, le rire moqueur, l'indifférence, les réprimandes, les félicitations exagérées, les questions sans réponse et plusieurs autres méthodes ultra perfectionnées. A première vue, ils paraissent ordinaires, mais s'ils surviennent juste au bon moment alors ils permettront au Maître et à son disciple de se communiquer directement sans aucun obstacle, ni aucun risque d'erreur.

(à suivre)

**Ủng hộ báo Phật Pháp dài hạn, góp phần vào việc truyền bá Phật pháp  
Je fait un don pour la revue Bouddhadharma.**

Họ và Tên / Nom et prénom : .....

Địa Chỉ / Adresse : .....

Điện Thoại / Téléphone : .....

Cúng dường ủng hộ tùy hỷ : .....

Votre don : .....

## **Le corps du Bouddha était de couleur d'or jaune, gratifié de trente deux splendeurs divines de dix puissances ou précisément de dix puissances de la sagesse d'un Bouddha. Voici les trente deux splendeurs divines**

1. La plante de ses pieds était uniforme comme le fond d'une boîte.
2. Prenant la forme d'une roue au mille rayons.
3. Ses talons ressemblaient au sommet du Roi Brahma.
4. Des doigts fins et longs.
5. Un dos carré et droit.
6. Ses bras et jambes étaient recouverts d'une membrane.
7. Extrêmement tendres et souples.
8. Des chevilles pleines.
9. Des duvets velouteuse et brillants.
10. Des bras comparables à ceux d'un roi-cerf
11. Un corps rond et plein
12. Ses bras dépassaient les genoux
13. Une bosse au sommet de la tête
14. Invisible à l'œil humain
15. L'appareil génital bien dissimulé
16. La peau souple et lisse
17. Les duvets se couchant dans le sens de la montre
18. Tout le corps était recouvert d'une couleur pourpre mélangée au jaune doré
19. Sept endroits ronds et pleins
20. Une voix de Brahma (sublime, spéciale des Bouddhas et Bodhisattva)
21. Des omoplates pleines et solides
22. Une poitrine comparable à celle d'un lion
23. Un coude petit mais plein
24. Une dentition blanche et régulière
25. Il en possédait quarante
26. Des dents blanches comme de l'ivoire
27. Des joues semblables à celles d'un lion
28. Une haleine sublimement parfumée
29. Une langue particulièrement longue et large
30. L'aspect d'un grand homme
31. Des cils d'un vert d'émeraude
32. Des lumières blanches et éclatantes émanant du milieu entre ses sourcils.

## **Et voici les huit aspects divins du Bouddha :**

1. Descente du palais du ciel Tushita au palais terrestre du Roi Shouddodana situé dans la capitale Capilavastu en Inde.
2. La Conception : Dans les flancs de la sainte mère, Buddha ne cessait de prêcher au profit des dieux, des humaines, des esprits, des génies, des démons.
3. La grossesse avait duré dix mois.
4. A la naissance, Buddha, le doigt de la main droite pointant le ciel et celui de la main gauche montrant la terre, déclara : "Du ciel et de la terre, je suis le seul Honoré".
5. La conversion : Il pratiquait l'ascétisme pendant douze ans : six ans à la recherche de la voie, et six ans consacrés à la méditation.
6. L'Illumination : Au pied de l'Arbre Boddhi, Bouddha s'éveilla à la vue de l'apparition de l'Etoile du Matin dans le ciel.
7. La prédication : Eveillé, Bouddha commença à faire tourner la roue du Dharma (de la Loi) en prêchant au profit de tous les êtres vivants.
8. Entré finale dans le Nirvana.

C'étaient les huit aspects divins du Bouddha, mais le secte Thien Thai a changé le 3<sup>e</sup> aspect (la grossesse) et mis à la place : La conquête des démons. Voici, selon le secte Thien Thai, les huit aspects divins du Bouddha !

1. La descente du ciel Tushita au monde Saha
2. La conception
3. La naissance
4. La conversion
5. La conquête des démons
6. L'Illumination
7. La prédication
8. L'Entrée dans le Nirvana.



Chùa/Pagode Kim Quang  
75, Allée Circulaire  
93600 Aulnay Sous Bois-France  
Tel./Fax : 01.48.69.01.24  
e-mail: kimquangtu@hotmail.com  
website: chuakimquang.com



**Đ**ồ còn dùng được mà mình vất đi, thì tức là lãng phí vật chất. Trên thế giới này vật chất dùng đã hao tổn gần hết. Nếu mình không biết tiết kiệm thì tương lai thật nguy hiểm.

**Ở** đời bất luận là việc tốt hay xấu, đều dạy mình giác ngộ. Việc tốt thì dạy mình chuyện tốt. Việc xấu thì dạy mình chỗ sai lầm của nó.

**H**ãy đặc biệt chú ý đến mỗi câu Chú Lăng Nghiêm. Đừng khinh thường nó. Đây là diệu pháp rất khó gặp trong trăm ngàn vạn ức kiếp đó. Các bạn cho rằng trên thế giới có rất nhiều người thuyết giảng về Chú Lăng Nghiêm ư? Chẳng có ai.

**N**ếu bạn chỉ còn một tâm thái đại công vô tư, không ham mau, không muốn hơn kẻ khác, chỉ chuyên tâm nhất chí, thì ma gì cũng không thể hại được bạn.

**N**gười đời ai cũng bận rộn, lẩn xăn hoài. Xuất phát điểm của họ không ngoài lòng ích kỷ, rằng phải bảo vệ sinh mạng và tài sản của mình. Phật pháp thì đại công, không riêng tư, chỉ nhắm vào lợi ích kẻ khác thôi.

**S**i l'homme accomplissait le bien, tout en se reformant évitant le mal, le monde serait l'épargné de toute calamité (malheurs et accidents). Les hommes sages et vertueuse, dans les relations humaines, devraient s'abstenir de rivalité, d'intéressement le monde vivrait dans une parfaite entente universelle.

**U**n pratiquant de la voie bouddhiste ne devrait pas avoir l'esprit trop calculateur. Quiconque m'insulte mais qui suis-je ? Me frappe, mais qui suis je ? Posez vous cette question et vous avez que, vous auriez beau cherché, vous ne trouvez jamais votre "moi" (car il n'existe pas). S'il en est ainsi, pourquoi y attachez-vous tant d'importance ? Pourquoi ne le détachez-vous pas ?

**Q**uand vous vous prosternez devant Boddhisattva Avalokiteçvara, vous devriez en même temps réciter son nom ce faisant, faites une introspection pour voir si vous êtes toujours coléreuse, si vous vous êtes débarrassés de vos mauvais caractères. S'il n'en est pas ainsi, vous devriez continuer de vous prosterner jusqu' à votre prochaine vie car jusqu'à la fin de cette existence vous ne verrez jamais Boddhisattva, Avalokiteçvara.